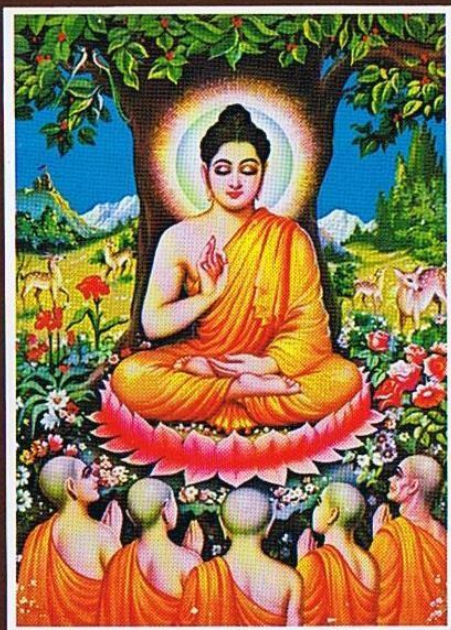


THÍCH NHƯ ĐIỂN

LỄ NHẠC PHẬT GIÁO



RITUALE & MUSIK
des BUDDHISMUS

MỤC LỤC

	trang
LỜI ĐẦU SÁCH	1
LỄ NHẠC PHẬT GIÁO	5

PHẦN I: Lễ và Nhạc của giới Phật Tử tại gia

A. Lễ	11
B. Nhạc	16
Phản Cầu Siêu	23
Phản Cầu An	51
Lời Phát Nguyện Lễ Thành Hôn	54

PHẦN II: Lễ và Nhạc của người xuất gia

A. Lễ	62
B. Nhạc	67
1. Thời Công Phu Khuya	69
a. Loại tán tâng 2 mõ 1	71
b. Loại tán tâng 3 mõ 4	73
2. Công phu Chiều	80
3. Nghi Cúng Ngộ	87
4. Thời khóa Tĩnh Độ	90
5. Hồng Danh Sám Hối	93
6. Lễ Chúc Tán, Thù Ân	94
7. Nghi thức Khai Kinh	98
8. Nghi thức Cúng Vong	114
9. Nghi Chấn Tế Cô Hồn	128
10. Nghi Đề Phan	139
12. Nghi Thành Phục	163
13. Nghi Thỉnh Tiên Tổ	168
14. Nghi Chúc Thánh	172
15. Nghi Chúc Vi Đà	175
16. Nghi Chúc Già Lam	177
17. Nghi Chúc Tổ Sư	179

18. Nghi Chúc Giám Trai.....	181
19. Nghi Cúng Giác Linh.....	183
20. Nghi Chúc Tuyền Tĩnh	186
21. Nghi Thức Cúng Ngọ.....	189
Lời cuối.....	198

Quyển Lễ Nhạc Phật Giáo do Đại Đức Thích Như Điển biên soạn. Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Nội Vụ CHLB Tây Đức, đặc trách vấn đề Tôn Giáo và Văn Hóa. Ấn bản lần thứ nhất 1.000 cuốn gồm 2 thứ tiếng Việt và Đức.

Phản dịch sang tiếng Đức do PT Nguyễn Ngọc Tuấn đảm trách. Trang trí bìa và bên trong do PT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp thực hiện. In xong ngày 30 tháng 12 năm 1984 và đã nộp lưu chiểu tại Thư Viện Quốc Gia, Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Phản viết thành nốt nhạc chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để ghi vào trong những bài tụng và tán; nhưng gặp một số trở ngại về vấn đề kỹ thuật. Do đó chúng tôi ghi riêng bài chủ “Thất Phật Diệt Tội Chơn Ngôn” và bài “Chú Đại Bi” ở phần sau cùng của quyển sách. Kính mong Quý độc giả thông cảm và lượng thứ cho.

LỜI ĐẦU SÁCH

Giáo pháp của Đức Phật đã được truyền đến khắp năm châu bốn bể và tại mỗi địa phương ngày nay, giáo lý ấy được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhằm phổ biến đến những người tin Phật có cơ hội hiểu rõ và đúng với chân tinh thần của đạo Phật.

Đức Phật vẫn luôn dạy đệ tử của Ngài rằng: “Các người tin ta phải hiểu ta, nếu tin mà không hiểu ta, tức hủy báng ta vậy”. Lời dạy ấy rất sâu sắc và có giá trị muôn đời cho những ai tìm đến giáo lý đạo Phật. Một hệ thống giáo lý rất sáng ngời trong tình thương, trí tuệ và giải thoát. Giáo lý đạo Phật là chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống tinh thần của người Phật tử. Vì thế, trước khi tin vào giáo lý, thiết tưởng cần phải hiểu rõ giáo lý ấy có thể giúp ta được những gì. Nếu không hoặc chưa rõ mục đích, chúng ta có quyền chưa tin và cũng không nên tin vội. Dầu lời dạy ấy là của những người thông thái, của các vị Thiên Thần hay ngay cả của chính đức Phật.

Đức Phật cũng đã dạy: “Nhu nước trong biển cả chỉ có mỗi một vị, vị mặn của muối”. Nay các đệ tử của ta! Giáo pháp của Như Lai cũng chỉ có một hương vị, đó là vị “giải thoát mà thôi”. Giáo pháp của Ngài cao cả mênh mông như đại dương, nhưng chỉ có một mục đích duy nhất, hướng dẫn chúng sanh đến bờ giải thoát. Người Phật tử tin vào đức Phật hay tin vào đạo Phật là tin rằng mình có khả năng có thể cởi trói mọi ràng buộc của thế gian để được giải thoát như chính đức Phật. Trong tám vạn bốn ngàn (84.000) pháp môn tu mà đức Phật đã chỉ dạy cho các hàng đệ tử xuất gia và tại gia đều không ngoài mục đích giải thoát đó. Cũng chính từ ý nghĩa đó, chúng tôi xin gửi đến quý vị độc giả và chư Phật tử xa gần tác phẩm mới này bổ túc trong sự tu học Phật pháp. Đó là quyển “Lễ Nhạc Phật Giáo” mà quý vị đang có trong tay.

Quyển sách này gồm hai phần chính: Lễ và Nhạc. Trong mỗi phần chính lại còn chia ra hai phần nhỏ nữa dành cho giới Phật tử tại gia và xuất gia. Người tại gia còn nhiều duyên trần ràng buộc, chưa có điều kiện để học hỏi và thực hành giáo pháp của đức Phật một cách đầy đủ như người xuất gia. Do đó, phần lễ nghi cũng có tính cách đơn giản hơn, để có thể hành trì một cách dễ dàng và thiết thực. Phần Lễ và Nhạc của giới xuất gia hơi có phần phức tạp hơn. Vì đó cũng là bổn phận và trách nhiệm của những người “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” (làm sứ giả của Như Lai và thực hành giáo pháp của đức Phật). Trên cầu sự giác ngộ giải thoát, dưới cứu giúp muôn loài.

Rất tiếc những phần kinh, chú và kệ, chúng tôi không thể dịch sang tiếng Đức được. Nếu có thể dịch được chẳng nữa, cũng không thể nào tụng được. Vì tiếng Đức thuộc ngữ hệ đa âm; trong khi đó tiếng Việt, tiếng Tàu, thuộc về ngữ hệ đơn âm và độc âm. Nhịp chuông mõ theo điệu và hòa âm được dễ dàng với những loại tiếng đơn âm hơn. Đó là lý do chúng tôi không dịch hết các phần trong đây sang tiếng Đức. Kính mong quý độc giả thông cảm.

Phần ghi âm theo nốt nhạc có thể giúp cho quý vị nào biết phần nhạc lý dễ theo dõi và thực hành kinh điển Phật giáo, dù quý vị không hiểu nghĩa các loại Thần chú hay ngay cả những bài kinh chữ Hán nguyên âm.

Sách này gồm có tất cả 21 chương thuộc đủ mọi thể tài cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Đa số những bài tán tụng đều nằm rải rác trong các kinh sách xưa mà chúng tôi đã học được và ghi nhớ, bây giờ cố ghi chép lại thành hệ thống và có qui củ để người sau dễ hành trì. Ngoài ra cũng nhờ Đại Đức Thích An Thiên - người bạn đạo đồng liêu khi còn lưu học tại Nhật Bản đã cho chúng tôi sao lại quyển “Bổn tán nghi thức” thuộc dòng Thiền Lâm Tế Quảng Ngãi- nên mới có thể giới thiệu đến quý vị “Các nghi” được đầy đủ như vậy.

Riêng chương 11 nói về “Nghị Nhượng Tinh Hội” chúng tôi cố gắng trình bày được thứ tự và có cả cách sắp xếp những cây đèn cây tượng trưng cho các vì sao rõ ràng được như vậy là nhờ Giáo sư Nguyễn Quang Di, khi đến dự lễ cúng Rằm Thượng Ngươn tại Niệm Phật Đường Quan Âm, Montréal - Canada, vào tháng 2 năm 1984, đã trao đến chúng tôi tập tài liệu về nghị “Nhượng Tinh Hội” để mới có thể tham cứu được rộng rãi. Đây là tập tài liệu quý báu có tính cách gia truyền mà Giáo sư Nguyễn Quang Di đã mang đi được từ Việt Nam. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn Giáo Sư đã đóng góp cho quyển sách này được thêm phần phong phú.

Phật Giáo đã du nhập vào Việt Nam gần 20 thế kỷ và có thể nói bao hàm trong các ngành triết học, luân lý, đạo đức, lễ nhạc... Có nhiều ngành đã ảnh hưởng vào tâm tư của người Việt Nam rất sâu đậm như Lễ Nhạc là một, nhưng tài liệu phần nhiều bị thất lạc tản mác hoặc chưa được ghi chép lại thành sách. Ở đây chúng tôi cố gắng sao chép và ghi lại những gì đã học hỏi và thâm nhập được từ xưa, hầu có thể duy trì được những gì đã mất. Đây không ngoài mục đích bảo tồn cái hay cái đẹp của văn hóa Phật Giáo cũng như văn hóa nước nhà trong khi chúng ta đang sống lưu lạc tại hải ngoại ngày nay. Ngoài ra cũng nhờ sự sốt sắng giúp đỡ tinh thần cũng như vật chất của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức, nên tác phẩm này mới có thể xuất bản được. Công đức đó, chúng tôi thành thật tri ân và xin hồi hướng lên mười phương pháp giới chư Phật chứng minh, cũng như gia hộ cho đất nước này được thanh bình muôn thuở để nhân loại được an vui hạnh phúc.

Lời cuối xin cảm chư ân sư, Thầy Tổ đã huấn dục, sự sanh thành dưỡng dục của phụ mẫu và ân đức của đàn na thí chủ đã góp công góp của trợ lực cho bút giả trong thời gian tu học tại quốc nội cũng như tại hải ngoại, trong hơn 20 năm qua với quá nhiều công sức. Xin cảm ơn các bậc Thiện Hữu Tri Thức đã trợ giáo và trợ ngôn cho tác phẩm được thành hình tốt đẹp. Mong rằng những người đệ tử thân thương, hiền hòa, lễ độ -được thâm

nhập Phật trí- một trong những mục đích tối thượng của người tu theo hạnh giải thoát.

Tác giả cẩn chí
Viết xong ngày 28 tháng 6 năm 1984
Viên Giác Tự - mùa an cư năm Giáp Tý.



LỄ NHẠC PHẬT GIÁO

Thích Như Điển

Hôm nay chúng tôi có cơ duyên giới thiệu đến quý độc giả, cũng như quý Phật tử xa gần về tác phẩm mới này. Đây là quyển “Lễ Nhạc Phật Giáo”. Đọc phần tựa đề quý vị cũng có thể hình dung được rằng, nội dung của quyển sách này gồm có hai phần: Lễ và Nhạc. Lễ tức là nghi lễ, nghi thức. Nhạc thuộc về âm nhạc, tán tụng để cúng dường chư Phật, chư vị Bồ Tát và chư Tổ Sư. Quyển sách cũng còn chia ra làm hai phần rõ rệt về cách thức hành trì. Phần đầu nghi thức thông dụng cho quý Phật tử tại gia. Phần hai khó hơn và phức tạp hơn, dành cho giới xuất gia.

Phần dành riêng cho giới Phật tử tại gia lâu nay quý vị đã đọc tụng, nhưng chưa có nơi nào ghi thành nốt nhạc và cách thức thực hành chuông mõ rõ ràng. Thông thường quý Phật tử tại gia học tập nghi lễ có tính cách khẩu truyền, tức truyền từ miệng người này qua miệng người khác. Hoặc giả xem người đi trước thực hành, rồi cứ tiếp tục y như thế mà hành trì, chứ chưa có một quy luật nào nhất định cả. Do đó, có nhiều chùa thực hành nghi lễ khác nhau, nên các Phật tử từ chùa này đến chùa khác không theo đúng giọng tụng niệm, hoặc cao hoặc thấp hơn, hoặc trước hoặc sau, nghe rất chỏi tai và khó tụng. Về cách đánh chuông mõ cũng không đồng nhất, nên Phật tử chùa này khó hòa hợp được với các Phật tử chùa kia. Thông thường sau khi tụng một thời kinh tâm hồn mình phải được thanh thản nhẹ nhàng, lâng lâng như khói trầm hương quyện tỏa, thời kinh đó mới đầy đủ được ý nghĩa. Nếu tụng xong thời kinh, ta cảm thấy tâm vẫn còn bất an hơn lúc chưa tụng, thời kinh đó cũng chẳng có giá trị gì, ngoại trừ trên hình thức mình phải làm.

Kinh điển của đạo Phật rất phong phú và cũng chính vì sự phong phú đó, nên tại mỗi miền Trung-Nam-Bắc lại có cách tụng đọc khác nhau. Cách đây chừng 20 năm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có cho xuất bản quyển kinh tụng niệm cho người Phật tử tại gia tựa là “Nghĩ Thức Tụng Niệm” dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Giác Nguyên và Hòa Thượng Thích Thiện Hòa. Kinh dày độ 270 trang khổ nhỏ, gồm các nghi thức tụng thông thường như: Tịnh Độ, cầu an, sám hối, cầu siêu, lễ xuất gia, lễ khánh đản, lễ Vu Lan, lễ vía đức Phật A Di Đà, lễ Phật thành đạo, kinh A Di Đà, kinh Phổ môn, bài sám khể thủ, kinh Vô Thường, kinh Bát Đại Nhân Giác, chú Chuẩn Đề và phần sau cùng có ghi những ngày vía Phật trong năm, cũng như các ngày ăn chay trong tháng. Kinh này hướng dẫn khá tỉ mỉ, nhưng chỉ để cho đại chúng tụng; còn phần vị chủ lễ, Duy Na và Duyệt Chúng không thấy ghi chú đầy đủ cách đánh chuông và đánh mõ. Nhất là việc ngưng ngắt khoản ở chỗ nào, cũng như bắt đầu chỗ nào, và cũng không giải thích vì sao tiếng chuông phải điểm vào ngay chỗ chữ đó.

Trong quyển Lễ Nhạc Phật Giáo này, chúng tôi cố gắng hết sức ghi lại những bài tụng thành nốt nhạc để quý Phật Tử dễ dàng trong việc đọc tụng, cũng như chỗ nào cần lên giọng và chỗ nào phải xuống giọng. Phật Giáo Trung Hoa và Nhật Bản đã ghi xong phần nhạc lý trong kinh trì tụng; trong khi đó, Việt Nam chúng ta chưa thấy có nơi nào đặc biệt lưu tâm tới việc này. Việc làm đầu tiên này, đương nhiên còn nhiều thiếu sót. Kính mong được các bậc tôn túc bổ khuyết và chỉ giáo thêm cho tập sách được hoàn bị hơn, khi có dịp tái bản.

Cũng chính vì thấy có nhiều người Phật tử đi chùa hàng mấy chục năm, cũng biết lễ Phật, tụng kinh, nhưng chưa theo đúng nghi lễ của Thiền Môn. Có nhiều người lạy Phật như lạy Ông Bà, chân cao chân thấp. Lạy Phật là năm vóc phải gieo xuống đất cùng một lúc và phải lên cùng một lượt. Năm vóc là:

đầu mặt, hai khuỷu tay và hai khuỷu chân. Trong khi tán Phật có câu: “Đầu diện tiếp túc qui mạng lễ”; nghĩa là đầu và mặt của mình tiếp với chân của đức Phật để đánh lễ Ngài. Đó mới đúng với ý nghĩa của sự lễ lạy vậy. Khi lạy Phật phải chấp hai tay cho thật ngay ngắn ngang ngực rồi đưa lên đến trán, xong hạ hết năm vóc xuống một lần. Khi tay đã chạm xuống đất, lấy bàn tay trái để ngửa lên bàn tay phải hình chữ bát, rồi mặt của mình dập sát vào nơi lòng hai bàn tay để đánh lễ; xong đứng lên và chấp hai tay lại như trước để lễ tiếp tục lần thứ hai và lần thứ ba.

Tại sao khi lạy, chúng ta phải để tay chữ bát? Vì đức Phật thường hay đứng hình chữ bát. Chúng ta tôn kính đánh lễ Ngài, tức chúng ta lấy hai tay để vào vị trí của hai chân Ngài, hình dung Ngài như đang có mặt trước ta để ta đánh lễ. Tục lệ của người Ấn Độ, khi tỏ lòng cung kính ai thì hôn chân của người đó hoặc đi nhiều chung quanh nhiều vòng, hoặc khi đức Phật thuyết pháp, các thầy Tỷ Kheo ngồi chấp tay lắng nghe, trích áo chừa vai bên hữu. Đó là những hình thức tôn trọng và cung kính một bậc Đại Giác Ngộ.

Phần thứ hai: Nghi lễ tán tụng cho giới xuất gia cũng được viết thành nốt nhạc cho rõ ràng rành mạch. Đã từ lâu chùa chiền tại Việt Nam cũng như nhiều ngôi chùa tại ngoại quốc, Tăng sĩ thường hay học từ vị Thầy của mình nhiều hơn là có sự sáng tạo hay theo một khuôn mẫu nào đã có sẵn. Nếu Thầy giỏi thì đệ tử giỏi; còn như trường hợp gặp phải Thầy ít có duyên học hỏi đến nơi đến chốn, đệ tử cũng phải cam phận chịu như thế, chứ không có cách gì khác hơn được cả. Vì thiếu sự đồng nhất giữa chùa này với chùa kia, giữa miền này với miền nọ, làm cho người đi sau chịu thiệt thòi và chẳng biết đâu mà dò.

Gần đây, vào khoảng cuối năm 1983, Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa ở Hoa Kỳ có cho xuất bản cuốn “Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo”. Cuốn sách biên soạn rất công phu, nhưng cũng chưa được phổ cập vào trong quần chúng, nhất là đối với giới Tăng sĩ.

Lý do cũng chỉ vì bài bản đầy đủ trong các nghi lễ như: Thành phục, Chấn tế Cô hồn, Nhập liệm v.v... nhưng về cách tán tụng, Thượng Tọa cũng chưa chỉ dẫn tinh tường, khiến người xem qua quyển ấy cũng chỉ để biết mà thôi. Còn cách thực hành như thế nào thì hoàn toàn không thể nào hiểu được.

Việc tụng đọc kinh điển trong 3 miền: Nam-Trung-Bắc Việt Nam cũng có thể gọi là có một điểm chung, nhưng việc tán lễ của chư Tăng thì hoàn toàn khác biệt. Điểm khác biệt không phải chỉ có tại 3 miền mà còn có sự khác biệt ở từng địa phương nữa. Ví dụ như tán Huế khác. Tán tụng theo lối Quảng Nam, Quảng Ngãi khác. Tán Bình Định và Phú Yên đều khác nhau, và dĩ nhiên tán tụng theo lối miền Nam lại càng khác nhau rất nhiều với lối tán Huế.

Tựu chung việc tán tụng có 3 cách. Cách thứ nhất là tán tang 3 mõ 4 (hay còn gọi là tán loi); cách thứ nhì tang 2 mõ 1 (tán thường) và cách thứ ba là tán trao hoặc tán xóc – các dùi tâng và mõ xóc vào nhau nhiều tiếng thành một tiếng – Nhưng tán Huế đã loi lại càng loi hơn lối tán Quảng Nam và Quảng Ngãi. Còn tán Nam theo lối tán của Lục Hòa Tăng thì cái tang được đánh trạo nhiều lần hơn là của miền Trung.

Trong quyển sách này, chúng tôi mô phỏng theo lối tán Quảng Nam nhiều hơn những nơi khác. Vì nơi đó chúng tôi đã sinh ra, học hỏi và được trưởng dưỡng cũng tại đó. Sở dĩ chúng tôi chỉ đề cập tới tán Quảng, không có nghĩa là bảo thủ địa phương, có đầu óc hẹp hòi mà vì những nơi khác chúng tôi không rành, nên không dám bàn đến. Mong rằng trên chúng tôi còn những bậc tôn túc ở những miền khác, tài giỏi hơn; kính mong quý Ngài bỏ tức phần mình bằng các tác phẩm khác để cho gia tài pháp bảo của chúng ta càng được phong phú hơn.

Phần hai, chúng tôi cố gắng ghi lại những bài tán đã bị thất truyền và những bài tán thông dụng trong các sơn môn, Thiền

đường. Sở dĩ ghi chép nhiều như vậy, một phần chúng tôi sợ tài liệu càng ngày càng dễ bị thất lạc để khỏi hoài công khó nhọc của chư Tổ và các bậc chân Tăng tiền bối đã tạo ra, nên biên chép vào đây để quý vị tùy nghi sử dụng. Và phần khác, biên nhiều ở đây không có nghĩa rườm rà, phức tạp, vì mục đích của chúng tôi là cố gắng làm sao hệ thống hóa cho có thứ tự, khoa học và dễ hiểu. Trong giới thứ bảy của người xuất gia, Phật và chư Tổ đều cấm không được ca múa, hát xướng hoặc cố đi xem nghe. Nhưng việc thực hiện tán tụng là để cúng dường chư Phật không mang ý nghĩa ca xướng. Đây là cách chúng ta cố gắng bộc bạch lòng mình với chư Phật để dâng lên một sự cúng dường cao quý nhất với tác lòng thành. Việc làm có ý nghĩa cao đẹp như thế, không phạm phải lỗi quấy chi ca. Ngay cả lúc đức Phật Đản sinh, cũng như khi Ngài thị tịch, chư thiên và loài người đều rải hoa, trối nhạc để cúng dường, xưng tán Ngài cũng không ngoài mục đích là tôn vinh và cung kính Ngài như một bậc đạo sư của cả Trời và người và là bậc cha lành của nhân loại vậy.

Để bắt đầu vào phần nội dung của quyển sách, kính mong quý vị nên lắng tâm thật thanh tịnh để thâm nhập cho dễ dàng hơn.



PHẦN I

Lễ và nhạc của giới Phật tử tại gia



A. Lễ

Trong phần này, chúng tôi cố gắng diễn đạt về nghi lễ, lễ phục, lễ bái v.v... để quý vị Phật tử có một cái nhìn tổng quát.

Trong luật Phật dạy: Để tỏ lòng tôn kính, quý Phật tử trước khi vào chùa nên ăn mặc và tắm gội sạch sẽ để cho thân và tâm được thanh tịnh mới lễ Phật. Trước khi vào chánh điện phải để giày dép, gậy, nón... bên ngoài, vì những thứ này mang vào hoặc đội những chất bất tịnh từ bên ngoài không nên mang vào trong điện Phật. Nếu được, mỗi vị Phật tử đi chùa nên sắm một áo lễ (áo tràng) màu lam-màu thiên thanh giải thoát mặc lúc vào lễ, cũng như lúc tụng kinh- thì trang nghiêm và ý nghĩa hơn chiếc áo thường ta mặc hằng ngày. Ngay cả chư Tăng Ni cũng vậy, khi ra đường hoặc lúc làm việc, chư Tăng Ni mặc áo khác; còn lúc lễ Phật lại có bộ y hậu riêng, chứ không mặc những y phục thường ngày. Quý Phật tử tại gia cũng nên cố gắng sắm một chiếc áo tràng riêng để lễ Phật.

Khi tụng kinh, nhất là trong chánh điện, nam ngồi một bên, nữ một bên – Nam bên phải và Nữ bên trái từ ngoài nhìn vào - Phần chính giữa bên trên điện Phật dành riêng cho vị Trụ trì và cho chư Tăng Ni, quý Phật tử không nên làm chủ lễ ở vị trí ấy, trong khi chư Tăng vắng mặt cũng vậy. Trong luật có dạy rằng, khi một vị khách Tăng đến chùa khác, lúc làm chủ lễ còn phải quỳ một bên, chứ không quỳ ngay chính giữa đối diện với đức Phật. Nơi ấy chỉ đặc biệt dành riêng cho vị Trụ trì chùa đó mà thôi. Trong trường hợp khách Tăng lớn hơn vị Trụ trì hay vị Trụ trì có ý nhường, vị khách Tăng mới quỳ được ở ngay chính giữa thì không có lỗi. Ngay cả Tăng sĩ với nhau mà còn đối đãi theo đúng tinh thần giới luật và có sự tương kính như vậy, hà huống là người Cư sĩ.

Do đó, quý vị Phật tử tại gia, kính Phật như thế nào, cũng nên trọng Tăng như thế ấy để nghi lễ được trang nghiêm. Trong khi niệm hương cũng như trong khóa lễ, không ai được chạy tới chạy lui dâng bông trái hoặc trà nước lên bàn Phật hay bàn vong, vì như thế sẽ mất vẻ trang nghiêm của buổi lễ. Trong khi mọi người đang giữ tâm cho thanh tịnh, không nên vô tình hoặc do thói quen mà làm cho tâm của người khác bị khuấy động bởi hình dáng hoặc tiếng động của mình. Nên chuẩn bị sẵn sàng trước khi lễ Phật. Nếu đến chùa trễ, vì những lý do đặc biệt, nên để cho buổi lễ hoàn tất, rồi dâng phẩm vật lên cúng Phật cũng không muộn. Chư Phật luôn ảnh hiện ở bất cứ nơi nào có người thành tâm và qui ngưỡng đến các Ngài.

Bông trái cúng Phật nên tìm loại tốt và tươi tắn, không nên dâng loại bông rẻ tiền hoặc trái xấu và hư thối. Thà rằng dâng lễ ít, nhưng phải cho thật tươi tốt là đủ rồi, không cần lễ lộc cho nhiều mà thiếu lòng thành cao khiết của mình. Trên bàn Phật, ngoài hương đèn, hoa quả, nước trong ra, chỉ cúng bánh hay chè xôi là cùng, không bày biện đủ loại thức ăn trên bàn thờ Phật, làm mất vẻ trang nghiêm và thâm mỹ.

Bên bàn thờ hương linh cũng có thể cúng cơm và nước cũng như thức ăn để tưởng nhớ đến người quá vãng.

Khi lễ Phật cũng nên hiểu sơ qua ý nghĩa, vì sao phải lễ Phật? Vì Phật là vị đạo sư của trời và người, vị cha lành của 4 loài chúng sanh, nên chúng ta phát lòng thành kính. Khi lễ Phật nên khởi tâm niệm rằng: “Hôm nay con xin đem thân mạng này về nương theo các bậc giác ngộ, kính xin các Ngài chứng minh cho lòng thành của con”. Lễ Phật đúng nghĩa phải hiểu rõ câu “Năng lễ sở lễ tánh không tịch”, nghĩa là kẻ đem tâm lễ và người được lễ đều bình đẳng và thể tánh đều thanh tịnh trong suốt. Lễ Phật không cầu cho chính mình được giàu sang mà chỉ cầu được sớm giác ngộ và giải thoát, như các bậc giác ngộ đã đạt được. Và “Cảm ứng đạo giao nan tư nghi”. Một bên cảm niệm và một bên

sẽ ứng biến giao hòa với nhau khó có thể diễn tả được. Nếu chúng sanh luôn nhớ đến chư Phật, chư Phật đều hiện khắp để độ trì. Điều này chúng ta có thể ví như một người mẹ đối với một đứa con. Dầu con ở cách xa mẹ bao nhiêu đi nữa, nếu người con bao giờ cũng mang tâm niệm muốn gần mẹ, trước sau gì con và mẹ cũng sẽ gần nhau. Nhưng nếu hai mẹ con dầu cho có ở gần nhau đi chăng nữa, song hai người không thương nhau, không nhớ nghĩ đến nhau, muôn đời vẫn xa cách như thường. Ở đây, chúng sanh và chư Phật cũng như thế. Gần nhau trong gang tấc, nhưng xa nhau trong muôn dặm. “Ngã thủ đạo tràng như đế châu”. Người mang tâm niệm đến lễ bái chư Phật phải tưởng niệm rằng: Con nay đem thân mạng này đến trước nơi trang nghiêm diệu dụng, vì để lễ lạy “Thập phương chư Phật ảnh hiện trung”, chứ không phải chỉ lạy một vị Phật nào riêng rẽ. Và “Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền”. Thân thể và tâm trí của con hôm nay hiện diện trước chư Phật, con xin đem đầu mặt lễ chân của Phật. “Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ”.

Ý nghĩa của việc lễ và lạy là như thế. Nếu Phật tử hiểu sai hoặc không hiểu rõ ý nghĩa lúc lễ lạy thì công đức không được bao nhiêu. Đức Phật dạy rằng: “Các người tin ta phải hiểu ta, nếu tin ta mà không hiểu tức hủy báng ta”. Vì vậy việc lễ lạy cũng cần phải hiểu rõ ý nghĩa như thế. Việc bái cũng như thế, lễ là 5 vóc gieo xuống đất một lượt, nhưng bái thì đơn giản hơn, có thể đứng bái (xá) Phật, nhưng đầu phải cúi xuống để tỏ lòng thành kính với chư Phật. Không nên xá đến năm bảy lần mà mắt nhìn một nơi, tâm để một ngã. Xá Phật cũng phải thành tâm cung kính không kém lễ Phật vậy. Thông thường người đời hay sanh tâm kiêu mạn cho “TÔI” là ông này bà nọ, địa vị này, cấp bậc kia. Nhưng khi bước vào chùa là vào cửa “không”, nên vứt bỏ tất cả những địa vị và tự ngã đó ở bên ngoài cổng chùa thì tốt hơn. Vì đạo Phật không phân biệt giai cấp giữa người và người. Lễ Phật là hình thức cung kính các bậc giác ngộ, và đồng thời cũng là cơ hội để chúng ta dẹp bỏ những ngã chấp tâm thường của thế gian, chỉ có tính cách tạm bợ đó thôi.

Sau phần lễ bái, thông thường Phật tử hay cầu nguyện, nhưng đa số đều cầu cho việc lợi mình nhiều hơn cho kẻ khác. Một khi việc cầu nguyện không thành, lại bảo rằng chùa đó không linh, Phật đó không thiêng v.v... Nhưng quý vị quên đi rằng việc cầu nguyện với mục đích duy nhất là mong cho nghiệp chướng được tiêu trừ để được giải thoát. Nếu chỉ cầu sống lâu trăm tuổi mà không cầu giải thoát, rồi kiếp sau phải làm thân con rùa sống lâu hàng mấy trăm năm, nhưng không có trí tuệ thì khổ biết chừng nào! Như cầu cho kiếp sau sanh ra đời được hiền lành mà không cầu giải thoát, rồi sanh ra gặp nhảm con nai thì sao? Nai rất hiền, nhưng biết bao giờ biết tu để được giải thoát? Do đó, mục đích duy nhất của Phật tử cầu nguyện để được giải thoát mới thể hiện được đúng với ý nghĩa của việc làm cao đẹp mà thôi. Có nhiều người hiểu sai ý nghĩa của việc cầu nguyện, nên đâm ra mê tín. Nên việc cầu nguyện được thành tựu lại mang bông trái, vàng bạc của cải đến chùa tạ ơn không thiếu món gì, nhưng rồi như điều cầu nguyện kia không linh ứng thì chùa chiền cũng trở thành xa lạ dần. Hiểu được cầu nguyện như thế là hiểu một cách sai lầm và tệ hại. Chúng ta đi chùa lễ Phật cho chính chúng ta, chứ không phải đi chùa vì vị nể người khác hay vì chùa đó linh thiêng mới năng lui tới v.v...

Việc cúng bái cũng thế, cốt ý tránh rườm rà, nhưng đủ ý nghĩa. Người chết rồi, dầu chúng ta có cúng thế nào đi chăng nữa cũng không thể nào hưởng được mà cốt yếu dụng chỗ tâm thành. Người chết chỉ nương vào thần lực hộ niệm của người khác để được vãng sanh. Đó là cung cách lễ Phật - nhiều khi quý vị Phật tử còn lễ Tăng nữa - Tăng là người đại diện chư Phật, nên bên Phật Giáo Nguyên Thủy cho Phật tử lễ Tăng cầu phước. Trong khi đó, Đại Thừa Phật Giáo hầu như ít thấy trường hợp này, chỉ trừ những vị Tăng nào đạo cao đức trọng, mới thọ nhận việc lễ lạy của người Phật tử. Mỗi lần người đánh lễ được phước báu do công đức tu hành của vị Sư đó; nhưng ngược lại, người thọ nhận sự đánh lễ mất phước cũng không ít. Nói như thế không có nghĩa Tăng sĩ thuộc phái Đại Thừa ích kỷ hơn Tăng sĩ phái Nguyên

Thủy, nhưng các thầy bên Đại Thừa hay khuyên Phật tử lễ Phật để được nhiều công đức hơn.



B. Nhạc

Nhạc của Phật Giáo là một hình thức ca tụng, tán dương chư Phật, chư tôn Pháp, cũng như chư hiền Thánh Tăng.

Nhạc cụ gồm có đại hồng chung, trống bát nhã, chuông, mõ, khánh, linh, tang, trống cơm, đàn, sáo v.v... Quý Phật tử tại gia chỉ thường hay sử dụng được chuông mõ và ít thấy người nào sử dụng được linh, tang hay trống cơm lúc tán tụng. Phật tử nào biết sử dụng những nhạc cụ trên, cũng chứng tỏ những người đã ở chùa lâu năm mới có thể biết được. Ở ngoài đời phần nhiều đều bận công ăn việc làm, ít ai có thì giờ đi sâu vào nghi lễ cho lắm.

Cái chuông tượng trưng cho sự cảnh tỉnh. Ý nói rằng chúng ta ở trong thế gian này thường hay bị màn vô minh che lấp, phải nhờ tiếng chuông mới đánh thức lòng ta trở về với thực tại.

Cái mõ được gõ thành tiếng gọi là “trường canh”, phát ra âm thanh dài và liên tục để hướng dẫn mọi người cùng tụng. Trên mõ thường có khắc hình con cá, vì loài cá lúc ngủ cũng như lúc thức đều mở mắt, hà hướng kẻ tu hành phải siêng năng sớm tối lo việc công phu kinh kệ, chứ không phải chỉ lo ngủ sớm dậy trễ công quả sao cho thành.

Còn các nhạc cụ khác không ngoài mục đích tạo nên sự êm dịu trong các bài tán tụng.

Lúc hành lễ, vị đứng ở giữa gọi là chủ lễ. Vị này có đầy đủ mọi quyền hạn, có thể cử giọng cao, giọng thấp, giọng lơ, nhạt, trầm, bổng v.v... Vị đánh chuông gọi là Duy Na. Vị đánh mõ gọi là Duyệt Chúng, tức là giữ nhịp mõ điều hòa khiến chúng vui vẻ. Trong bất cứ một buổi hành lễ nào, đại chúng - tức những người tụng bên dưới - phải theo tiếng mõ của vị Duy Na, không được

tụng trước hoặc sau tiếng mõ hay bắt giọng cao hơn để làm lần át người khác hoặc giọng thấp hơn v.v... Vị Duyệt Chúng phải theo vị Duy Na để biết khi nào sắp hết câu hoặc sang một đoạn khác. Vị Duy Na phải theo vị chủ lễ, lúc nào bắt đầu, cũng như khi chấm dứt khóa lễ. Nói chung, chúng ta có thể hiểu cách này theo hai chiều thuận, nghịch sau đây:

Chủ lễ -->Duy na -->Duyệt chúng -->Đại chúng.

←--

←--

←--

Có nhiều chùa, Phật tử không được huấn luyện, nên vị chủ lễ tụng một nơi, người đánh mõ một nẻo và đại chúng thì kẻ lên người xuống, trông không có vẻ gì là một buổi tụng kinh có tính cách thiền vị mà chỉ là một hình thức như mạnh được yếu thua. Người nào cao giọng làm lần át kẻ thấp giọng. Cách thức tụng kinh không phải như thế mà phải hòa giọng vào nhau cho đều, cho nhịp nhàng mới có thể cảm được người nghe, nhất là những người mới bắt đầu vào cửa đạo.

Chư Tổ Sư thường dạy rằng, tụng kinh là một hình thức “Tiền bản hậu phú” - Trước nghèo, sau giàu – Lúc đầu phải tụng từ từ chậm chạp, rồi bắt sang một đoạn khác tụng nhanh dần và cuối cùng tụng nhanh hơn. Nếu ban đầu tụng thật nhanh, đến giữa chừng xuống chậm rồi chậm lại và sau cùng ở lúc dứt bài kinh, đó không phải là cách tụng một bài kinh hay.

Chúng ta nhận thấy trong kinh mà chúng ta tụng hằng ngày có chia ra làm ba loại rõ rệt. Loại thứ nhất thuộc về thần chú, gồm những lời mật ngôn của chư Phật. Đa số phiên âm từ chữ Sanscrit thành âm địa phương. Tụng kinh bằng tiếng Phạn, chúng ta không hiểu gì cả, nhưng mỗi loại thần chú đều có công năng riêng biệt. Như thần chú Vãng Sanh có công năng làm cho người chết - khi nghe đến chú này- được siêu sanh Tịnh Độ. Thần chú Thủ Lăng Nghiêm có công năng trừ sắc dục và ma chướng... Khi tụng

những loại thần chú như thế, bắt buộc phải đánh mõ nhanh mới có thể tụng khỏi vấp và lộn được. Nếu đánh mõ chậm, người tụng khó bắt giọng, vì thần chú toàn những chữ trắc vận, nên dễ quên và làm chúng ta dễ bị phân tâm.

Loại thứ hai thuộc về kinh chữ Hán. Lẽ ra, kinh là một danh từ chung chỉ những lời dạy của chư Phật, nhưng ở đây chúng tôi tạm chia ra như thế để quý Phật tử dễ hiểu hơn. Nhưng loại kinh bằng nguyên ngữ chữ Hán, chỉ mới dịch âm sang tiếng Việt và khi tụng cũng theo âm chữ ít khi đọc theo nghĩa, như các kinh Bát Nhã, kinh Di Đà, kinh Phổ Môn v.v... thì có thể đánh mõ trung bình, không nhanh không chậm. Người tụng đều có thể theo kịp và tiếp hơi một cách thoải mái dễ dàng được.

Loại thứ ba là Kệ. Kệ cũng là kinh, nhưng đọc ngâm nga như kể lể, vì đó là những kinh đã phiên dịch ra tiếng Việt hoàn toàn. Việc dịch có thể trực tiếp từ tiếng Sanskrit mà cũng có thể gián tiếp qua tiếng Trung Hoa. Ví dụ, như bài “Qui mạng mười phương vô thượng giác”, “Đệ tử chúng con từ vô thi”, “Đệ tử kính lạy đức Phật Thích Ca” v.v... Những loại kệ này hoàn toàn có tính cách thuần túy tiếng địa phương, nên bắt buộc phải đánh mõ chậm lúc tụng và giọng ngân nga từng tiếng khoan thai lúc trầm, lúc bổng, lúc nhặt, lúc khoan, nghe mới có vẻ giải thoát được. Nếu kệ mà đánh mõ nhanh, chú đánh chậm thì nghe hơi chỏi tai. Vì các bài thần chú không cần ngân nga, trong khi kệ lại cần điều đó, nên những vị Duyệt Chúng cần để ý vấn đề này.

Xưa nay vì chưa có thầy nào hoặc chùa nào chỉ dẫn cách tụng rành mạch cho Phật tử biết chỗ nào cần lên giọng và chỗ nào xuống giọng. Do đó việc hòa âm thường hay chỏi và khó nghe. Chúng tôi thiết nghĩ rằng, nếu tạm đặt ra một qui luật, có lẽ dễ dàng hơn. Nếu được như thế, nơi nào có thầy, Phật tử cũng có thể tụng theo được; nơi không có thầy, Phật tử cũng có thể tự hành trì lấy một cách dễ dàng.

Ngôn ngữ Việt chúng ta rất phong phú, tựu chung có những dấu giọng sau đây:

↗ (sắc) ↘ (huyền) ? (hỏi) ~ (ngã) • (nặng)

Và những chữ không dấu hoặc có dấu mũ, dấu ư v.v... Những chữ nào có dấu ↗ (sắc), dấu ? (hỏi) người tụng nên lên giọng. Những chữ nào có dấu ↘ (huyền), dấu ~ (ngã) tụng trầm giọng. Những chữ có dấu • (nặng) nên tụng xuống giọng thật sâu. Và những chữ không dấu hoặc dấu ư, dấu mũ, nên tụng ở âm điệu ngang, nghĩa là không lên không xuống.

Ví dụ như một đoạn kệ sau đây:

Đệ tử chúng con tử vô thi
↓ ↗ ↗ → ↘ → ↗

Gây bao tội ác bởi làm mê
→ → ↓ ↗ ↗ ↘ →

Đắm trong sinh tử đã bao lần
↗ → → ↗ ↘ → ↘

Nay đến trước đài vô thượng giác
→ ↗ ↗ ↘ → ↓ ↗

Biển trần khổ lâu đời luân lạc
↗ ↘ ↗ → ↘ → ↓

Với sinh linh vô số điều tàn
↗ → → → ↗ → ↘

Sống u hoài trong kiếp làm than
↗ → ↘ → ↗ ↘ →

Con lạc lỏng không nhìn phương hướng
 → ↓ ↘ → ↘ → ↗

Đàn con đại từ lâu vất vương
 ↘ → ↓ ↘ → ↗ ↘

Hôm nay trông thấy đạo huy hoàng
 → → → ↗ ↓ → ↘

Xin hướng về núp bóng từ quang
 → ↗ ↘ ↗ ↗ ↘ →

Lay Phật Tổ soi đường dẫn bước
 ↓ ↓ ↗ → ↘ ↘ ↗

Bao tội khổ trong đường ác trước
 → ↓ ↗ → ↘ ↗ ↓

Vì tham sân si, mạn gây nên
 ↘ → → → ↓ → →

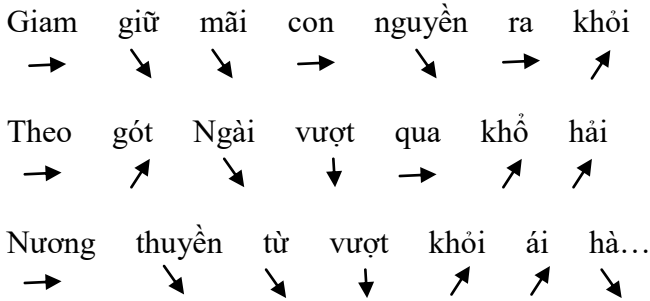
Thì hôm nay giữ trọn lời nguyện
 ↘ → → ↘ ↓ ↘ ↘

Xin sám hối đẽ lòng thanh thoát
 → ↗ ↗ ↗ ↘ → ↗

Trí Phật quang minh như nhật nguyệt
 ↗ ↓ → → → ↓ ↓

Từ bi vô lượng cứu quần sinh
 ↘ → → ↓ ↗ ↘ →

Ôi! từ lâu ba chón ngục hình
 → ↘ → → ↗ ↓ ↘

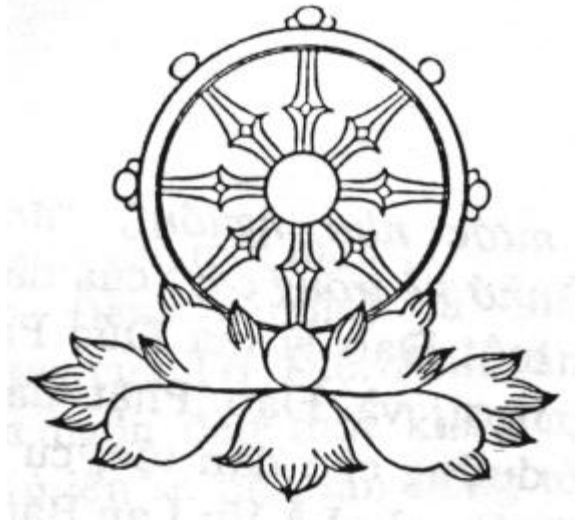


Đó là đại khái về cách tụng kệ, và sau đây tất cả những thời kinh được ghi chép cho quý Phật tử tại gia, chúng tôi cố gắng ghi các dấu giọng này vào; cũng như chỗ nào cần đánh chuông, chỗ nào phải đánh mõ để việc hành trì được dễ dàng hơn. Cần nên nhớ một điều, tiếng mõ là tiếng trường canh, tức là một nhịp đều và dài liên tục. Do đó, vị chủ lễ đầu có dứt hơi để nghỉ một hay hai nhịp, tiếng mõ cũng vẫn phải đi thẳng, không được dừng lại và cũng không được đánh loi nhịp. Có nhiều nơi Phật tử chỉ tụng khi nào vị chủ lễ tụng và cùng nghỉ một lúc với vị chủ lễ. Đó không phải là việc tụng niệm đúng cách. Cách tụng đúng là mõ chỉ nghỉ khi nào hết một đoạn hay một bài kinh, trước khi sang ý khác hay sang một bài kinh khác. Người tụng cứ tiếp tục tụng, mặc dầu vị chủ lễ nghỉ nhịp để lấy hơi, có như thế mới rước hơi vị chủ lễ được.

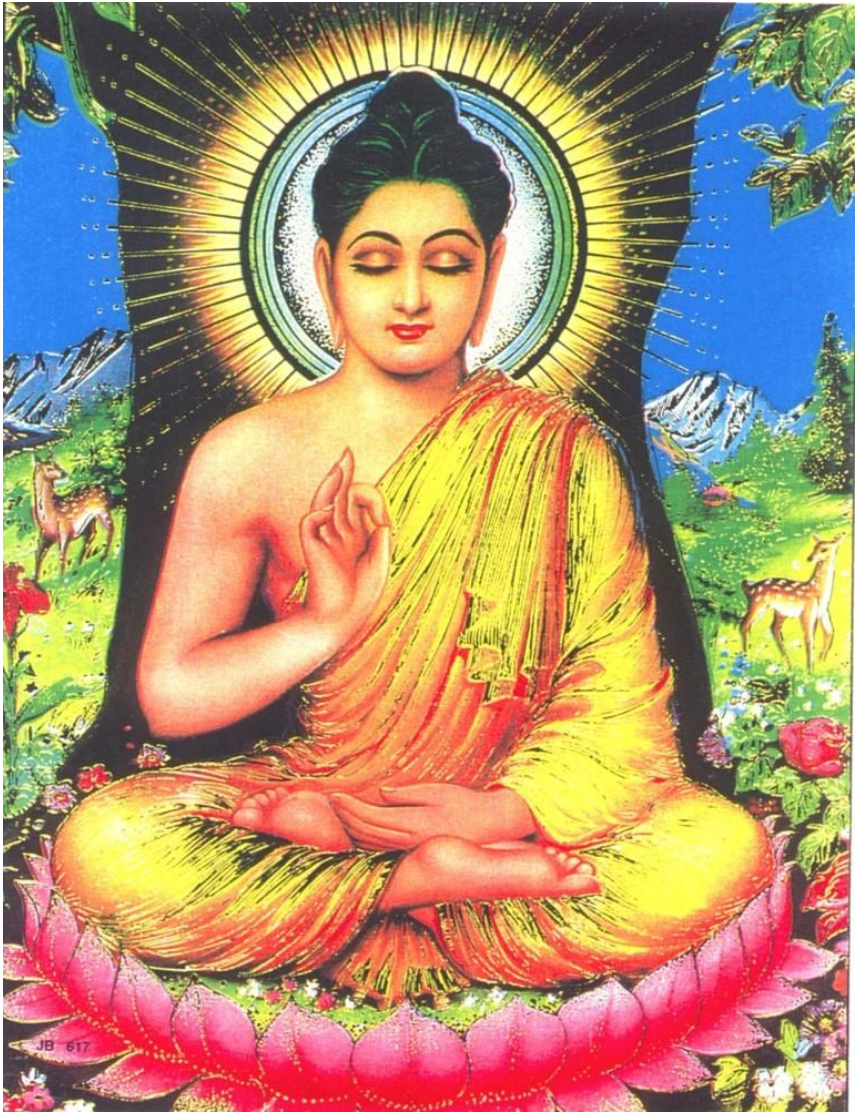
Tiếng chuông cũng thế. Vị Duyệt Na đánh tiếng chuông là để báo hiệu cho vị Duyệt Chúng biết rằng sắp đến lần thứ ba phải dứt mõ hoặc đánh xen vào một đoạn kinh dài trong khi vị chủ lễ và đại chúng đang tụng để câu kinh được ám áp hơn. Có nhiều Phật tử chưa biết đánh chuông, có nghĩa là đánh tiếng chuông vào giữa câu tụng hoặc giữa câu xướng làm cho vị chủ lễ và ngay cả đại chúng bị tức hơi vô cùng. Tiếng chuông được dùng để cảnh tỉnh người nghe nên cần phải cảnh tỉnh đúng lúc và đúng điệu mới ăn khớp với bài kinh và giọng tụng niệm. Ngoài ra tiếng chuông cũng dùng để vớt hơi vị chủ lễ nữa. Nhiều lúc vị chủ lễ đã dứt hơi từ lâu và đang mong chờ một tiếng chuông để rước hơi, nhưng vị

Duy Na chẳng để ý tới. Lỗi ấy do vị Duy Na hay trong trường hợp, chủ lễ chưa dứt câu hoặc dứt ý mà vị Duy Na đã đánh vào một tiếng chuông xằng lè làm cho vị chủ lễ tức giọng, trông không có vẻ thiền vị một chút nào cả. Đành rằng việc tụng kinh không phải như hát, nhưng ít ra các nhạc khí, nhạc cụ cũng giống như một điệu đàn. Nếu đàn lạc giọng, người hát sai, chắc chắn thánh giả không ai tán thưởng mà còn mỉa mai nữa là khác.

Trong quyển Nghi Thức Tụng Niệm nêu trên có rất nhiều phần, ở đây chúng tôi chỉ cố gắng trình bày phần Kinh Cầu Siêu từ trang 65 đến trang 88 và phần Cầu An từ trang 25 đến trang 41 thôi. Quý Phật tử tại gia nếu lãnh hội được cả hai phần căn bản này, chắc sẽ thông thạo các phần khác. Vì khi lý thuyết quý vị đã nắm vững, phần thực hành các phần khác cũng không lấy gì làm khó khăn. Cầu siêu và cầu an là hai phần chính của các chùa cũng như quý Phật tử ngày nay ở hải ngoại thường tụng đến nhiều, chúng tôi xin đơn cử ra như thế và coi như phần thông dụng cho đại chúng.



! 0 0 0 ! Nguyên đem lòng thành kính
Gởi theo đám mây hương
Phưởng phất khắp mười phương
Cúng dường ngôi Tam Bảo
Thế trọn đời giữ đạo
Theo tự tánh làm lành;
Cùng pháp giới chúng sanh;
Cầu Phật từ gia hộ;
Tâm Bồ Đề kiên cố
Xa bễ khổ nguồn mê;
Chóng quay về bờ giác;



O, tiếng chuông ở đây nên đánh trên chữ Giác, không nên đánh trước quá sớm, cũng không nên đánh chờ vị chủ lễ hết hơi rồi mới đánh tiếng chuông.

! Đấng pháp vương vô thượng
Ba cõi chẳng ai bằng
Thầy dạy khắp trời người
Cha lành chung bốn loài !
Quy y tròn một niệm
Dứt sạch nghiệp ba kỳ
Xưng dương cùng tán thán
Úc kiếp không cùng tận

! Nay có Phật tử tên là.....Pháp danh
.....thế thế ngày Tháng năm..... **O**

O

! Chúng con một dạ chí thành

ngưỡng cầu Tam Bảo, từ bi gia hộ cho hương linh, phát tâm Bồ Đề rộng lớn ! dứt sạch nghiệp chướng sâu dày, sanh về thế giới an lành, khắp độ chúng sanh, đồng thành Phật đạo. **O**

(đứng dậy cắm hương lên lư, vị chủ lễ chấp tay đứng thẳng và niệm):

! Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn !
Lưới đế châu ví đạo tràng
Mười phương Phật Bảo hào quang sáng ngời
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện
Cúi đầu xin thề nguyện quy y.

! Chí tâm đánh lễ, Nam Mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai chư Phật, tôn pháp, Hiền Thánh Tăng thường trú Tam Bảo. (1 lạy).

(tiếng chuông ở đây để cho ngân mãi, khi nào đầu mặt của vị chủ lễ và đại chúng tiếp xuống đất, lúc bấy giờ mới nhập chuông để báo hiệu việc sắp đến).

! Chí tâm đánh lễ, Nam mô ta bà giáo chủ, đại từ đại bi Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Đương Lai hạ sanh Di Lặc tôn Phật, Linh Sơn hội thượng Phật Bồ Tát. (lạy 1 lạy).

! Chí tâm đánh lễ, Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi A Di Đà Phật! Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (lạy 1 lạy).

Khi đánh lễ Tam Bảo xong, vị chủ lễ và đại chúng quỳ xuống ngay ngắn, lúc ấy vị Duy Na và Duyệt Chúng bắt đầu vô chuông mõ. Thông thường có hai cách vào chuông mõ: Cách nhập tứ dứt tam (vào 4 ra 3) hoặc cách nhập thất dứt tứ (vào 7 ra 4). Ở đây chúng tôi chỉ đề cập cách nhập thất dứt tứ mà thôi.

@ @ @ @ @ @ @ O @ O @ O @
nhất
@ @ @ @
nhất

khi vô chuông mõ xong, vị chủ lễ bắt đầu khởi giọng tụng. Có nhiều chùa như chưa rành rẽ về nghi lễ, khi vị chủ lễ vừa mới khởi lên “Nam” ở dưới đại chúng đã hòa theo “Mô” rồi và như thế là sai. Vì không biết vị chủ lễ bắt giọng cao hay thấp, nhất hay khoan. Đại chúng chỉ bắt đầu khi tiếng chuông báo hiệu vào chữ thứ 6 của mỗi đầu một bài kinh hay một bài kệ. Nên lưu ý là bất cứ một sự bắt đầu nào của vị chủ lễ, đến chữ thứ 6 vị Duy Na phải đánh chuông để báo hiệu cho Đại Chúng bắt đầu tụng và vị Duyệt Chúng phải đánh nhịp 2 của 6 chữ đầu sau đó mới đánh nhịp một. Lấy bài chú Đại Bi làm thí dụ điển hình như sau:

@ @ @ @ @ @ @
! Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát
(lần thứ nhất) **O** (nghi nhip)

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát (1.3)
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @
O nhất

Từ chữ “Phật Bồ Tát” lần thứ 3 trong câu trên, xin lưu ý là tiếng chuông đánh vào trên chữ Phật và trước chữ “Bồ” cũng như sau chữ “Bồ” phải nhắt vào hai tiếng mõ. Đó cũng là cách dứt tứ trong phần vào chuông mõ đã nói ở trên. Và bất cứ dứt ở một bài kinh nào cũng đều phải theo nguyên tắc ấy cả. Nếu tụng câu đầu đến lần thứ 3 mà vị Duy Na do sơ ý hay thế nào đó không điểm tiếng chuông báo hiệu, vị Duyệt Chúng có quyền đánh thẳng mõ đi một mạch. Lỗi ấy do vị Duy Na, chứ không phải của vị Duyệt Chúng và cũng chẳng phải của đại chúng nữa. Tuy nhiên, vị Duy Na nên xem chừng vị chủ lễ để biết mà đánh chuông vẫn hay hơn. Nhiều lúc vị chủ lễ ra dấu trên ngón tay hay bằng hành động cúi đầu báo hiệu một sự chấm dứt. Do đó, vị Duy Na bắt buộc lúc nào cũng phải để ý những việc làm của vị chủ lễ để khỏi sai việc chuông mõ.

Sau đây là phần nội dung của chú Đại Bi rất đơn giản, mõ chỉ cần đánh thẳng, nhanh và đều tay. Còn chuông chỉ cần đánh hai nơi trong bài theo như dấu hiệu ghi bên dưới, chứ không cần phải đánh chuông nhiều quá trong lúc đọc bài thần chú này.



! Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni
 @ @ @ @ @ @ @ @ @

Nam Mô hắc ra đát na đa ra dạ đa. Nam mô a rị
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

gia bà lô yết đế, thước bát ra da Bồ Đề tát đỏa bà
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Ân
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

tát bàn ra phạt duệ số đát na đát tỏa. Nam Mô tát kiết
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

lật đỏa, y môn a rị da bà lô kiết đế thất Phật ra
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

lăng đà bà. O
 @ @ @

Nam Mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đá,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

na ma bà dà ma phạt đạt đậu đát diệt tha. Ân a bà
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

lô hê lô ca đế, ca ra đế di hê rị, ma ha bồ đề tát
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đòa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

dựng, cu lô cu lô kiết môn, đồ lô đồ lô, phạt xà ra
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đề, ma ha phạt xà da đề, đà la đà la, địa rị ni thất
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Phật ra da; dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đề
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

lợi, phạt sa phạt sâm, phạt ra xá da, hô lô hô lô ma
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tát rị tát rị, tô rô
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

tô rô, bò đề dạ, bò đề dạ, bò đà dạ, bò đà dạ, di
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đề rị dạ, na ra cần trì, địa rị sắc ni na, ba dạ ma na
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ta bà ha. Tát đà dạ ta bà ha. Ma ha tát đà dạ ta
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

bà ha. Tát đà du nghệ thất bàn ra dạ ta bà ha.
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Na ra cần trì ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha.

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Tất ra tăng a mục khư gia, ta bà ha. Ta bà ma ha,

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ta bà ha. Ba đà Ma yết tất đà dạ ta bà ha.

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà rị thắng

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

yết ra dạ, ta bà ha O.

@ @ @ @ @ @

Nam mô hắc ra đát na, đát ra dạ da. Nam mô a rị gia

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ ta bà ha. Án tất điện đô

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

mạn đa ra bạt đà gia, ta bà ha (lần 1). Án tất điện đô

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

mạn đa ra bạt đà gia ta bà ha (lần 2). Án tất điện đô

@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

O

mạn đa ra bạt đà gia ta bà ha (lần 3).

@ @ @ @ @ @ @ @ @@ @

nhật

Sau phần trì tụng chú Đại Bi là phần dâng sớ cầu nguyện. Bì sớ tượng trưng cho một phong thư dâng lên ngôi Tam Bảo. Nội dung của tờ sớ gồm có quê quán, tên họ người xin lễ, địa điểm làm lễ và cầu siêu cho ai. Ngày và năm sinh; ngày và năm mất, hưởng thọ được bao nhiêu tuổi v.v... Cầu nguyện chư Phật gia hộ cho người mất được vãng sanh Cực Lạc, người còn sống được an vui mạnh khỏe. Tờ sớ được xếp thành 6 mảnh, tượng trưng 6 đường luân hồi sanh tử là trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Vị chủ lễ hai tay cầm sớ và phong bì sớ đưa lên ngang trán, rồi xướng như sau:

Cách thứ nhất:

! Tứ bát đoan nghiêm vi diệu tướng
 Tăng kỳ quả mãn kiếp tu lai
 Diện như mãn nguyệt mục như liên
 Thiên thượng nhơn gian hàm cung thủ 〇
 Thế Tôn đức tướng, nan tận tán dương
 Kim hữu kỳ siêu ngộ (dạ) cúng sớ văn
 Cung đối Phật tiền, hào tướng quang trung
 Phủ thù minh chứng 〇

Cách thứ hai:

! Huỳnh kim mãn nguyệt tướng
 Tam giới độc xưng tôn
 Hàng phục chúng ma vương
 Chư thiên giai cung thủ. 〇
 Thế Tôn đức tướng... (như cách thứ nhất ở trên)

Cách thứ ba:

Thế gian ly sanh diệt
 du như hư không hoa
 Trí bất đắc hữu vô
 Nhi hưng đại bi tâm. **O**
 Thế Tôn đức tướng... (như cách thứ nhất ở trên)

Sau đó trao bì sớ cho tang chủ đội và vị chủ lễ bắt đầu đọc sớ. Giọng đọc sớ phải trầm bổng, tha thiết. Mỗi khi vị chủ lễ gần xuống giọng để nghỉ câu, phải có tiếng chuông xen vào đó để tiếp hơi vị chủ lễ.

Có ba loại lòng sớ các chùa thường dùng trong việc cầu siêu độ. Chúng tôi xin viết ra đây để quý Phật tử tại gia tùy nghi sử dụng.

Lòng sớ thứ nhất

Phục dĩ: **O**

Đông Phương giáo chủ hoằng khai giải thoát chi môn

Tây Trúc đạo sư tiếp dẫn vãng sanh chi lộ,

Sớ vì: **O**

Việt Nam quốc, hiện cư tại quốc, kim tang chủ cung tự tự (gia đường) trụ phụng

Phật tu hương thiết cúng phúng kinh kỳ siêu sự, kim trai chủ (tên người chủ gia đình đứng xin lễ cầu siêu), hiệp toàn gia quyến nam nữ tử tôn đẳng duy nhứt phần hương tâm thành khấu bái cung can. **O**

Đại giác Thế tôn phủ thùy thống niệm, tiếp độ phục vì vong chánh tiến hiền linh (tên người mất) nhứt vị hồn

(Nếu người mất đàn Ông đọc “Thần hồn”; đàn Bà đọc “Chánh hồn”).

Nguyên sanh niên, hưởng dương (thọ) tuế (trên 60 tuổi gọi là hưởng thọ; dưới 60 tuổi gọi là hưởng dương).
 Tử u niên nguyệt nhật thời mệnh chung ô hô. **○**

Thiên nhiên dĩ định, vận số nan đảo, nhứt tức bất hồi thiên thu vĩnh biệt. **○**

Tư giả căn thủ kim nguyệt nhật nga lâm kỳ siêu (hay phát tang hoặc nhứt, nhì, tam, tứ, thất...) chỉ trải tuần mình trình khôn phủ đệ điện (từ tuần thứ nhất đến tuần thứ 7 gọi là đệ nhất điện, chung thất hay 100 ngày gọi là đệ bát điện. Một năm -Tiểu tường- gọi là đệ cửu điện, hai năm -đại tường- gọi là đệ thập điện). Đại Đức từ vương án tiền chiếu hạ chi hội trượng lục hòa Tăng phúng tụng. **○**

Đại Thừa bố thíệp (Pháp Bảo) chi huyền văn (tôn kinh) kỳ sanh Tịnh Độ, kim tắc (tên nơi cúng) đạo tràng ngo (dạ) cúng sớ văn nhứt hàm hòa nam - - bách bạch. **○**

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật tác đại chứng minh kim liên tòa hạ - - ngưỡng vọng. **○**

Nhứt thành thượng đạt vạn tội băng tiêu, nguyện hương linh đắc độ cao siêu, kỳ tang chủ (người mới mất) –tri chủ (người mất đã lâu) hàm an lợi lạc.

Dĩ văn căn sớ **○**

Tuế thứ niên nguyệt nhật thời, đệ tử chúng đảnh khấu bách thượng sớ. **○**

Sau khi đọc sớ xong, vị Duy Na khâu bì sớ lại đem lên bàn Phật cho vị chủ lễ.

Lồng sớ thứ hai

Kim hữu tín chủ (traí chủ: tên người còn sống đứng cầu) vị
cầu siêu sự, căn cụ sớ chương duy nguyện phủ thù **O** chứng-
giám **O**

Phục dĩ: **O**

Chân như tịch chiếu, ly khứ lai sanh diệt chi hành tung,
pháp giới viên dung

Hữu cảm ứng viên dung chi diệu dung **O** dục siêu khổ hải,
toàn loại từ hàng.

Sớ vì . **O** , Việt Nam quốc, hiện cư tại đường, phố . .
. . tỉnh

Phụng Phật trì tụng cúng dường, cầu siêu độ sự **O**.

Đệ tử chúng đẳng, tức nhứt bá can đại giác Thế Tôn phủ
thù tiếp độ chi linh **O** (đọc tên người mất)

Nguyện thừa Phật lực dĩ siêu thăng

Ngưỡng lại pháp âm nhi giải thoát

Kim tắc kiên cụ sớ chương, hòa nam báí - - - bạch **O**

Nam mô thập phương thường trú Tam Bảo tác đại chứng
minh **O** .

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Linh Sơn Hội
thượng Phật Bồ Tát, tác đại chứng minh **O** .

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Liên
Trì hải hội Phật Bồ Tát, tác đại chứng minh **O** .

Phục nguyện:

Thập phương cảm cách, Tam Bảo chứng minh **O** độ vong
linh viên ngộ chân tâm, thể thể nhập vô vi Phật đạo; bảo toàn gia
quyển thiện trì đạo niệm, sanh sanh hoằng bát diệt pháp
môn **O** .

Thiết lại: Tam Bảo phù trì chi đại lực giả. Cẩn - - - sớ **O**

Tuế thứ niên nguyệt nhứt đệ tử chúng đẳng
hòa nam - - thượng - - sớ **O**.

Lồng sớ thứ ba

Phục dĩ:

Tây Phương giáo chủ, cứu người sinh khỏi cảnh luân hồi

Cực Lạc Thế Tôn, tiếp kẻ thác lên đường trực vãng.

Cây ngọc bày hàng cõi nước, chim Ca Lãng gióng kè Bồ-

Đề . **O**

Mây vàng che phủ phương trời, đàn không tước lắng nghe
kinh bát thánh. **O**

Nghe diệu nghĩa khởi lòng kính tín, lập chí tiến tu

Hiểu pháp âm, mộ đạo từ bi phát tâm bất thoái. **O**.

Người hiện thể tăng cường tuệ mệnh, tứ trí viên minh

Khách mẫn phần gót sạch nghiệp căn, nhất tâm bất loạn

Duyên nay Phật tử Việt Nam cư ngụ tại (số nhà)
(đường) (phố) sửa soạn lễ nghi nhân tuần

Chúng con là chí kính đản thành, sám hối tụng kinh
cùng dường chư Phật, chư đại Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng. **O**.
nhất tâm khẩn nguyện cầu siêu độ cho vong linh mãi kiếp
ta bà ngày tháng năm **O**

Thiết nghĩ chân linh:

Sinh trong ngũ trược, thường đắm mê bao chuyện trói
chăng;

Thác xuống cửu tuyền, luống hãi sợ nhiều điều chướng
ngại;

hoặc do phạm tội khiến tam độc, đến giam cầm phần xí
hoạch thang,

hoặc trót lầm uế chướng ngũ phong, phải chìm đắm đao sơn
kiếm thụ. **O** .

Trượng kính văn phúng tụng, tâm thức khai minh

Bằng nguyện lực gia trì, tỉnh thần giải ngộ. **O** .

Tuân nghe lời Phật, một câu tụng niệm thoát nạn ba đời.
Vâng giữ phép thuyền, hai chữ Nam Mô, giải oan lữ kiếp!

○ .

Nay nhân:

Thiện hữu vân tề, kim bằng kết tập

Đại chúng đồng thanh khấn nguyện, cầu chân vong sớm
được siêu sanh. ○ .

Chư nhân nhất trí cầu cầu, mong linh phách mau xuôi Tịnh
vực. ○ .

Hiện tiền nhị chúng: kinh A Di Đà một hội, phúng tụng chu
viên.

Văn biểu tấu mười hàng, kính mong chứng giám. ○ .

Kính dâng:

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn
đạo sư A Di Đà Phật. ○ .

Ngửa trông:

Di Đà giáo chủ, dùng tràng phan tiếp dẫn linh hồn.

Địa Tạng đại sư, giơ tích trượng khai quang địa ngục ○ .

Ngài Quan Âm đủ lòng từ mẫn, đưa người sinh tới cõi chân
như.

Đức Thế Chí ra sức biện tài, dẫn kẻ thác về nơi giải thoát.○.

Chốn Cực Lạc quê hương muôn thuở, ruỗi bước thang mây.

Cảnh trần gian giả tạm nhất thời, quay đà xe pháp. ○ .

Lại nguyện:

Trên thập điện Diêm Vương hoan hỷ, giống kẻ khai thông.

Dưới cửu u ngục tốt đề đầu, nghe kinh giải kiết. ○ .

Chư tôn sứ giả, đón linh hồn tới trước tòa sen.

Bản thổ thành hoàng, đưa chân phách đến nơi bệ ngọc.

Nước dương sái tịnh, chốn âm cung hưởng chữ an vui.

Câu chú hộ thân, nơi tử phủ nghe điều lợi lạc. ○ .

Âm dương bắt dị, đạo từ bi ngũ phúc bình chân,

Sanh tử hà thù, lòng hỷ xả tam đa cát khánh, giải tẩm lòng thành.

Lúc dâng số muôn phần sợ hãi

Tuyên số tại ngày tháng năm

Đệ tử chúng con chí thành trăm lạy dâng số. **O** .

Trên đây là lòng số tương đối tiêu biểu nhất hiện nay tại quốc nội cũng như hải ngoại. Dĩ nhiên cũng có nhiều lòng số hay hơn hoặc khác nhau ít nhiều với những lòng số trên, nhưng cũng không ngoài mục đích nội dung của một lá số cầu siêu.

Sau khi dâng số xong, vị Duy Na nhập chuông để vị chủ lễ bắt đầu cử tụng chú Thất Phật:

O
! Thất Phật diệt tội chơn ngôn.
 @ @ @

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Đà la ni đế, ny ha ra đế, tỳ lê nễ đế
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Ma ha dà đế, chơn lăng cang đế ta bà ha(3)
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Xin lưu ý một điều là, bất cứ bài kinh nào khi bắt đầu, vị chủ lễ tụng đến chữ thứ 6, mõ phải đánh nhịp hai, chuông phải đánh ngay vào chữ thứ 6, rồi sau đó đại chúng mới bắt đầu tụng. Trong bất cứ bài kinh nào khi chấm dứt -có thể 1 hay 3 lần- vị Duy Na phải đánh tiếng chuông vào chữ thứ 3 trước khi hết câu hay hết bài, báo hiệu cho bên Duyệt Chúng biết để dứt mõ. Ví dụ như bài chú Thất Phật trên, chữ “ta bà ha” ở cuối bài, chuông và mõ phải đánh vào lần thứ 3 như sau:

O

Ta bà ha
 @ @@ @
nhặt

Trong 3 chữ cuối cùng phải nhót 4 tiếng mõ. Tiếng mõ thứ 2 và thứ 3 nằm trước và sau chữ “Bà”. Cách dứt này cũng giống như lối dứt từ khi mới vào chuông mõ lúc đầu. Dùi thứ nhất bình thường, thứ 2 và thứ 3 nhặt lại, cuối cùng dùi thứ 4 lơ ra tùy theo hơi dài hay ngắn của vị chủ lễ và của đại chúng.

O

! Đại từ đại bi thương chúng sinh
 @ @ @ @ @

Đại hỷ đại xả cứu muôn loài
 @ @ @ @ @ @ @ @

Tướng tốt chỏi sáng tự trang nghiêm,
 @ @ @ @ @ @ @ @

Đệ tử chí tâm quy mạng lễ. **O**
 @ @ @ @ @ @ @

Sau chữ „Lễ“ mới đánh một tiếng chuông. Vì có khi vị chủ lễ muốn tụng tiếp, mõ không cần dứt ở nơi này. Sau mỗi câu kệ, thường nên nghỉ một nhịp để lấy hơi và tạo cho âm thanh trầm bổng giải thoát hơn.

Nam mô Như Lai ứng cúng chánh biến tri
 @ @ @ @ @ @ @ @ @

Minh hạnh túc, thiện thệ Thệ gian giải,
 @ @ @ @ @ @ @ @

Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu.
 @ @ @ @ @ @ @

Thiên nhơn sư Phật Thê Tôn. **O**
 @ @ @ @ @ @

Nam mô Đa Bảo Như Lai
 @ @ @ @ @ @

Nam mô Bảo Thắng Như Lai
 @ @ @ @ @ @

Nam mô Diệu Sắc thân Như Lai
 @ @ @ @ @ @ @

Nam Mô Quảng Bác Thân Như Lai **O**
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô A Di Đà Như Lai **O**
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo
 @ @ @ @ @ @ @ @

(3 lần).

Chỉ có câu Nam Mô thập phương thường trụ Tam Bảo tụng 3 lần thôi và lần thứ 3 dứt câu như những bài đã dẫn trên.

không quy y thiên thân qui vật.
 @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh quy y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

không quy y ngoại đạo tà giáo.
 @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh quy y Tăng, nguyện đời đời kiếp kiếp
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

không quy y tôn hữu ác đảng. **O.**
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh đã quy y Phật.
 @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh đã quy y Pháp
 @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh đã quy y Tăng. **O.**
 @ @ @ @ @ @ @ @

Hương linh vốn tạo các vọng nghiệp
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Đều do vô thí tham sân si
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Từ thân miệng ý phát sinh ra,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

O

Hương linh thầy đều xin sám hối.
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Đến phần sau đây, một mình vị chủ lễ niệm lớn; đại chúng chỉ hòa theo nhịp mõ, khi nào vị chủ lễ đọc đến chữ “Vãng sanh Cực Lạc quốc” ở cuối mỗi câu,

! Nguyên taten hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai chư Phật, tôn pháp, hiền thần Tạng, thường trú Tam Bảo, tiếp độ hương linh vãng sanh Cực Lạc quốc.

@ @ @ @@ @

nhật

! Nguyên ta bà giáo chủ đại từ đại bi Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sanh Di Lạc Tôn Phật, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát, tiếp độ hương linh, vãng sanh Cực Lạc quốc.

@ @ @ @@ @

nhật

! Nguyên Tây Phương giáo chủ đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật, đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát tiếp độ hương linh.
vãng sanh Cực Lạc Quốc.

@ @ @ @@ @

nhật

Khi nào đánh 3 tiếng chuông ở cuối câu cũng phải cố nhét làm sao cho tiếng thứ 2 nằm sau tiếng mõ và tiếng chuông thứ 3 cho ngân dài ra mới hay và vớt được hơi vị chủ lễ rất nhiều.

O

! Quy mạng lễ A Di Đà Phật
@ @ @ @ @

Ở phương Tây thế giới an lành
@ @ @ @ @ @ @

Con nay xin phát nguyện vãng sanh
@ @ @ @ @ @ @

Cúi xin đứrc Từ Bi tiếp độ. **O**
 @ @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại Từ
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Đại Bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật. **O**
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

(mở đến đây nên đánh nhanh hơn cho vị chủ lễ và đại chúng đỡ mệt):

Nam mô A Di Đà Phật (30 lần)
 @ @ @ @ @ @

Đến lần thứ 30 (xem vị chủ lễ xá báo hiệu) phải đánh vào đó một tiếng chuông đề sang câu khác.

Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát (3 lần)
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lần)
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần)
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lần)
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ **O**

Niệm đến lần thứ 3 của câu cuối cùng, tiếng chuông phải đánh vào chữ “Chúng” và cách dứt mõ cũng giống như các phần trên.

Bây giờ đến phần kệ, có thể vừa đánh khánh hoặc tang, chuông, mõ, linh cùng một lúc để hòa âm. Nên lưu ý: phần kệ nên tụng thật chậm mới diễn tả được hết Thiền vị của bài kệ.

! Ba đời mười phương Phật. O (tiếng chuông)

@ @ @ (tiếng mõ)
* * * * * (tiếng linh)

A Di Đà bậc nhất, chín phẩm độ chúng sinh
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
* * * * * * * * * * * * *

Oai đức không cùng cực, con nay vị hương linh
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
* * * * * * * * * * * * *

Sám hối ba nghiệp tội, phạm được bao phước thiện
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
* * * * * * * * * * * * *

Chí tâm nguyện hồi hướng
@ @ @ @ @
* * * * * * * * *

Nguyện cùng người niệm Phật
@ @ @ @ @
* * * * * * * *

Vãng sinh nước Cực Lạc, thấy Phật ngộ pháp tánh
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
* * * * * * * * * * * *

Phát tâm đại Bồ Đề, đoạn vô biên phiền não
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
* * * * * * * * * * * *

Tu vô lượng pháp môn, thề nguyện độ chúng sanh
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 ** * * * * * * * * * * * * * *

O O

Đều trọn thành Phật đạo. **O**
 @ @ @ @ @ @
 * * * * *

Đến phân tụng kinh Bát Nhã, quý Phật tử nên tụng nhanh hơn kệ, nhưng phải hướng dẫn đại chúng sao cho chậm hơn tụng thần chú, âm điệu mới hay.

O

! Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Quán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

nhất thế khở ách.
 @ @ @ @

Xá Lợi Tử, sắc bất dị không không bất dị sắc
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

hành thức diệt phục như thị. **O**
 @ @ @ @ @ @

Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 thanh hương, vị, xúc, pháp, vô nhân giới; nãi chí
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 vô ý thức giới, vô vô minh diệt vô vô minh tận
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận, vô khổ, tập
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 diệt, Đạo, vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 Đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố. Tâm vô
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn. Tam thế
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đa la tam miệu tam Bồ Đề. Cổ tri Bát Nhã Ba La mật
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đa, thị đại thần chú, thị đại minh chủ, thị vô thượng chú,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

thiết bát hư, có thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú.
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Tức thuyết chú viết: “Yết đế yết đế ba la yết đế,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ba la tăng, yết đế Bồ Đề tát bà ha” (3 lần).
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Câu “Yết đế tát bà ha”, đọc đến lần thứ 3, Duy Na và
 Duyệt Chúng dứt chuông mõ như các bài đã chỉ dẫn ở trên.

..... tát bà ha
 @ @@ @

O nhậ

Tuy nhiên, vị Duy Na và Duyệt Chúng phải xem chừng vị
 chủ lễ dứt nghỉ ở chỗ nào. Nhiều khi vị chủ lễ tụng thẳng luôn qua
 phần “chú Vãng Sanh” nên không cần phải nghỉ mõ và tiếng
 chuông phải điểm vào sau chữ “ha”, thay vì chữ “tát”. Đến thần
 chú “Vãng Sanh” tụng nhanh và dồn dập hơn, mõ phải thôi thúc
 nhiều hơn kinh Bát Nhã ở trên.

O

! Bạt nhứt thể nghiệp chương căn bản đắc sanh Tịnh
 @ @ @ @ @ @ @ @

Độ đà la ni: Nam mô a di đà bà dạ, đa tha dà đá
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

gia, đá địa gia tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đá, tất
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 đàm bà tỳ, a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 lan đa, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 (3 lần).

Đọc bài thần chú này đến lần thứ 3, chuông và mõ cũng
 được dứt như những bài trên là:

..... ta bà ha
 @ @@ @
O nhật

Đến phần “Tự Quy và đánh lễ”, tất cả đều đứng dậy chấp
 tay ngay ngắn và cùng tụng lớn:

! Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo
 @ @ @ @ @ @ @ @ @
O
 đạo cả, phát lòng vô thượng (1 lạy)
 @ @@ @ @ @@ @

(Trong 3 câu Tự Quy, mỗi dấu phẩy có giá trị cho việc nghỉ
 hơi cách một nhịp mõ)

! Tự quy y pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ
 @ @ @ @ @ @ @ @ @
O
 kinh tạng, trí tuệ như biển (1 lạy)
 @ @ @ @ @ @@ @

! Tụ quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống
 @ @ @ @ @ @ @

lý đại chúng, hết thấy không ngại (1 lạy)
 @ @ @ @ @ @ @ @ @
nhật

O
 ! Nguyện sanh Cực Lạc cảnh phương Tây, chín phẩm
 @ @ @ @ @ @ @ @

hoa sen là cha mẹ, hoa nở thấy Phật chứng vô sanh,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

O
 Bỏ Tắt bắt thôi là bạn hữu (xá ba xá rồi lui ra)
 @ @ @ @ @ @ @ @

Thời kinh cầu siêu đến đây tạm xong. Tuy nhiên, có nhiều vị chủ lễ còn phúc nguyện thêm trước phần Tụ Quy nữa. Nếu có phúc nguyện càng tốt, không cũng chẳng sao. Nếu tụng một thời kinh mà vị Chủ lễ, Duy Na, Duyệt Chúng và Đại Chúng cùng một âm điệu hòa với nhau như trên, công đức thật vô lượng và chính người cầu kinh cũng cảm thấy tâm hồn mình được thoải mái nhẹ nhàng. Còn như tụng không đúng điệu và đúng cách của một buổi lễ, người tham dự lễ cảm thấy như nặng nề và không mang lại được một hương vị giải thoát nào cả.

Sau phần cầu siêu, đến cúng Hương linh quá vãng. Ở đây những nơi có Thầy, chính vị Thầy sẽ cúng Hương linh, còn quý Phật tử chỉ hộ niệm thôi. Nhưng trường hợp không có Thầy, quý Phật tử cũng có thể cúng Hương linh được. Chúng tôi muốn đem phần cúng Hương linh vào đây, nhưng thấy hơi khá rườm rà. Do đó, quý vị có thể tham chiếu ở phần II -Phần dành cho chư Tăng-Nghĩ cúng Hương linh.

Phần Cầu An

Phần cầu an trong quyển Nghi Thức Tụng Niệm, từ trang 25 đến trang 41, có những phần giống như bên cầu siêu, ở đây xin giản lược không viết hết ra, có vẻ rườm rà. Quý vị thấy trong đây chỉ những phần nào của nghi cầu an mà thôi. Kính mong quý vị lãm tường.

Trang 26 giống nguyên như phần cầu siêu. Nửa trang 27 phần bên trên, khác phần cầu siêu, quý vị nên lưu ý. Phần cuối trang 27 và trọn trang 29 giống với phần cầu siêu. Vô chuông mõ và trì tụng chú Đại Bi từ trang 29 đến trang 32 cũng giống như phần trên. Thông thường sau phần chú Đại Bi là phần dâng sớ cầu nguyện -sớ cầu an, sớ lễ thành hôn, bài giảng ... thay vào đây. Nhưng cũng có nhiều nơi đọc bài giảng hoặc sớ trước khi đọc cú “Thất Phật diệt tội chơn ngôn”, chúng tôi xin nêu ra như thế để quý vị tường tri. Do thói quen hay do phương tiện, chứ đó không phải là một định luật bất biến.

Sau đây xin mời quý vị thực hành nghi cầu an:

Sau bài chú Đại Bi, vị chủ lễ bắt đầu tụng chú “Chuẩn Đề” :

○

! Cúi đầu quy y phép tô tát đế, thành tâm đánh lễ
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @

đăng Thất Cu Chi. Đệ tử xưng tán đức Đại Chuẩn Đề
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

○

Nguyện đức từ bi xót thương gia hộ.
@ @ @ @ @ @ @ @

○

! Nam mô tát đa nẫm, Tam Miệu Tam Bồ Đề, Cu Chi
@ @ @ @ @ @ @ @ @ @

nằm, đất diệt tha. Án chiết lệ, chủ lệ Chuân Đê
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ta bà ha.

@ @ @ (3 lần hay 7 lần)

Lần thứ 7 ở cuối câu... „ta bà ha“ phải dứt chuông mõ như sau:

O

.... ta bà ha
 @ @@ @

O

! Đệ tử vốn tạo các vọng nghiệp
 @ @ @ @ @

đều do vô thí tham sân si
 @ @ @ @ @ @ @

Từ thân miệng ý phát sanh ra,
 @ @ @ @ @ @ @

O

đệ tử thấy đều xin sám hối.
 @ @ @ @ @ @ @

Tiếp theo đến phần tuyên sớ. Vị chủ lễ hai tay cầm phong sớ dâng lên ngang trán và đọc lớn:

Vọng niệm thành sanh diệt, chân như bất biến thiên; tổng trì nan tư nghi, vô trụ đối không tuyên **O**.

Thê Tôn đức tướng, nan tận tán dương, kim hữu Phật tử . . .
 . . . (tên người đứng xin lễ cầu an), vị cầu an sự, kiền cụ sớ chương, duy nguyện phủ thù chứng giám **O**.

PHỤC DĨ:

Trí quang viên mãn, vĩnh ly tam giới chi đạo sư
 Bỉ nguyện hồng thâm, phổ tác tứ sanh chi từ phụ **O**.

Tín thành niệm thiết, cảm ứng đạo giao;

SỐ vì –**O** (nguyên quán, trú quán để vào khoảng này).

Phụng Phật trì tụng, cúng dường cầu an khương sự **O**.

Tư đệ tử chúng đẳng, tức nhứt ngưỡng can,

Đại giác Thế Tôn, phủ thùy gia hộ **O**.

. (tên tuổi người được cầu an)

Túc nghiệp tiêu trừ thân tâm khương thái

thiện căn tăng trưởng, bi trí hồng khai.

Kim tác kiên cụ số chương, hòa nam bái bạch **O**.

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo tác đại chứng minh **O**.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Dược Sư Lưu Ly Quang vương Phật, Linh Sơn hội thượng Phật Bồ Tát, tác đại chứng minh **O**.

Nam mô Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát, Liên Trì hải hội Phật Bồ Tát, tác đại chứng minh **O**.

PHỤC NGUYỆN

Hồi quang nhứt niệm, công đức vô biên

Hiện tiền thâm ngộ khổ nhơn

đoạn nhị chương căn tu phương tiện **O**.

Lai thế viên thành chánh quả

độ chúng sanh cộng chứng Bồ Đề **O**.

Thiết lại: Tam Bảo phù trì chi đại lực giả.

Cẩn số **O** . Tuế thứ niên nguyệt nhựt

Đệ tử chúng đẳng, hòa nam - - - - thượng - - - - số **O**.

Nếu chỉ cầu an, đến đây vị chủ lễ có thể bắt tụng qua chú „Thất Phật diệt tội chơn ngôn“. Nhưng nếu đám cưới, khởi cần đọc số, vị Trụ trì hay vị Trưởng ban Hộ niệm đứng tuổi, bảo hai nam nữ Phật tử làm lễ thành hôn lên quì phía trên, chấp tay ngay

ngắn, hướng về Phật tiền để nghe lời khuyên nhủ và sau đó hai người cùng lặp lại lời thệ. Vị chủ lễ phải đọc chậm rãi, giọng chững chặc hầu tạo cho buổi lễ được trang nghiêm và thành kính. Phần lặp lại của cô dâu chú rể cũng thế. Cốt sao giọng của hai người phải đều hòa và đủ lớn để mọi người đều có thể nghe được.

Vị chủ lễ đọc:

Này hai Phật tử, hãy lắng nghe: Đức Phật dạy rằng, đệ tử của Phật gồm hai hạng: Xuất gia và tại gia. Người xuất gia có bốn phần hồng pháp lợi sanh; còn người tại gia có bốn phần hộ trì Tam Bảo. Người xuất gia sống không gia đình; người tại gia sống có gia đình. Xây dựng gia đình thành đơn vị an lạc giải thoát trong xã hội.

Bởi vậy, trong giáo lý đức Phật dạy cho người xuất gia kỹ lưỡng tinh tế bao nhiêu, Ngài cũng không quên nói ra những giáo lý thực tế cận kề để chỉ dạy cho người Phật tử tại gia bấy nhiêu. Cốt yếu nhằm tạo sự tin yêu hòa thuận trong đời sống gia đình, nhất là làm sao có sự tin tưởng đối với Tam Bảo, phát tâm thực hiện những hạnh từ bi, lợi tha để xây dựng gia đình được hạnh phúc, xã hội được an lạc.

Hôm nay quì trước Phật đài, hai Phật tử sẽ nguyện chung sống trọn đời để tạo lập hạnh phúc cho nhau. Trong giờ phút thiêng liêng này, đối với Tam Bảo, hai Phật tử có thể đọc lên những lời phát nguyện chân thành sau đây: (vị chủ lễ đọc trước, hai Phật tử lặp lại sau)

LỜI PHÁT NGUYỆN:

Chúng con tên là

1- Xin nguyện từ đây trở thành chồng vợ suốt đời, chúng con sẽ sống cùng nhau, lúc vui mừng có nhau, lúc đau khổ có nhau và lúc nào cũng xem nhau như chính thân mình.

2- Chúng con nguyện cùng nhau nuôi dưỡng con cái, đào tạo cho chúng nên người tốt, hay sinh cho con cái như cha mẹ chúng con đã hy sinh cho chúng con.

3- Chúng con cùng nhau ghi nhớ công ơn dưỡng dục cao dày của cha mẹ. Kể từ nay, cha mẹ của mỗi chúng con là cha mẹ chung. Chúng con xin nguyện cùng nhau báo hiếu để đền đáp phần nào công ơn như trời biển của cha mẹ.

4- Chúng con xin vâng theo lời Phật dạy, cùng nhau thực hiện hạnh Từ Bi, giữ gìn cho nhau nếp sống lành mạnh, cố gắng làm những việc phước đức.

5- Chúng con biết rằng có như thế, chúng con mới tạo dựng được bầu không khí thuận hòa trong gia đình, mới cùng nhau vượt qua được những khó khăn trở ngại để đem lại hạnh phúc cho nhau. Xin nguyện Đức Bổn Sư từ bi chứng minh gia hộ cho chúng con.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (ba lần)

Khi vị chủ lễ đọc xong, nếu còn thì giờ, nên đọc thêm bài giảng „Đạo Vợ Chồng“ được trích từ kinh Thiện Sanh cho cô dâu và chú rể nghe.

(đọc thông thả và chậm rãi)

Nghĩa vợ chồng cần phải kính mến, nhường nhịn nhau. Sự sống chung đụng lâu ngày dù thương nhau thế mấy, nếu thiếu sự kính nhường đều có thể gây tổn thương mối tình chung thủy. Đừng lấy quyền làm chồng lấn hiếp vợ. Đừng ý thế vợ khinh khi chồng. Quyền lợi phải giữ như cán cân, không thiên lệch bên nào. Nếu có thiên lệch, sẽ có chia rẽ. Cũng đừng để ai hy sinh cho ai. Bởi vì cuộc sống hợp đồng, phải tôn trọng quyền lợi thiêng liêng của đôi bên.

Không bao giờ có hai vợ chồng tánh tình giống hệt nhau. Vì thế, không hợp nhau là lẽ dĩ nhiên cho nên hai bên phải khéo dung hòa nhau. Mến tánh tốt của nhau, phải chịu đựng tánh xấu của nhau. Đừng than phiền, đừng đòi hỏi, đừng kiếm tìm đâu nữa mẫu người như mình tưởng tượng. Lúc ở xa nhau, thấy tánh hạnh rất thích hợp; nhưng bắt buộc sống chung sẽ thấy hiện nhiều tật xấu khó chịu. Nguyên tắc duy nhất bảo đảm cho cuộc sống chung là „không khéo sửa đổi cho nhau và chân thành phục thiện“. Dù

người chồng hay người vợ, lúc nào cũng phải dẹp bỏ tự ái, đừng coi mình là hiện thân của chân lý. Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì cũng phải chiêm chước với nhau. Đời hỏi một người toàn thiện, tìm khắp thế gian này không thể có được.

Theo tinh thần Phật dạy trong kinh Thiện Sanh, người chồng phải thật tình thương mến người vợ, không bao giờ dám khinh khi. Sắm đồ trang sức tùy khả năng, tùy sở thích của vợ, cho vợ trọn quyền xếp đặt việc nhà, xem thân tộc bên vợ cũng như bên mình. Người vợ phải mến trọng săn sóc chồng, hằng tưởng nhớ đến chồng, quản thủ việc nhà. Chăm nom thân tộc cho chồng, thức khuya dậy sớm để lo gia nghiệp, nói năng chân thật ôn hòa. Không bó buộc chồng quá đáng, chào mừng khi đi đâu về và lo thức ăn chỗ nghỉ cho chồng.

Đương nhiên, vợ chồng đều phải gắng giữ ba giới đầu của 5 giới cấm ở phương vị một Phật tử tại gia như: Không được giết hại sanh mạng của kẻ khác, không được lấy trộm cắp vàng bạc, châu báu, của cải của kẻ thứ ba khi không được sự đồng ý của họ và không được phạm giới tà dâm, nghĩa là đã có vợ nhà rồi, không nên đi thông đồng với vợ người khác và ngược lại, khi có chồng rồi, chỉ một mực thờ chồng, không được quyền tư thông với người trai khác. Nếu không làm như thế, sẽ dễ bị ly tán tình nghĩa vợ chồng. Có vậy trong nhà mới yên vui hòa hợp. Đã tin cậy nhau phải tôn trọng tự do của nhau, đừng kềm hãm bó buộc khiến sinh ra bức bối, dù vì tình thương cũng vậy.

O

! Thất Phạt diệt tội chân ngôn
@ @ @

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đa la ny đế
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

Ny ha ra đé, tỳ lê nê đé, ma ha dà đé, chơn lăng
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

càn đê, ta bà ha (3 lần)
 @ @ @ @ @

Lần thứ 3, ở ba chữ sau cùng chuông và mõ đánh như sau:

O
 ta bà ha
 @ @@ @

O
 ! Nguyên ngày an lành, đêm an lành
 @ @ @ @ @
 * * * * * * * * * * * * *

Đêm ngày sáu thời thường an lành
 @ @ @ @ @ @ @ @
 * * * * * * * * * * * *

Tất cả các thời đều an lành,
 @ @ @ @ @ @ @ @
 * * * * * * * * * * *

Xin nguyện từ bi thường gia hộ. **O**
 @ @ @ @ @ @ @
 * * * * * * * * * * *

! Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang vương Phật (30L)
 @ @ @ @ @

Nam mô A Di Đà Phật (10 lần)
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát (10 lần)
 @ @ @ @ @ @ @

Nam mô đại bi hội thượng Phật Bồ Tát (10 lần)
 @ @ @ @ @ @ @ @ @

Lần cuối cùng của câu trên, chuông mõ phải đánh như sau:

O
 Phật Bồ Tát
 @ @ @ @

Thứ đến là bài kinh Bát Nhã, cũng bắt giọng như ở phần cầu siêu và trung bình, không nhanh quá, cũng đừng chậm. Chuông mõ cũng đánh giống như vậy. Xong phần Bát Nhã qua phần chú „Tiêu tai cát tường“ phải thúc mõ nhanh hơn. Vì là thần chú

! Tiêu tai cát tường thần chú :
 @ @ @

Nam mô tam mãn đa mẫu đà nẫm, a bát ra đề
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

hạ đa xá, ta nản nẫm, đát điệt tha. Án khur khur,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

khur hê, khur hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ra bát ra nhập phạ ra, đề sắc xá, đề sắc xá, sắc trí
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

ri, sắc trí ri, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiên đề ca,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @ @

thất ri duệ ta phạ ha. (3 lần)
 @ @ @ @ @ @

O

! Nguyễn tiêu ba chương trừ phiên nào

@ @ @ @ @

* * * * * * * * * * * *

Nguyễn chon trí tuệ thường sáng tỏ

@ @ @ @ @ @ @

* * * * * * * * * * * *

Nguyễn bao tội chương thầy tiêu trừ,
 @ @ @ @ @ @ @ @
 * * * * * * * * * * * * * *

O

Kiếp kiếp thường tu Bồ tát đạo
 @ @ @ @ @ @@ @
 * * * * * * * * * * * * * *

Nếu chỉ cầu an cho người bệnh, cầu đoàn tụ gia đình nghi lễ đến đây hoàn tất. Nếu đám cưới, vị chủ lễ mang hộp nhẫn cưới đứng trước mặt hai họ và cô dâu chú rể, bảo chú rể đeo nhẫn cho cô dâu, cô dâu đeo nhẫn cho chú rể.

Nếu có Ông Bà quá vãng của cô dâu chú rể thờ tại chùa nên cho hai người đến lễ tạ Ông Bà.

Sau đó đại diện của hai họ chúc tụng cô dâu, chú rể và sau cùng là phần tặng và nhận quà của thân nhân, bằng hữu.

Nghi lễ cầu an hay nghi cưới hỏi cử hành đơn giản như thế, nhưng không kém vẻ trang nghiêm thành kính. Vì mọi người đều một lòng để tâm thanh tịnh cho việc cầu nguyện trên. Có như thế buổi lễ mới mang được trọn vẹn ý nghĩa của nó.

Ngoài ra, các khóa lễ Sám Hối hoặc Tịnh Độ v.v... nguyên tắc của vị Chủ lễ, Duy Na, Duyệt Chúng và Đại Chúng vẫn giống các phần trên, chỉ khác phần kinh và kệ trong từng trường hợp mà thôi. Nếu quý Phật tử tại gia nắm vững được hai phần nghi lễ chính yếu -cầu siêu và cầu an- trên đây, mọi nghi lễ khác đều có thể thực hành được. Nếu ghi hết vào đây không tránh khỏi sự lặp đi lặp lại, kính mong quý vị Phật tử thông cảm. Phật tử nào đã thông thạo phần nghi lễ của người Phật tử tại gia, cũng đều có thể tham chiếu phần II của sách này -phần dành riêng cho người xuất gia- để tìm hiểu thêm, công đức ấy cũng lợi lạc vô cùng.

PHẦN II

**Lễ và nhạc
người xuất gia
hành trì**

A. Lễ

Lễ ở đây là nghi lễ, lễ phục v.v... nhưng phần của chư Tăng tương đối khá phức tạp hơn của người Phật tử tại gia. Vì chư Tăng sống đời sống tịnh hạnh, không lập gia đình. Phần nhiều Tăng sĩ đều ở trong chùa hoặc Tịnh xá lo việc tu hành và phục vụ chúng sanh. Vì thế, đức Phật chế rất nhiều giới về lễ nghi và y phục cho Tăng Ni. Phạm vi giới hạn của quyền sách, cũng như giới luật không cho phép người Phật tử tại gia biết rõ giới luật của người xuất gia chúng tôi chỉ nêu lên những điều căn bản mà quý vị thường thấy thường nghe thôi.

Về lễ phục và y phục Tăng sĩ của hai phái Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng khá khác nhau. Bên Tiểu Thừa Phật Giáo, chư Tăng đắp y quần màu vàng kể cả lúc ra ngoài hay khi hành lễ cũng giống nhau như vậy. Trong khi đó, bên Đại Thừa Phật Giáo thuộc các nước Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Việt Nam, Tây Tạng, Mông cổ v.v... ngoài chiếc y vàng đắp khi lễ Phật, chư Tăng Ni còn có những loại áo khác để mặc lúc ra đường hay khi làm việc. Ví dụ: Tăng sĩ Việt Nam thường hay mặc áo màu đà hay màu lam mỗi khi ra đường hay lúc làm việc. Riêng bên Ni thường mặc áo màu lam hơn màu đà. Giới Tăng sĩ Nhật Bản thường mặc áo Kimono màu đen. Giới Tăng sĩ Đại Hàn mặc áo màu lam. Tăng sĩ Trung Hoa mặc màu đen hoặc màu đà. Về y phục thường ngày của Tăng Ni các xứ Phật Giáo Đại Thừa đều khác nhau rất nhiều. Ở Việt Nam gọi là áo Nhứt Bình (loại có một hàng nút thẳng từ cổ xuống chân và có hình chữ nhứt ngay ngực). Loại áo này chỉ có những vị xuất gia thọ 10 giới trở lên mới được mặc. Những người mới tập sự xuất gia mặc áo 5 thân, giống như áo dài thường của người Cư sĩ tại gia. Khi đã thọ Tỳ Kheo giới rồi, kể cả Tăng và Ni đều có quyền mặc áo tràng màu nâu hay màu lam tùy sở thích. Trong khi đó, Tăng sĩ bên Tiểu Thừa Phật Giáo thuộc các

nước Tích Lan, Thái Lan, Cao Miên, Lào, Miến Điện... không có những loại áo đặc biệt như thế.

Trường hợp Việt Nam, chư Tăng Ni khi thọ giới Sa Di (10 giới), ít nhất phải ở chùa được 5 năm. Lúc làm lễ, trong mặc áo lễ màu lam, bên ngoài đắp lên mình một cái mạn y màu vàng gồm 2 mảnh vải nối lại với nhau. Sau đó 5 năm phải tiếp tục học tập kinh điển, cũng như giáo lý và có khả năng sẽ được thọ giới Tỷ Kheo. Lúc bấy giờ, phải qua một kỳ khảo hạch giới luật, kinh điển –do ban tuyên luật sư của Đại Giới Đàn- hạch hỏi, nếu đậu mới được phép đắp 3 y Tỷ Kheo là:

Y ngũ, Y thất và Y cửu.

Đúng theo luật Phật chế trong bộ “Luật tứ phần giới” :

- Y ngũ điều là y: được may bởi 5 mảnh vải thành 5 hàng dài, mỗi hàng một miếng dài và một miếng ngắn.

- Y thất điều là y: được may bởi 7 mảnh vải hàng dài, mỗi hàng hai miếng dài và một miếng ngắn.

- Y cửu điều là y: được may thành 9 mảnh vải hàng dài, mỗi hàng hai miếng dài và một miếng ngắn.

Hình của các miếng y gọi là ruộng phước “Phước điền y”. Nhờ ruộng phước điền này mà đàn na thí chủ đem gieo công đức vào đây để tạo duyên lành với Phật pháp.

Còn việc xử dụng:

- Y 5 điều chỗ nào cũng có thể đắp được cả.

- Y 7 điều phải đắp nơi chốn sạch sẽ, như trong chùa hay lúc ăn cơm... trong khi đó,

- Y cửu điều chỉ đắp khi nào đến chỗ đông người, khi đi khát thực, khi nhập chúng thọ trai, khi lễ tháp, lúc nghe kinh, khi lễ vị Hòa Thượng, vị Yết Ma và khi lễ đồng phạm hạnh.

Một vị Tăng khi đã thọ giới Tỷ Kheo rồi, có được 3 y trên, với 1 bình bát và 1 tọa cụ (miếng vải dùng trải lúc ngồi Thiền hoặc lễ Phật). Giới Tăng sĩ Đại Hàn, Nhật Bản và Trung Hoa cho tới nay vẫn còn nguyên vẹn tọa cụ này. Nhưng riêng Tăng sĩ Việt Nam chỉ thấy lúc thọ giới có tám tọa cụ, rồi sau đó không thấy xử

dụng nữa. Có lẽ vì phiền phức nên đồ pháp khí ấy không còn lưu hành nữa chẳng? Ngoài ra, vị Tân Tỳ Kheo được mặc áo lễ vàng; trong khi đó bên Ni giới chỉ được đắp 3 y trên, còn áo tràng bên trong vẫn phải giữ màu lam, không được dùng màu vàng. Có thể khi lên đến Sư Bà, có nhiều vị mặc, nhưng từ Ni Sư trở xuống không ai mặc cả.

Ngoài những pháp y trên, trong luật còn ghi thêm các y lớn hơn cho những vị cao hạ lạp hoặc các vị Thượng Tọa và các Hòa Thượng lớn tuổi như sau:

-Y 11 điều, Y 13 điều (2 miếng vải dài 1 ngắn)

-Y 15 điều, Y 17 điều và Y 19 điều (gồm 3 miếng dài, 1 miếng ngắn).

-Y 21 điều, Y 23 điều và Y 25 điều (gồm 4 miếng dài, 1 miếng ngắn).

-Y 25 điều là dùng 25 khổ vải dài chắp lại với nhau, mỗi khổ gồm có 4 miếng dài và một miếng ngắn nối lại –thành 125 miếng (rộng phước). Y chỉ dùng cho các bậc Đại Trưởng Lão, Đại Tăng Chánh hay Đại Hòa Thượng mới được phép đắp.

Ngày nay chỉ còn thấy các loại y như: Mạn y, 5 điều, Y 7 điều, Y 9 điều và Y 25 điều. Còn các loại khác (từ 11 đến 23 điều) không thấy còn tồn tại ở Việt Nam. Có lẽ các xứ Phật giáo Tiểu Thừa vẫn còn giữ đúng luật.

Y 25 điều cũng gọi là Y bá nạp, vì là loại y gồm cả 100 miếng vải vá vào với nhau. Các vị Hòa Thượng ngày xưa thường hay cho may vào nhiều màu khác nhau nơi chiếc y, không những chỉ một màu vàng. Vị Hòa Thượng khi dẫn lễ có đội thêm một cái mũ gọi là Mũ Hiệp Chương (giống như hai tay chắp vào nhau) hoặc mũ Tỳ Lư (giống như mũ của ngài Địa Tạng có 6 cánh). Ngoài ra, vị Hòa Thượng còn cầm nơi tay một cây Tích Trượng hoặc cái phát trần để tăng thêm vẻ uy nghi, tùy theo từng lễ như Cầu Siêu hoặc Chẩn Tế Cô Hồn v.v...

Các cấp bậc bên Tăng, như chúng tôi đã có lần giới thiệu với quý vị quyền “Cuộc đời của người Tăng sĩ”: Đầu tiên lúc mới xuất gia (còn nhỏ) gọi là ĐIỆU -- Sa Di (thọ 10 giới gọi là Chú) -- Tỳ Kheo (Đại Đức) -- Thượng Tọa -- Hòa Thượng. Hòa Thượng là cấp bậc cuối cùng ở bên Tăng.

Riêng bên Ni giới được phân định như sau:

Người mới vào chùa xuất gia được gọi là Điều, chị -- Cô (Ni cô, thọ 10 giới) -- Tỳ Kheo Ni (Sur Cô) -- Ni Sur -- Sur Bà. Phẩm trật bên Ni cũng giống như bên Tăng vậy. Ni Cô được xem như Chú bên Tăng. Sur Cô xem như Đại Đức. Ni Sur được xem như Thượng Tọa bên Tăng và Sur Bà như Hòa Thượng bên Tăng. Đặc biệt bên Đại Thừa mới có Ni giới tu đến phẩm vị ấy; còn bên Tiểu Thừa, người nữ xuất gia rất giới hạn nên không thấy phân chia cấp bậc. Phần đông chỉ ở chùa, xuống tóc và mặc áo tràng để phụng sự đạo, gọi là bạch y mà thôi. Tuy nhiên, vì giới luật của Phật chế, bên Ni cũng bị khó khăn và có phần khắt khe hơn bên Tăng nhiều.

Lễ phục của giới Tăng sĩ Việt Nam đại lược như đã trình bày. Trong khi đó, giới Tăng sĩ Trung Hoa cũng phân chia tương tự, nhưng có thêm nhiều màu đỏ, xanh, vàng, thêu kim tuyến v.v... Còn giới Tăng sĩ Nhật Bản, màu sắc y phục cũng thế -- màu sắc của bộ y phục -- sẽ cho chúng ta phân biệt được phẩm trật của vị ấy dễ dàng. Như Nhật Liên Tôn thường hay chế biến như sau:

- Sa Di và Tỳ Kheo đắp y màu tím
- Thượng Tọa đắp y màu vàng kim tuyến
- Hòa Thượng đắp y màu đỏ.

Đặc biệt, chiếc y của Tăng sĩ Nhật Bản cũng được thu nhỏ lại bằng $\frac{1}{4}$ cái y của các Tăng sĩ Phật giáo khác tại Á Châu.

Về nghi lễ. Việt Nam khác, và dĩ nhiên Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên đều khác nhau. Tây Tạng và Mông Cổ lại khác nhau hơn nữa. Chỉ có các nước theo Phật Giáo Tiểu Thừa, các nghi lễ tương đối giống nhau và dễ hành trì. Vì vấn đề khá phức

tạp như thế, trong quyển này chúng tôi chỉ xin đề cập đến vấn đề nghi lễ của Phật Giáo Việt Nam thôi. Thịnh thoảng có một vài so sánh để quý độc giả am tường, còn ngoài ra không dám viết hết vào đây. Và lại, ngay cả nghi lễ của Phật Giáo Việt Nam, ở mỗi địa phương mỗi khác, hướng nữa.... Do đó viết nhiều chưa chắc đã đầy đủ, chúng tôi chỉ cố gắng viết được phần nào trong khả năng đã biết chắc của miền nào; còn nghi lễ của các nước Phật giáo khác, chúng tôi chỉ có thể đề cập đơn giản như vậy, kính mong quý vị độc giả thông cảm.

Chư Tăng hầu như phải đảm nhận tất cả các nghi lễ của người xuất gia cũng như tại gia như: Cầu an, cầu siêu, sám hối, cúng vong, đám cưới, về nhà mới, khai trương, chôn tể cô hồn, truyền giới, vớt đàn, đề phan tiếp dẫn v.v... Nói chung có rất nhiều lễ lộc và việc tế tự, nhưng tất cả chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất là đưa con người đến sự giác ngộ giải thoát mà thôi. Nếu sự lý lúc nào cũng bày ra nhiều phương tiện mà quên mục đích cứu người thoát ly sanh tử luân hồi; ấy chưa phải là giáo lý khế cơ của đạo Phật.

Hình thức của lễ nghi và cách phục sức lễ phục chỉ nhằm một mục đích duy nhất là cung kính, tán dương chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng và đề trong Tăng đoàn biết kính trên nhường dưới, chứ không phải vì mục đích khoa trương nào khác. Vì tất cả để cúng dường và tất cả cho việc cầu nguyện.

Người tu là người cầu đạo giải thoát, ngay cả thân mạng cũng còn có thể hiến dâng cho đại sự được, hà huống là những phương tiện có tính cách hình thức ấy! Thế nhưng đối với người thế gian, cũng như đối với người mới vào đạo phải cần phương tiện đưa họ đến cứu cánh. Vì thế, đôi khi cũng phải cần đến những hình thức bên ngoài.

B. Nhạc

Nhạc ở đây là nhạc khí, nhạc cụ của Phật giáo. Nhạc cụ gồm có các loại sau đây: Đại hồng chung, tiểu hồng chung, chuông gia trì, trống lớn, trống cơm, linh, tang, phách, khánh, mộc bản, mõ v.v... Ở các chùa cổ miền Trung mỗi lần có lễ lớn còn có việc xức dụng Tủ Và và một đàn đờn, trống riêng biệt trong việc hòa âm, gồm đờn cò, độc huyền cầm và kèn nữa.

Một Tăng sĩ thông thường phải biết thỉnh chuông u minh vào giờ Tịnh Độ buổi tối và vào thời công phu của buổi sáng, cũng như phải biết đánh chuông trống bát nhã, hướng dẫn các buổi lễ cầu an, cầu siêu, trai tăng, dâng đàn thuyết giới... Việc tụng kinh và tán cũng là điều cần thiết nữa. Nếu người xuất gia ở chùa mà không biết tụng kinh thì không thể nào chấp nhận được. Người Tăng sĩ không biết tán (tán là một loại tụng đưa hơi dài ra. Phần này sẽ được đề cập đến sau) còn có thể chấp nhận được, nhưng không biết tụng kinh là không thể được. Có nhiều vị Thiền sư Việt Nam thiên trọng về Thiền và có ý bài bác Tịnh, nhưng đó cũng chưa phải là một lý do hay nhất để chúng ta từ chối việc tụng kinh. Tụng là miệng đọc, tâm nhớ nghĩ đến Phật và nhờ vào thần lực của nhiều người cầu nguyện, khiến cho hương linh mau siêu độ, công đức ấy thật vô lượng vậy.

Việc ngồi thiền chỉ lo phần tự độ nhiều hơn độ tha. Vì phải nương vào tự lực hơn tha lực, hầu như chỉ có bậc thượng căn, thượng trí mới thực hành; còn phần nhiều người đời nay căn tánh chậm lụt phải cần nương vào tha lực của đức Phật A Di Đà nhiều hơn. Ngài Ấn Quang Đại Sư có dạy: “Đời mạt pháp này, nếu có người tu Thiền mà không tu Tịnh, nhiều người tu; nhưng ít người chứng. Nếu vừa tu Thiền vừa tu Tịnh chẳng khác nào con sư tử - loài chúa tể sơn lâm— có được thêm móng vuốt”. Vì thế, việc tụng

kinh cũng quan trọng vô cùng. Nhờ giọng tụng kinh thanh thoát, khiến người khác phát tâm quy y Tam Bảo. Nhờ sự tán tụng mà gây được cảm giác nhẹ nhàng trong lúc tụng kinh. Nhưng cố tránh bớt rườm rà, để khỏi trở thành lượm thượm, như mấy ông Thầy cúng chuyên nghiệp.

Thông thường trong chùa có bốn thời khóa công phu chính. Đó là thời cúng ngọ, vào khoảng từ 11 đến 12 giờ trưa, cúng thí thực cô hồn vào lúc 5 giờ chiều, khóa lễ Tịnh Độ vào lúc 7 hay 8 giờ tối và thời công phu khuya vào lúc 5 hoặc 6 giờ sáng. Trong các thời công phu ấy, Tăng chúng thường tụng hằng ngày nên ít có tán -thỉnh thoảng vẫn có nhưng rất hiếm- chỉ khi nào có đại trai đàn như khánh thành chùa, an vị Phật, cầu siêu, vớt đàn v.v... mới có đầy đủ những lễ nghi, sẽ nêu ra sau.

Nếu ở chùa Tổ Đình, ngoài những thời công phu trên ra, còn có nghi hô kệ trống trước khi đại chúng công phu khuya, tiếp đó là việc thỉnh chuông u minh, đánh trống trong lúc tán bài “Thượng lai...”, kinh hành nhiều Phật. Buổi chiều cũng có đánh trống vào thời công phu chiều và kinh hành nhiều Phật. Chúng tôi sẽ cố gắng trình bày theo thứ tự để quý vị dễ hiểu hơn.



1. Thời Công Phu Khuya

Kệ trống (lớn)

(nhịp hai tiếng nhỏ, đánh 3 tiếng lớn, tiếp theo 3 hồi dài).
 Nam mô Lạc Bang giáo chủ tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật
 (3 lần).

Pháp cổ minh thời ngọc kệ tuyên
 Hạ thông địa phủ, thượng chư thiên
 Văn thỉnh đồng niệm Di Đà hiệu
 Vãng sanh Tịnh Độ lạc vô biên.
 (một hồi)

Nam mô Thiên Tràng Vương Bồ Tát (3 lần)
 (một hồi dài lại một tiếng)

Cổ thanh hương xứ biển hà sa
 Thiên long bát bộ tiểu ha ha
 Tam luân cửu chuyển sanh tử đoạn
 Khổ hải chi trung xuất ái hà.
 (một hồi)

Án kim cang yết đế, yết đế tam bà ha
 (hai hồi lại 2 tiếng)

Cổ nhạc huyên thiên chuyển pháp luân
 Ngũ âm vi diệu hướng tinh thuần
 Kinh diên lễ tụng hà sa Phật
 Tứ sanh cửu hữu xuất phàm trần
 (một hồi)

Nam mô cổ lô âm Bồ Tát (3 lần)
 (một hồi lại 3 tiếng)

Thượng chúc quốc gia trường cửu, Phật pháp xương minh
 trăm họ an hòa, đao binh chấm dứt, tái kỳ môn đồ đệ tử nội tự
 chúng tăng, thiên niên ngũ phước. Thường lâm nhựt, tam tai biến

khứ, tứ thời vô bán điển chi tai, bát tiết nạp thời lai chi khánh. Phúc nguyện thập phương bốn đạo, thí chủ đàn na, tăng ích phước điền, hiện tiền phước huệ tăng long, một hậu vãng sanh Phật quốc.

Phổ nguyện: âm siêu dương thời, hải yến hà thanh, pháp giới chúng sanh, giai cộng thành Phật đạo. (tiếp 3 hồi dài rồi dứt 4 tiếng)

CÂU CHUÔNG: 1 tiếng trống, 1 tiếng chuông, tiếp 2 trống 1 chuông và 1 tiếng trống sau 1 tiếng chuông. Chuông tức Đại hồng chung. Bài kệ hô chuông có trong quyển “Chư kinh nhật tụng và các nghi thức thông dụng” cỡ lớn, dày 500 trang, được tái bản tại Hoa Kỳ vào năm 1977, quý vị có thể tham chiếu trong quyển ấy để thỉnh chuông.

Khi thỉnh chuông xong, lại 4 tiếng (dứt tứ): đánh 1 tiếng chuông đầu, tiếp bảng: 2 nhỏ, 1 lớn, đến 2 tiếng chuông liên tiếp xen vào giữa; bảng 1 lớn, rồi 1 tiếng chuông sau cùng, bảng 1 lớn. Bảng nhỏ, nhịp tiếp 7 lần, hồi 3 hồi xong xuôi. Bảo chúng (Tiểu hồng chung) nhịp 2 nhỏ. Bảo chúng nhịp 1 tiếng (keng), bảng đánh 1 tiếng (cọp), trống công phu 1 tiếng (thùng), bảng 2 tiếng, trống 1 tiếng.

Bảng 1 tiếng, trống một (thùng)

Hồi 3 hồi trống xong

trống 1 thùng

chuông gia trì đánh 1 boong

mõ đánh 2 cốc

trống đánh 2 thùng

mõ đánh 1 cốc

trống đánh 1 thùng

mõ đánh 1 cốc, nhịp 7 nhịp nhỏ, tiếp theo hồi 3 hồi rồi dứt tứ. Lúc bây giờ vị chủ lễ xướng lễ và cử tán.

Bài tán công phu khuya có nhiều bài và nhiều loại khác nhau, nhưng thông thường tại các Tổ Đình hay tán bài “Chiên Đàn hải ngân” gồm 2 thể loại: tán tang 2 mõ 1 và tang 3 mõ 4.

Hương vân cái Bò Tát
 - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * *

Hương vân cái Bò Tát
 - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * *

Nam mô hương vân cái Bò Tát
 @ - - @ - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * * * * * *

CHÚ Ý:

Ở đây cái linh nhịp theo nhịp trường canh của tiếng mõ. Sau 2 tiếng tang chỉ có một nhịp linh. Sau một tiếng mõ phải 2 nhịp linh. Ngoài ra, nhịp linh chồng lên trên 2 nhịp tang và một nhịp mõ. Ví dụ: đoạn „Lư nhiệt danh hương“ có những nhịp sau đây:

Lư nhiệt danh hương
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * * *

Mõ: 3 nhịp

Tang: 6 nhịp

Linh: 17 nhịp

Đúng theo nguyên tắc, 2 dùi tang (- -) phải nằm trên chữ Hương, nhưng vì bắt buộc bất cứ bài tán nào, chữ cuối câu cũng phải nằm trên dùi mõ; tang phải rơi ra 2 dùi để dùi mõ có thể nằm trên chữ „Hương“ mới đúng thể cách của nó.

Trống cũng có thể đánh vào những bài tán này được nhưng e khá rườm rà. Chúng tôi sẽ viết về cách đánh trống ở hai thời công phu cho tiện hơn. Trống công phu và trống tán không giống nhau, nhưng trống tán là tiếng trống nhân cách hóa từ tiếng trống công phu mà ra (đánh dồn dập vào nhiều nhịp điệu khác nhau). Nếu vị nào đã biết đánh được trống công phu, việc học đánh trống tán cũng không khó khăn mấy.

b. Loại tán tang 3 mã 4

Loại này tương đối khó hơn nhiều và cần hơi cho thật dài. Bởi thế, trong các chùa thường có câu nói ví như: „Học kinh 3 tháng, học tán 3 năm“ là thế.

Kinh kệ nhiều như thế, nhưng chỉ cần học trong 3 tháng mà thôi (nếu người nào chăm chỉ và thông minh). Trong khi đó tán tụng là một loại lễ nhạc có tính cách chuyên môn, phải người lão luyện mới có thể thực hành được. Loại tán tang 3 mã 4 là một loại tán khó nhất trong chốn Già Lam. Cũng bài tán trên, nhưng tán ở thể lời phải được thực hiện:

Chiên đàn hải ngạn O
 --- @@@-(@)- -@@@ ---
 * * * * *

(dùi mõ trong ngoặc có cũng được mà không cũng vậy)

Lư nhiệt danh hương
 @@@ -(@)- - @@@ -(@)@@@@ -(@) --
 * * * * *

Da Du tử mẫu lưỡng vô uon
 @@@-(@)- -@@@@ -(@)- -@@@@ -(@)- -@@@@ ---
 * * * * *

Hỏa nội đắc thanh lương
 @@@ -(@)- - @@@ -(@)- - @@@ -(@)- -
 * * * * *

Nhút chú biến thập phương
 @@@ -(@)- - @@@ -(@)- - @ @ @
 * * **** * * ** *

Hương vân cái Bò Tát
 - - - @@@-(@)-@@@-(@)- -@@@
 * * * * * * * * * * * * * * *

Hương vân cái Bò Tát **O**
 - - - @@@-(@)-@@@-(@)- -@@@ -(@) - -
 * * * * * * * * * * * * * * * * *

Nam mô hương vân cái Bò Tát
 @@@-(@)-- @@@ -(@) - -@@@-(@)-@@@-(@)--@@@
 * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

Cũng bài tán đó, nhưng tán theo điệu này rất khó tán vô cùng. Loại tán tang 2 mõ 1, dùi tang có thể nằm lên trên 1 chữ để thay một nhịp mõ. Nhưng ở bài tán tang 3 mõ 4, nhịp tang và nhịp mõ đều phải kéo dài ra. Nhịp mõ phải chen vào giữa dùi tang thứ nhứt và thứ hai có cũng được, không cũng chả sao cả.

Theo Quảng Nam, Quảng Ngãi, còn một hai lối tán khác nữa, chúng tôi sẽ cố gắng lần lượt trình bày ở những chương sau. Sau khi tán, vị chủ lễ bắt đầu cử giọng để tụng bài “Thần chú Thủ Lăng Nghiêm”, khi nào xong bài Bát Nhã, trống nhỏ và linh, mõ đi bài tán “Thượng Lai” như sau:

Mõ cứ nhịp theo nhịp trường canh, chuông cũng thế, nhưng gấp hơn; chỉ có trống hơi có phần rắc rối một chút. Nếu quý vị nào lưu tâm để ý việc học cũng tương đối dễ dàng. Nhưng nếu sơ ý một trong những nhạc cụ trên khiến cho cả đại chúng hòa theo sau đều sai cả.

Mõ: Các các các các các các các các các
 ----- @ @ @ @ @ @ @ @ @
 Trống: i i i i i i i
 Thùng thùng thùng thùng thùng thùng thùng

Thượng	lai	hiện	tiền	thanh	tịnh	chúng	
@	@	@	@	@	@	@	@
	i		i		i i	i i	i
*	*	*	*	*	*	*	*

Phúng tụng Lãng Nghiêm chú phẩm chú
@ @ @ @ @ @ @
 i i i i i
* * * * * * * * * * * *

Thủ hộ già lam chur thánh chúng

@ @ @ @ @ @ @

 i i i i i i

* * * * * * *

Hồi hướng Tam Bảo chúng long thiên
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * * * * *

Tam đồ bát nạm cu ly khô

@ @ @ @ @ @ @

 i i i i i i

* * * * * * * * * * * *

Tứ ân tam hữu tận triêm ân

@ @ @ @ @ @ @

i i i i i i

* * * * * * * * * * * * * *

Quốc giới an ninh binh cách tiêu

@ @ @ @ @ @ @

i i i i i i i

* * * * * * *

Hư không khả lượng phong khả k^é
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i
 * * * * * * * * *

Vô năng thuyết tận Phật công đức
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * * *

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * * *

Thập phương thế giới diệc vô tỷ
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * * *

Thế gian sở hữu ngã tận kiến
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * * *

Nhứt thiết vô hữu như Phật đã
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * *

Nam mô ta bà thế giới. Tam giới đạo sư,
 @ @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * * * * * *

tử	sanh	tử	phụ.	Nhơn	thiên	giáo	chủ,
@	@	@	@	@	@	@	@ @
i	i	i	i i		i		i
* *	* *	* *	* *	* *	* *	* *	* * *

thiên	bá	ức	hóa	thân.
@	@	@	@	@ @
i	i	i	i i	i i
* *	* *	* *	* *	* *

Bồ	sur	Thích	Ca	Mâu	Ni	Phật.
@	@	@	@	@	@	@
	i		i i	i i	i i	i i i i
* *	* *	* *	* *	*	* *	* * * * *

Ở đây cần lưu ý: Trong câu 7 chữ, gồm 8 dùi mõ (7 dùi mõ trên nhịp chữ và một dùi mõ nghỉ nhịp để bắt giọng). Và chỉ có 7 dùi trống thổi. Dùi trống thứ nhất và hai, cách nhịp 2 của mõ, dùi 3 và 4 cách nhịp 1. Dùi 5 đặc biệt đánh chồng vào tiếng mõ thứ 7 và dùi thứ 6 cũng như 7 đều cách 1 nhịp. Khó nhất là dùi trống thứ 4, thứ 5 và thứ 6. Phải đánh nhót trống thật dồn dập vào, dùi trống mới có thể nằm trên chữ thứ 7 được. Và khó hơn nữa là vừa đánh mõ, vừa đánh trống. Mõ luôn luôn giữ theo điệu trường canh. Trong khi đó tay đánh trống, lúc thì thừa, lúc thì hụt. Do đó, phải tập cho thật nhuần nhuyễn, tiếng trống mới có thể thuần thục được.

Sau phần trống tán bài “Thượng Lai” đến phần đi kinh hành nhiều Phật. Muốn đi cho đúng điệu phải theo nhịp khánh và nhịp mõ sau đây:

Nam	mô	Thích	Ca	Mâu	Ni	Phật
	-	-	@	- -		@

Dùi tang phải nằm ở chữ “Mô” và chữ “Thích”, và phải ở trước chữ “Mâu” cũng như sau chữ “Mâu”. Tuyệt đối dùi mõ không nằm trên chữ “Ni” mà chỉ nằm trên chữ “Ca” và chữ “Phật” mà thôi.

Khi đi kinh hành nhiều Phật, chân trái bước theo nhịp mõ của chữ “Ca” và chân phải bước theo nhịp mõ của chữ “Phật” và đi chung quanh chánh điện 3 vòng như vậy rồi chấm dứt.

Trước khi hồi hướng, các chùa thường hay tán một bài, tùy theo vị chủ lễ bắt giọng. Tán bài nào cũng được –thông thường lài bài “Liên Trì”. Sau đó phục nguyện, Tụng Quy và còn thừa thì giờ thì tụng bài “Thiên Thiên nữ chú” và bài: “Thiên A Tu La Dược Xoa Đăng”. Thời khóa công phu khuya đến đây là dứt. Phần sau là khóa lễ công phu buổi chiều.



2. Công phu Chiều

Thông thường các chùa ở Việt Nam, cũng như ở hải ngoại thường hay cử hành thời công phu buổi chiều vào lúc 17 giờ. Khóa lễ gồm có: kinh A Di Đà, Hồng Danh và Mông Sơn Thí Thực. Vì một duyên sự bận rộn nào đó, có thể thời công phu chiều chỉ tụng nghi thức “Mông Sơn Thí Thực” cũng tạm đủ. Đây là lễ cúng cháo lỏng và nước trong cho những vong hồn người chết không thân nhân cúng cấp và không nơi để nương tựa.

Hương đăng (vị lo việc nhang đèn trên chùa) khi đến giờ lên chùa đốt hương tại các bàn thờ xong, đi tới chỗ có treo “bảo chúng”, nhịp 2 tiếng nhỏ, khai 3 tiếng lớn. Tất cả dâng bảo điện, sau khi lễ Phật xong lại chỗ “bảo chúng” hồi 3 hồi.

Bảng	đánh	cọc cọc (nhỏ)
Chung	“	keng keng (nhỏ)
Bảng	„	cọc (lớn)
Chung	„	keng (lớn)
Trống	„	thùng
Chung	„	keng keng
Trống	„	thùng
Chung	„	keng
Trống	„	thùng

Tiếp theo, trống nhịp 7 nhỏ rồi đánh liên tục 3 hồi.

Trống	:	thùng
Chuông	:	1 tiếng
Mõ	:	cốc cốc
Trống	:	thùng thùng
Mõ	:	cốc
Trống	:	thùng
Mõ	:	cốc, nhịp 7 nhỏ tiếp theo 3 hồi rồi dứt tứ.

Sau khi khai chuông mõ đại chúng bắt đầu tụng kinh A Di Đà, đến Hồng Danh bảo sám và cuối cùng tụng nghi Mông Sơn thí thực. Sau khi đọc tới bài chú “Vãng Sanh”, trống cơm và linh cũng như mõ được đi như sau:

Ấn tát mò lai, tát mò lai
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * *

Di mò năng, ta cót lai mo hò
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i
 * * * * *

phím cóc lai hò (3 lần)
 @ @ @ @
 i i i i i i
 * * * * * * * * *

Sau chữ ! Ấn” và sau chữ “Tát” bên trên phải đả ra 2 nhịp mõ. Trống vẫn giữ nguyên tắc cũ, chỉ kéo dài ra thêm cho lấp khoảng chữ mà thôi. Linh lắc nhịp 2 theo độ gõ đều của mõ.

Phân chia dưới đây tuy mỗi câu cũng 7 chữ như phần của thời công phu khuya, nhưng lối đánh trống và mõ cũng hơi khác. Mong quý vị lưu ý cho điều này.

Nguyễn trú cát tường, dạ cát tường O.
 @ @ i @ @ i @ @ i @ i @ i @ i @ i
 * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

Trú dạ lục thời hằng cát tường
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nhút thiết thời trung cát tường giả
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nguyễn chư thượng sư ai nhiếp thọ
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nguyễn trú kiết tường, dạ kiết tường
 @ @i @ @i @ @i @i @i @i
 * * * * * * * * * *

Trú dạ lục thời hằng kiết tường.
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nhút thiết thời trung kiết tường giả
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nguyễn chư Tam Bảo ai nhiếp thọ O.
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * *

Nguyên trú kiết tường, dạ kiết tường
 @ @ @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * * * *

Trú dạ lục thời hằng kiết tường
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * * *

Nhứt thiết thời trung kiết tường giả
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * * *

Nguyên chư hộ pháp thường ủng hộ
 @ @ @ @ @ @ @ **O** @
 i i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Tứ sanh đẳng ư bảo địa
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Tam hữu thác hóa liên trì
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Hà sa nga qui chứng tam hiên
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Vạn loại hữu tình đẳng thập địa O.
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

A Di Đà Phật thân kim sắc
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * * *

Bạch hào uyển chuyển ngũ tu di
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * *

Cám mục trừng thanh tứ đại hải
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * *

Quang trung hóa Phật vô số úc
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * *

Hóa Bồ Tát chúng diệt vô biên
 @ @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i i
 * * * * * * * * * * *

Tứ thập bát nguyên độ chúng sanh
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * *

Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * *

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * *

đại từ đại bi, A Di Đà Phật. O
 @ @ @ @ @ @ @
 i i i i i i i
 * * * * *

Đây là một bài tán tương đối khó. Xin lưu ý, từ câu “nguyên trú...” đầu tiên đến câu thứ 4: “nguyện chư thượng sư...”. Giữa chữ “Nguyện” và chữ “Trú”, cũng như giữa chữ “Trú” và chữ “Kiết”; tất cả có 4 nhịp mõ. Nhịp mõ thứ nhất nằm trên chữ “Nguyện”, nhịp mõ thứ 2 đưa hơi lợi ra và cao lên, nhịp thứ 3 nằm trên chữ “Trú”, nhịp thứ 4 nằm giữa chữ “Trú” và chữ “Kiết”. Đặc biệt trên chữ “Kiết” không có dùi mõ mà chỉ có dùi trống. Sau đó đi trống nhịp 1 và xóc như trên.

Câu 2: trú dạ lục thời... kiết tường, bình thường không có gì đặc biệt đáng lưu tâm.

Câu 3: nhứt thiết... kiết tường giả; từ chữ “Nhứt... trung”, trống đi nhịp 2, mõ nhịp 1. Tới chữ “Kiết” vì muốn dài giọng câu này ra dài nên thêm một nhịp mõ vào giữa chữ “Kiết” và chữ “Tường”. Trên chữ “Tường” thay vì dùi mõ là một nhịp trống.

Câu thứ 4: nguyên chú.... nhiếp thọ; sau chữ “Nguyên” và chữ “Chú” cũng như chữ “Thượng” mỗi đi nhịp 1 -cách 1 nhịp- dù mỗi không nằm trên chữ “Thượng” mà phải thay vào đó dù trống.

Tám câu tiếp cho đến câu: Nguyên chú... ủng hộ”, chuông, mõ, trống và linh đều đánh như đoạn đầu.

Từ câu “Tứ sanh đẳng ư Bảo địa” đến... A Di Đà Phật” giữ nhịp trống, mõ, chuông và linh ở nguyên tắc bình thường. Sau khi dứt trống đến lượt đi nhiễu Phật 3 vòng. Thời công phu khuya –đi nhiễu Phật- niệm danh hiệu đức Bồ đề Sư “Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật” và thời công phu chiều niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Khi nghe tiếng mõ trên chữ “A”, chân trái bước tới và khi nghe tiếng mõ vừa được đánh lên trên chữ “Phật”, chân phải bước tới. Cứ đi như thế đủ 3 vòng quanh chánh điện vòng luôn ra hậu Tổ mới đầy đủ. Có nhiều nơi còn đi kinh hành đến 7 vòng. Tuy nhiên chỉ đi kinh hành nhiễu Phật 3 vòng cũng đầy đủ lắm rồi.

Nam	mô	A	Di	Đà	Phật
-	-	@	- -	@	

Nhịp khánh rơi nhằm vào những chữ: Nam, mô, Đà và 1 nhịp nằm giữa chữ “Phật” và, tuyệt nhiên trên chữ “Di” không có nhịp khánh nào cả. Vì sai chữ “A” phải dài giọng ra và “Di” bắt buộc phải tụng gấp giọng lại để bắt kịp 2 nhịp khánh rơi vào khoảng kế tiếp đó. Do đó, trên chữ “Di” không có một nhịp tang nào cả.

Trước khi Tụng Quy Y cũng có thể tán một bài tạng 2 mõ 1 như bài “Liên Trì hải hội” chẳng hạn để cho buổi công phu có nhiều âm hưởng và đượm mùi Thiền vị.

Bây giờ chúng ta có thể theo dõi nghi cúng đơn giản tại chùa như sau:

Thoại ái thường quang

@ - - @ - - @ - -
* * * * *

Kham liên pháp trung vương

@ - - @ - - @
* * * * *

Hương vân cái Bồ Tát

- - @ - - @ - - @
* * * * *

Hương vân cái Bồ Tát

- - @ - - @ - - @ - -
* * * * *

Nam mô hương vân cái Bồ Tát

@ - - @ - - @ - - @ - - @
* * * * *

Sau phần Bát Nhã tâm kinh và cúng dường chư Phật, cử tán bài „Phổ cúng dường“. Bài này có thể tán theo lối tang 2 mõ 1 hoặc lối tán trạo (hay tán xóc) đều được cả. Tán trạo là một loại tán nhốt các chữ đầu của bài tán vào với nhau như dưới đây:

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị

- - @ - - @ - -
* * * * *

Lượng đẳng tu đi vô quá thượng

@ - - @ - - @ - -
* * * * *

Sắc hương mỹ vị biến hư không
 @ - - @ - -
 * * * * *

Duy nguyện từ bi ai nập thọ
 @ - - @
 * * * * *

Phổ cúng dường Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @
 * * * * *

Phổ cúng dường Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * *

Nam mô pho cúng dường Bồ Tát
 @ - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * *

Các câu: 2, 3 và 4 trong bài tán này, những chữ ở khoảng thứ 2 không có dùi tang và dùi mõ nào cả. Hai dùi tang nhốt vào 2 chữ đi kế tiếp; sau đó mới đến dùi mõ. Cách tán này gọi là tán trạo hay tán xóc. Cách tán tương đối khá hay và cũng giúp cho các vị sám chủ, cùng các vị đồng tán đỡ đi phần nào mệt nhọc. Vì ít dùng đến hơi kéo dài như các bài tán khác.



4. Thời khóa Tĩnh Độ

Thông thường tại các chùa vào mỗi tối, lúc 20 giờ đều có cử hành khóa lễ Tĩnh Độ.

Lễ Tĩnh Độ hay tụng kinh A Di Đà theo trong „chư kinh nhựt tụng“ hoặc khóa lễ Tĩnh Độ theo trong „Nghĩ Thức Tụng Niệm“. Tùy theo thì giờ nhiều hay ít được phân định trước đề tụng khóa lễ Tĩnh Độ ngắn hay dài.

Trong thời kinh Tĩnh Độ, mở đầu thường hay tán bài „Lư hương...“. Cuối cùng đến phần phục nguyện tán bài „Liên Trì...“. Các bài tán này có thể tán theo nhiều kiểu khác nhau, tùy theo thì giờ nhiều hay ít.

Sau đây bài tán „Lư hương“ mở đầu khóa lễ Tĩnh Độ:

Lư hương sạ nhiệt O
 - - @ - -
 * * * * * * * * * *

Pháp giới mông huân
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * * *

chư Phật hải hội tát diệu văn
 @ - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

tùy xú kiết tường vân
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * * * * * *

thành ý phương ân
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * *

Chư Phật hiện toàn thân O
 @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * *

Hương vân cái Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * *

Hương vân cái Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * *

Nam mô hương vân cái Bồ Tát
 @ - - @ - - - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * * * *

Bài tán „Liên Trì“ ở cuối phần lễ Tịnh Độ được cử tán như sau:

Liên trì hải hội
 - - @ - -
 * * * * * * * * * *

Quan Âm Thế Chí tọa liên đài
 @ - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * * *

Tiếp dẫn thường kim lai
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * *

Di Đà Như Lai
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * *

Đại thế hoàng khai
 @ - - @ - - @ - -
 * * * * *

Phổ nguyện lý trần ai
 @ - - @ - - @
 * * * * *

Tịnh độ phẩm Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @
 * * * * *

Tịnh độ phẩm Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * *

Nam mô Tịnh Độ phẩm Bồ Tát
 @ - - @ - - @ - - @ - - @
 * * * * *



5. Hồng Danh Sám Hối

Tối 14 hoặc tối 30 âm lịch (tháng thiếu tính ngày 29) tất cả Tăng chúng đều vân tập tại chánh điện để làm lễ sám hối. Nghi thức Sám Hối, dựa theo quyển “Chư kinh Nhựt tụng” để dễ lay.

Cách lay có thể một mình vị chủ lễ xưng danh hiệu Phật, tất cả đại chúng đều lay theo. Nếu Tăng chúng và Phật tử đông, vị chủ lễ nên lay trước -xưng theo tiếng nhịp của khánh- sau đó mọi người đều lặp lại câu của vị chủ lễ vừa xưng và lay sau. Như vậy, lay theo lối này, khi đại chúng vừa lay xuống, vị chủ lễ đứng lên và ngược lại. Lay bắt đầu từ câu: Nam mô Phổ Quang Phật đến câu: Nam mô pháp giới tăng thân A Di Đà Phật là dứt. Câu cuối cùng, cả vị chủ lễ và đại chúng cùng nhau lay một lần.

Trước hoặc sau khi lễ có thể cử tán một vài bài như “Dương chi” chẳng hạn.

Dương chi tịnh thủy
 Biến hải tam thiên
 Tánh không bát đức lợi nhơn thiên
 Pháp giới quảng tăng diên
 Diệt tội tiêu khiên
 Hỏa diệt hóa hồng liên
 Nam mô thanh lương địa Bồ Tát (3 lần)

Phần sám hối đến đây là xong. Sau đây tiếp phần lay thù ân. Lay thù ân là lay đền trả báo ân chư Phật, Thầy Tổ, Quốc gia, Cha mẹ và ân đồng loại. Lễ thường diễn ra vào sáng ngày Rằm hoặc Mồng Một âm lịch.

6. Lễ Chúc Tán, Thù Ân

Vào sáng ngày Mồng Một hoặc ngày Rằm, sau khi Tăng chúng trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm, kinh hành nhiều Phật, rồi trở lại bàn Phật, vị chủ lễ hoặc Duy Na xướng danh hiệu chư Phật, chư Tổ và các ân đức để đại chúng cùng lay.

* **Nhứt tâm đảnh lễ:** (tất cả các câu bên dưới đều bắt đầu phải xướng 4 chữ này)

- Nam mô thập phương thường trú tam thể nhứt thiết chư Phật, tôn pháp, hiền Thánh Tăng (3 lay)

- Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (1 lay)

- Nam mô Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật (1 lay)

- Nam mô Dương Lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật (1 lay)

- Nam mô Ngũ Đài Sơn Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ

Tát (1 lay)

- Nam mô Nga Mi Sơn Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát (1

lay)

- Nam mô Phổ Đà Sơn Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát (1

lay)

- Nam mô địa ngục vị không thệ bất thành Phật đại

nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát (1)

- Tây thiên thủ truyền đệ nhứt Đại Đức Ma Ha Ca Diếp

tôn giả (1 lay)

- Đệ nhị Đại Đức A Nan Đà tôn giả (1 lay)

- Đệ tam Thương Na Hòa Tu tôn giả (1 lay)

- Đệ tứ Đại Đức Ưu Bà Cúc Đa tôn giả (1 lay)

- Tây Thiên chư đại Bồ Tát ma ha tát (1 lay)

- Hàng hải nhi lai Đông Độ sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma tôn giả

(1 lay)

- Đệ nhị Tổ Huệ Khả tôn giả (1 lay)

- Đệ tam Tổ Tăng Xáng tôn giả (1 lay)

- Đệ tứ Tổ Đạo Tín tôn giả (1 lay)

- Đệ ngũ Tổ Hoằng Nhẫn tôn giả (1 lay)

- Đệ lục Tổ Huệ Năng tôn giả (1 lay)
 - Đông Độ chư vị lịch đại Tổ Sư Bồ Tát (1 lay)
- * Nhứt tâm phụng vi:** (mỗi câu bên dưới đều xưng

câu này)

- Thiên phúc địa tai nhứt nguyệt chiếu lâm ân, đánh lễ thập phương thường trú Tam Bảo (1 lay)

- Thiên long bát bộ hộ pháp Thánh chúng (1 lay)
- Việt Nam khai sơn truyền giáo lịch đại Tổ sư (1 lay)
- Truyền giới, truyền pháp Đại Đức tôn sư đàn đầu Hòa

Thượng (1 lay)

- Yết Ma, Giáo Thọ A Xà Lê sư (1 lay)
- Đồng dẫn thất vị tôn chúng vi dẫn thỉnh sư (1 lay)
- Châu la thế độ bốn sư (1 lay)

*** Nhứt tâm đại vi:** (từ câu này trở xuống đều xưng như vậy)

- Quốc dân thủy tổ ân (1 lay)

- Đa sanh thất thế quá khứ phụ mẫu cập sở sanh hiện tại phụ mẫu ân (1 lay)

- Huấn dục Sư trưởng ân (1 lay)
- Hộ pháp đàn việt, đàn na thí chủ ân (1 lay)
- Chúng chúng công vụ Thiền môn chấp lao phục dịch

(1 lay)

Phần lễ chúc tán trước bàn Phật đã xong. Tất cả Tăng chúng vân tập trước bàn thờ Tổ để lay Tổ. Nếu trường hợp chùa không thờ Tổ, những câu sau đây, vị chủ lễ hay Duy Na phải xưng lên trên phần “Nhứt tâm đại vi” ở trên để Tăng chúng cùng lay.

Trong phần lay thù ân chúc tán này, chúng tôi nêu ra hai phần tại hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi để quý vị lãm tường. Quý vị nào xuất thân từ những tỉnh khác cũng đều có những Tổ Đình và các vị Hòa Thượng khai sơn tương tự, nên hình thức lễ lay vẫn giống như vậy. Rất tiếc, tại hải ngoại ngày nay, chư sơn Thiền Đức mỗi người lưu lạc một nơi, khó có cơ hội hội họp lại

đầy đủ, chúng tôi không có cơ may thỉnh ý quý Ngài để có thể viết vào quyển sách nhỏ này được đầy đủ, ngõ hầu cho đàn hậu tấn theo đó tiến tu đạo nghiệp.

Kính mong chư sơn Thiền Đức hoan hỷ lượng thứ cho sự thiếu sót này và chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự chỉ giáo của quý vị.

a) Cách lay thù ân chúc tán (theo Quảng Nam)

- * Nhứt tâm đánh lễ: (mỗi câu sau đều phải đọc phân này)
- Việt Nam chư vị Tổ sư (1 lay)
- Thiền hạ danh sơn, đại thiện tri thức, chư vị giác linh (1 lay)
- Sắc tứ Chúc Thánh tự, khai sơn Minh Hải Đại Lão Tổ Sư Hòa Thượng giác linh (1)
- Sắc tứ Vạn Đức tự, khai sơn trùng hưng quá cố đường thượng lịch đội Tổ Sư (1 lay)
- Sắc tứ Phước Lâm tự, khai sơn trùng hưng quá cố đường thượng lịch đội Tổ Sư (1 lay)
- Sắc tứ Tam Thai, Linh Ứng nhị tự khai sơn trùng hưng quá cố đường thượng lịch đội
Tổ sư (1 lay)
- Bồn tỉnh chư sơn tôn túc từ thế, quá vãng cư vị giác linh (1 lay)

b) Cách lay thù ân chúc tán (theo lối Quảng Ngãi)

- * Nhứt tâm đánh lễ: (từ câu này trở xuống đều xướng như vậy)
- Việt Nam chư vị Tổ sư (1 lay)
- Thiền hạ danh sơn, hoằng tôn diễn giáo, đại thiện tri thức, chư vị giác linh (1 lay)
- Sắc tứ đạo điệp, khai sơn Viên Quang, trùng hưng Thiền Ấn, đệ tứ Tổ sư Hòa Thượng giác linh (1 lay)

- Sắc tứ Thiên Ân tự, đệ ngũ thể Hòa Thượng giác linh (1 lạy)
- Sắc tứ Diệu Giác tự, đường thượng Viên Quang khởi kiến giới đàn Từ Nhơn Hòa
Thượng giác linh (1 lạy)
- Khánh Long đường thượng khai sơn Phước Quang tự Quảng Chấn Hòa Thượng giác
linh (1 lạy)
- Đồng công hưng kiến sắc tứ Phước Quang tự pháp lực tài
bồi ân (1 lạy)
- Trùng hưng sắc tứ Thiên Ân tự pháp lực tài bồi ân (1 lạy)
- Khai kiến Quang Lộc tự tài bồi ân (1 lạy)
- Bốn tỉnh chư sơn tôn túc từ thế, quá vãng chư vị giác linh
(1 lạy)

Trên đây là một số nghi lễ tương đối đơn giản diễn ra hàng ngày hoặc hàng tháng tại các chùa ở Việt Nam và hải ngoại xưa cũng như nay. Bắt đầu từ phần thứ 7 trở đi có tính cách chuyên môn và khá phức tạp. Kính mong quý vị lưu tâm.



7. Nghi thức Khai Kinh

Đại Đàn Tràng

Cúng hương kê chú:

Hương yên kiết thể
 Thông xuất tam giới
 Ngũ uân thanh tịnh
 Tam độc liễu nhiên
 Ấn phóng ba tra tá ha (3 lần)

Tường niệm hương:

Tam biện chơn hương, ngư đầu phúc ác, hương triện yên uân liêu niếu, ư thừ lãnh sơn trung, phân phương tùy gia thất nội. Kiết tường vân ư tán cái, ngưng thoại khí dĩ vi đài, lục thù khả oán thiên kiem, nhứt chú năng huân tam thế, hiển cúng Thích Ca điều ngự, thứ cúng Tịnh Độ Bồ Sư, Linh Sơn hội thượng Thánh Hiền, Cực Lạc Tịnh Bang triết chúng. Nhứt nhứt hộ pháp long thiên, vạn linh giám giám, thừa thủ bửu hương, chứng minh Phật sự.

Tấu vì: Việt Nam quốc tỉnh quận xã thôn. Hiện cư tại phụng Phật tu hương thiết cúng kiem chủ (họ tên) đẳng, tức nhứt bá can Tam Bảo phủ giám chứng minh (kỳ siêu) thống niệm phục vi vong (nếu kỳ an đọc: kỳ an tín chủ nguyện đắc bình an).

Tuế thứ niên nguyệt nhựt

Sau khi nguyện xong, vị chủ lễ (sám chủ) cầm hương lên lư, đứng ngay ngắn và niệm lớn:

Pháp vương vô thượng tôn
 Tam giới vô luân thất
 Thiên nhơn chi đạo sư
 Tứ sanh chi từ phụ
 Ư nhứt niệm quy y
 Năng diệt tam kỳ hiệp
 Xưng dương nhược tán thán
 Ưc kiếp mạc năng tận **O** (xá 1 xá)

Năng lễ sở lễ tánh không tịch
 Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
 Ngã thử đạo tràng như đế châu
 Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
 Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
 Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ **O** (1 xá)

* Nhứt tâm đánh lễ:

- Nam mô tận hư không biến pháp giới quá hiện, vị lai, thập phương chư Phật, tôn pháp, hiền thánh tăng thường trú Tam Bảo. **O** (1 lay)

- Nam mô ta bà giáo chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đương lai hạ sanh Di Lặc tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. **O** (1 lay)

- Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh tịnh Đại hải chúng Bồ Tát (1 lay).

Sau khi đánh lễ Tam Bảo xong, Duy Na và Duyệt Chúng khai chuông mõ theo lối nhập thất, dứt tứ sau:

@ tượng trưng cho tiếng mõ
O tượng trưng cho tiếng chuông

@ @ @ @ @ @ @ @ O @ O @ O @ @ @ @ @
nhật nhật

Dùl mỗ thứ 5 và thứ 6 ở phía trước, cũng như dùl mỗ thứ 2 và thứ 3 ở phía sau nhật lại. Một tiếng chuông và một tiếng mỗ ở giữ nên đánh thông thả và đều nhau mới tạo được một âm thanh của Thiên vị.

Sau khi nhập chuông vị sám chủ cử tán:

Dương chi tịnh thủy O
- - @ - -
* * * * *

Biển sái tam thiên
@ - - @ - - @ - -
* * * * *

Tánh không bát đức lợi nhơn thiên
@ - - @ - - @ - - @ - -
* * * * *

Pháp giới quảng tăng diên
@ - - @ - - @ - -
* * * * *

Diệt tội tiêu khiên
@ - - @ - - @ - -
* * * * *

Hỏa diệt hóa hồng liên O
@ - - @ - - @
* * * * *

Thanh	lương	địa	Bồ	Tát
-	-	@ - -	@ - -	@
*	* *	* * * *	* * * *	* * *

Thanh	lương	địa	Bồ	Tát
-	-	@ - -	@ - -	@ - -
*	* *	* * * *	* * * *	* * * *

Nam	mô	thanh	lương	địa	Bồ	Tát
@ - -	@	-	-	@ - -	@ - -	@
* * * *	* * *		* *	* * * *	* * *	

Sau bài tán “Đương chi” cử tán tiếp bài “Diên thiên ngọc lộ”:

Diên thiên ngọc lộ
 Giác hải kim ba
 đại thiên sa giới sái phân đà
 tam muội nịch trầm a
 thiếu thủy thành đà
 Nhứt đích tịnh sơn hà
 Thanh lương địa Bồ Tát (3 lần)

Bài trên cử tán theo thể tang 2 mõ 1 cho dễ tán. Đúng ra phải ghi đầy đủ tất cả các âm của chuông mõ và linh vào đây, nhưng quá rườm rà, chúng tôi xin lược bớt, chỉ ghi những bài nào đặc biệt mà thôi.

Dưới đây là một bài tán khó nhất trong Thiền môn. Đó là bài “Tào Khê”, chúng tôi xin ghi lại đầy đủ để chư tôn tùy nghi xử dụng.

Tào Khê thủy, nhứt phái hướng đông
 Quan Âm bình nội trừ tai cửu

Đề hồ quán đánh địch trần cầu
 Dương chỉ sái xứ nhuận tiêu khô
 Yết hầu trung cam lồ
 Tư hữu huỳnh tương thâu
 Yết hầu trung cam lồ
 Tư hữu huỳnh tương thâu
 Hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Xướng bạch:

Duy Na: Trí tuệ hoằng thâm đại biện tài
 Đoan cư ba thượng tuyệt trần ai
 Duyệt Chúng: Tường quang thước phá thiên sanh bịnh
 Cam lồ năng trừ vạn kiếp tai
 Duy Na: Tùy liễu phát khai kim thể giới
 Hồng liên đồng xuất ngọc lâu đài
 Duyệt Chúng: Ngã kim kê thử phần hương tán
 Nguyện hướng nhân gian ứng hiện lai

Tán hoặc xướng

Hải chấn triều âm thiết phổ môn
 Cửu liên ba lý hiện đồng chơn
 Dương chỉ nhứt đích chơn cam lồ
 Tán tác sơn hà đại địa xuân
 Nam mô đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

Chú Sám bạch:

Phù thử thủy dã, bát công đức thủy, tự nhiên chơn
 Tiên tẩy chúng sanh nghiệp cấu trần
 Biến nhập tỳ lô hoa tạng giới cá trung
 Vô xứ bất siêu luân
 Thủy bất tẩy thủy, diệu cực pháp thân

Trần bất nhiễm trần, phản tác tự kỷ
 quyền trừ nội ngoại, đẳng địch đẳng tràng
 sái khô mộc nhi tác dương xuân
 kiết uế ban nhi thành Tịnh Độ.
 Sở vị nội ngoại trung gian, vô trước uế
 Thánh phàm u hiển tông thanh lương.

Tán:

Bồ Tát liễu đầu cam lồ thủy
 Năng linh nhứt đích biến thập phương
 Tinh chuyên cầu uế tận tiêu trừ
 Tinh thử đạo tràng tất thanh tịnh

(Bài trên có thể cử theo lối tán trạo hoặc tán xóc và hay hơn cả là tán tang 3 mỗ 4 hoặc tang 2 mỗ 1)

Chủ sám xưng:

Giáo hữu đại minh chơn ngôn, cần đương trì tụng (tụng chú Đại Bi). Đến phần cuối cùng tán: Nam mô cam lồ vương Bồ Tát (3 lần)

Thỉnh Tam Bảo:

* Phụng thỉnh Tam Bảo (tất cả hòa theo) hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh.

Chủ sám: Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, thiên ba đài thượng, bá bảo quang trung, tam thập nhị tướng hảo chi năng nhưn, bát thập chủng hảo chi đại giác, quá hiện vị lai vô lượng Phật Đà gia.

Duy Na: Duy nguyện - Bất vi bồn thế, bất xả từ bi thỉnh giảng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (chúng hòa) hương hoa thỉnh.

Sám chủ: Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, Tây Thiên Trúc quốc, bạch mã đà la, Tu Đa La liễu nghĩa thượng thừa, thập nhị bộ chơn kinh bí điển, quá hiện vị lai vô lượng pháp Đạt Ma gia.

Duy Na: Duy nguyện - Bất vi bốn thế, bất xả oai quang, thỉnh giảng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Sám chủ: Nhứt tâm phụng thỉnh, Tam minh bát giải, ngũ quả lục thông, phân thân ưu thủ độ tha phương, ứng cúng tại nhơn gian thiên thượng, quá hiện vị lai vô lượng Tăng Già gia.

Duy Na: Duy nguyện - Thượng tuân Phật sắc, hạ mẫn phạm tình, quang giảng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Sám chủ: Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, thiên chơn địa thánh, thủy triết dương kiên, thượng kỳ phi phi tướng thiên, hạ phong luận địa tế, ngũ thông tiên chúng, tứ phủ vương quan, sum sum hộ pháp long thần, dục dục già lam chơn thể, vô biên hiền tạo, hữu sự linh kỳ, cai la thượng hạ, tứ vi bao quát thập phương Hiền Thánh.

Tái thỉnh:

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, thập thân sở mãn, tứ trí viên thông. Đại hùng điều ngự Thế Tôn, sa giới đạo sư đại giác, quá hiện vị lai vô lượng Tam Bảo.

Duy nguyện

Tán: Quan Âm linh cảm phú đạo tràng
 Trừ tam tai miễn bất nạn
 Hộ quốc nhơn vương giảng kiết tường
 Nam mô tận hư không biến pháp giới bảo sám sơ khai
 phụng thỉnh (3 lần)
 a) Phật Đà gia
 b) Đạt Ma gia
 c) Tăng Già gia

Xương: Nam mô tận hư không biến pháp giới quá hiện, vị lai Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

Tán hoặc xương (sớ)

Tứ bát đoạn nghiêm vi diệu tướng

Tăng kỳ quả mãn kiếp tu lai

Diện như mãn nguyệt mục như liên

Thiên thượng nhơn gian hàm cung thủ

Thế Tôn đức tướng nan tận tán dương

Kim hư trai chủ thiết cúng khai kinh (ngộ cúng) sớ
văn, cung đối Phật tiền, hào tướng quang trung, phủ thù minh
chứng:

Thầy công văn quì xuống tuyên sớ:

Đọc sớ xong tụng “Thất Phật diệt tội chơn ngôn”:

Ly bà ly bà đế, câu ha câu ha đế, đà la ni đế

Ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế, ma ha già đế, chơn lăng cang đế

Ta ba ha (3 lần)

Tán: Thiên chơn địa thánh

-- @ --
*** *****

Thủy triết dương kiên

@ -- @ -- @ --
*** ** *****

Tứ phủ la liệt biến sùng dinh

@ -- @ -- @ -- @ --
***** ** * * * *

Hộ pháp chúng chư thiên

@ -- @ -- @ --
*** ** * * * *

Đồng phú pháp diên

@ -- @ -- @ --
*** * * * * *

Phước thọ quảng vô biên
 @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * * * *

Hộ pháp chư thiên Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * *

Hộ pháp chư thiên Bồ Tát
 - - @ - - @ - - @ - -
 * * * * * * * * * * * * * *

Nam mô hộ pháp chư thiên Bồ Tát
 @ - - @ - - @ - - @ - - @
 * * * * * * * * * * * * * * * * * *

Tán Đại Bi - đến bàn Hộ Pháp:

Phụng thỉnh thiên từ vương Bồ Tát, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh đồng chơn diệu hạnh, cảm ứng tam châu, tồ tã phụ chánh hộ tam tôn, cảm ứng phú đảng tràng, thù hồ hựu diệt trừ tà ngoại vĩnh vô xâm.

Phụng thỉnh hộ pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát Ma Ha Tát.

Duy nguyện: Thượng tuân Phật sắc, hạ mẫn phạm tình, quang giáng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Thỉnh bốn xứ:

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, bốn phủ châu huyện, thành hoàng ty chủ dã, tể chấp quyền hành, dương cảnh thổ địa, lý vực chơn quang hự không quá vãng, đắc độ tiên linh, tận đại địa hữu cảm Thánh Hiền, hàm sát hải vô biên chơn tế.

Duy nguyện:

Phật tử quảng đại, mẫn niệm hữu tình, thỉnh giảng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Tán hộ pháp:

Vi Đà thiên tướng diệu đường đường

Thân phi kiêm giáp hiển oai quang

Khai hóa tam châu hưng mật dụng

Tôi tà phụ chánh hộ đạo tràng

Tam thiên cảm ứng Hộ Pháp Vi Đà tôn thiên Bồ Tát (3 lần)

Xướng số:

Thần công phá trặc, mật hạnh nan tư

Thị đồng kiện ư, thiên luân tôi tà phụ chánh

Thọ di chúc ư Đại Giác, hộ pháp an Tăng

Ngưỡng khởi thiên từ, phủ thủy minh chứng.

Tuyên số xong tụng: “Thiện Thiên nữ chú” :

Nam mô Phật Đà

Nam mô Đạt Ma

Nam mô Tăng già

Nam mô thất lý, ma ha đế tỷ da, đất nễ dã tha, ba lý phú lâu na, giá lý tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỷ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỷ ni dà đế, ma ha ca rị dã, ba nễ ba ra, ba nễ tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lệ đế, phú lệ na, a rị na, đạt ma đế. Ma ha tỷ cô tất đế, ma ha Di Lặc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỷ, tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha a nâu, đà la ni.

Sau đó niệm Quan Âm đến thỉnh Địa Tạng và đến bàn Tiêu Diện:

Phụng thỉnh:

Diện Nhiên Vương Bồ Tát, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, tam thân thị hiện, xuất ngọc tướng dĩ suất ma quân, hám mục trùng thanh, hóa quỷ vương nhi

chiêu nga quỉ. Chúng đẳng kiền thành phụng thỉnh Diện Nhiên Vương Bồ Tát ma ha tát.

Duy nguyện: Tử trúc lâm trung trình diệu tướng

Ốc tiêu sơn hạ hiện chơn hình

Thỉnh giảng pháp diên, chứng minh công đức

Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, thiết vi sơn gian quỉ vương, công diện như lam, đỉnh phát tợ châu sa, hình sơn phúc hải, yết như châm, hành bộ tợ hỏa xa, thỉnh như lôi hửu, ư kim bất cải diện nhan dung, thử nhứt (đạ) kiền thỉnh Diện Nhiên Vương Bồ Tát ma ha tát.

Duy nguyện:

Thừa Tam Bảo lực tượng bí mật ngôn, thử nhứt (đạ) kim thời, quang lâm pháp hội, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Cử tán:

Lễ thỉnh Diện Nhiên đại quỉ vương

Thống lãnh cô hồn phú đạo tràng

Phổ thỉnh đồng xan cam lồ vị

Nguyện giai bảo mãn tảo sanh thiên

Nam mô Diện Nhiên Vương Bồ Tát (3 lần)

Xướng sớ:

Tử trúc lâm trung trình diệu tướng

Ốc tiêu sơn hạ hiện chơn hình

Kim hữu trai chủ thiết cúng.... khai kinh sớ văn, cung đôi thánh tiền, phủ thù minh chứng.

Tuyên sớ xong tụng Chuẩn Đề thần chú:

Khê thủ quy y Tô Tát Đế, đầu diện đánh lễ thất cu chi

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề.

Duy nguyện từ bi thù gia hộ

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam Bồ Đề, cu chi nẫm đất diệt tha. Án chiết lệ chủ lệ Chuẩn Đề ta bà ha.

Thỉnh Địa Tạng:

Phụng thỉnh Địa Tạng Vương Bồ Tát ma ha tát.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh hồng ba ảnh lý, thoại khí tòng trung. Thị tướng hảo dĩ năng nhơn, hiện nguy nga nhi tự tại, đánh viên tăng tướng, thể tọa kim dung.

Tam đồ ngục nội bảo từ vân

Ngũ thú ba trung trình cao trạo

Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, địa ngục vị không
thệ bất thành Phật, Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát ma ha tát.

Duy nguyện:

Bửu vũ bửu vân vô số chúng

Vì tường vi thoại biến trang nghiêm

Thiên nhơn vãn Phật thị hà nhơn

Phật ngôn Địa Tạng Bồ Tát chí

Thử nhứt (dạ) kim thời quang lâm pháp hội.

Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, u minh giáo chủ cứu khổ
bổn tôn, chấn kim tích nhi địa ngục môn, khai chuông bửu châu
nhi thiên đường lộ thấu. Đại bi đại nguyện, đại thánh đại từ bổn
tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát ma ha tát.

Duy nguyện:

Bửu châu chiếu phá thiên đường lộ

Kiểm tích xao khai địa ngục môn

Thử nhứt (dạ) kim thời quang lâm pháp hội

Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, thủ kinh phan cái, thân
quải hoa mang, độ chúng sanh qui Cực Lạc chi bang, dẫn hương
hồn phó đạo tràng chi hội. U minh lộ thượng dẫn hồn vương Bồ
Tát ma ha tát.

Duy nguyện (như trước)

Cử tán:

Chưởng ốc minh châu quang bất muội

Thủ trì kim tích nạp thiện duyên

Tam đồ ngục nội bố từ vận

Ngũ thú ba trung trình cao trạo

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần)

Xướng sớ:

Bửu châu chiếu phá thiên đường lộ

Kim tích xao khai địa ngục môn

Kim hũu trai chủ thiết cúng khai kinh

(ngộ cúng) sớ văn cung đối Thánh tiền phủ thùy minh chứng.

Sau khi tuyên sớ xong, tụng chú Vãng Sanh, niệm Đại Bi tụng tại bốn mạng.

Bạch văn

Thiết dĩ hương phân kim lư chi nội

biến bố tam thiên, điểm đăng ngọc trảng chi trung

quang lưu vạn cảnh, chúng đẳng kiền thành

thượng hương nghinh thỉnh, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh

Thiên thượng thất tinh quang ảnh

thường chiếu mạng cung, nhơn gian cửu khúc ba lang lưu thêm phước hải. Đại Bi Đại nguyện, đại thánh đại từ, Phật quang chủ chiếu, bốn mạng thượng cung.

Duy nguyện: Bất vi bốn thệ, bất xả từ bi quang giáng đàn tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, Ca La Bích hán, bảo quốc tinh chuyên, giác can đề phòng, tâm vĩ cơ đầu, nhị thập bát tú liệt phương ngưng, ngũ hành bát chánh thất tinh hưng tú chuyển vi kiệt diệu. Đại bi đại nguyện, đại thánh đại từ, Phật quang chủ chiếu, bốn mạng cung trung.

Duy nguyện: Thượng tuân Phật sắc, hã mẫn phạm tình, quang giáng đạo tràng chứng minh công đức, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

* Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh từ nhơn vô lượng, bi trí nan cùng, thượng sanh cộng thuộc, ư yên đào quần phẩm hàm môg, ư hóa dục Đông phương mẫn nguyệt Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai. Thích Phạm nhị đại tôn thiên Trường Thọ Vương Bồ Tát, Diên Thọ Vương Bồ Tát, dương sanh đương chiếu bốn mạng thượng cung, trung, hạ cung.

Duy nguyện:

Phật từ quảng đại mẫn niệm hữu tình, thử nhứt (đạ) kim thời quang lâm pháp hội, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Xướng sớ:

Ngũ hành lục giáp bát cung đồng
Bốn mạng can chi tuệ nguyệt thông
Cửu diệu thất tinh chư các hạn
tam đa ngũ phước tại kỳ trung
Tư hữu trai chủ

Sau khi tuyên bố xong, tụng chí tâm quy y mạng lễ:

Nam Bắc Đông Tây trung ngũ đầu
Châu thiên thất thập nhị hưng thần
Nhị thập bát tú liệt phương ngưng
Cửu diệu thất tinh chư Thánh chúng
Đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ
Phật quang chủ chiếu bốn mạng ngươn thần
Đại hạn tiêu hạn tinh quân
Đại vận tiêu vận tôn thần

La-kế-nguyệt-bột, bàng lâm chủ chiếu
 KIM-MỘC-THỦY-HÓA-THỔ-ĐỨC tinh quân
 nguyên tiêu tai chướng, nguyên giáng kiết tường
 Tiêu tai xí thanh quang vương Phật.

Tán

Tứ sanh đẳng ư bảo địa thượng
 Tam hữu thoát hóa Liên Trì hội
 Hà sa nga qui chứng Tam Hiền
 Vạn loại hữu tình đẳng thập địa
 Lâm pháp hội Bồ Tát (3 lần)

-Nguyên sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu
 Siêu lạc độ Bồ Tát (3 lần)
 Niệm Đại Bi Quan Thế Âm tợ Phật tiền.

Cử tán

Lư hương sạ nhiệt
 Pháp giới môn huân
 Chư Phật hải hội tất giai văn
 Tùy xú kiết tường vân
 Thành ý phương ân
 Chư Phật hiện toàn thân
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát (3 lần)
 Nam mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Khai kinh kệ:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
 Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
 Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
 Nguyên giải Như Lai chơn thật nghĩa

Cử tán:

Khê thủ quy y Phật, Phật tại kỳ cô viên
 Cô viên thuyết pháp, thuyết pháp lợi nhơn thiên
 Nam mô chơn như Phật Đà gia
 Khê thủ quy y Pháp, pháp bảo lý long cung
 Long cung khai bảo tạng, bảo tạng phúng lang hàm
 Nam mô pháp bảo Đạt Ma gia.
 Khê thủ quy y Tăng, Tăng tâm tợ thủy thanh
 Thủy thanh thu nguyệt hiem, nguyệt hiem nhựt luân minh.
 Nam mô phước điền Tăng Già gia.
 Nam mô khai bảo tạng Bồ Tát ma ha tát (3 lần)

Khai kinh dĩ ngật
 Đương nguyện chúng sanh
 Sở tác giai biện
 Cụ chư Phật pháp

Trên đây là nghi thức khai kinh đại đàn tràng cầu an hoặc cầu siêu. Thời gian tốn khoảng từ 1 giờ rưỡi đến 2 giờ, tùy theo tán và xướng nhanh hay chậm.

Sau đây là nghi cúng vong khá phổ thông cho cả hai giới tại gia và xuất gia. Tại hải ngoại ngày nay, chư Tăng rất hiếm hoi, nên người Phật tử tại gia cũng có thể học theo nghi thức này để cúng vong cho những hương linh quá vãng được trượng thừa công đức. Chúng tôi sẽ cố gắng đơn giản hóa để quý vị Phật tử dễ theo dõi hay thực hành.



8. Nghi thức Cúng Vong

(dành cho cả hai giới xuất gia và tại gia)

Chủ lễ xướng: Tang chủ tỵ vị, bình thân quì, phàn hương
thiết niệm; thượng hương -- khởi thân lễ nhị -- bái **〇 〇 〇**

Xướng:

Tử kiêm nghiêm tướng diệu nan lường
Vĩnh kiếp thường cư Cực Lạc bang
Thất bảo dương chi tiêu nhiệt nảo
Bát công đức thủy mộc thanh lương **〇**
Quang lưu xứ xứ u minh thất
Ảnh hỏa phân thân tọa đạo tràng
Nguyện độ linh hồn quy bổn quốc
Cửu liên đài thượng vãng Tây phương
Nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật (3 lần)

Tán:

Kim nhứt đạo tràng pháp diên khai
- - - @@@ - (@) - - @@@ - (@) - - @@@ - @
*** * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

Hội nhiên lai triệu thỉnh
@@@ - (@) - - @@@ - (@) - -
* * * * * * * * * * * * * * * * *

Hương linh lai phú hội
@ @ @ - @ - - @@@ - @@@
* * * * * * * * * * * * * * *

Hương linh văn triệu văn triệu thỉnh
 - (@) - - @@@@ - (@)- - @@@@ - (@)- - @@@@ -
 * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

lai lâm
 (@)- - @@@@
 * * * * * * * *

Duy Na xướng: Chuyên thân triệu thỉnh, cung vọng lai lâm, tang chủ thành tâm, cần đương bái thỉnh. Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Chủ lễ: Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh
 Thư kinh phan cái, thân quả hoa mang
 Độ chúng sanh quy Cực Lạc chi bang
 Dẫn hương hồn phó đạo tràng chi hội
 U minh lộ thượng dẫn hồn vương Bồ Tát
 tiếp dẫn phục vì lai đáo linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Tịnh Độ.

Duy Na: Duy nguyện - Bồ Đề lộ thượng, bắt tao hiểm nạn chi nguy, sanh tử hải trung, tư hữu siêu sanh chi lộ, văn kim triệu thỉnh lai phú linh diên, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh. (Sau câu này, chủ lễ hoặc Duy Na có thể xướng châm trà cúng và lễ nhị bái, nếu muốn cúng gọn. Còn nếu cúng đủ nghi, để sau 3 lần thỉnh mới châm trà).

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:
 Kim ô tợ tiền, ngọc thổ như thoan
 tưởng cốt nhục dĩ phân ly,
 đố vong linh nhi hà tại?

Tái nhiệt danh hương tái thân triệu thỉnh
 Triệu thỉnh phục vì vong . . . thỉnh lai phú linh tòa
 thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Lạc quốc.

Duy Na: Duy nguyện:

Nhứt văn pháp ngữ, nhị vãng Lạc bang

Tam văn thuyết pháp chi ân

Tứ chứng Bồ Đề chi quả. Văn kim triệu thỉnh

lai phú linh diên, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:

Khổ hải thao thao nghiệp tự chiêu

Mê nơnon bất tỉnh bán phân hào

Dương chi nhứt đích Di Đà niệm

Uổng tại nhân gian tảo nhứt tảo

Tam nhiệt danh hương tam thân triệu thỉnh

triệu thỉnh phục vì vong thỉnh lai phú linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, thọ tư hưởng thực.

Duy Na: Duy nguyện:

Tam mộc tam huân, tam thân triệu thỉnh

Nhứt hành nhứt bộ đạo gia đường (đạo tràng), thỉnh pháp văn kinh, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:

Viễn quang sơn hữu sắc, cận thỉnh thủy vô thỉnh

Xuân khứ ba hườn hàm nơnon lai điển bát kinh

Tam nhiệt danh hương, tam thân triệu thỉnh,

phục vì thỉnh lai đạo linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Lạc quốc.

Duy Na: Duy nguyện:

Lai thừa diệu điện, khứ bộ kim liên,

Sanh vi Phật quốc, văn kiêm tam thỉnh,

lai phú linh diên, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Trên đây là một trong những cách thỉnh linh, nếu muốn thỉnh theo cách thứ hai như dưới đây đều được.

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:

Nhứt linh chơn tánh, bốn vô khứ diệt vô lai
 Tứ đại huyền thân, ký hữu sanh nhi hữu diệt
 Linh tiền chiêm bái sơ nhiệt danh hương
 Tam thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vì
 thỉnh lai đáo linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, thọ tư tiến bạt.

Duy Na: Duy nguyện:

Tại thiên tại địa văn triệu thỉnh dĩ lai lâm
 Cư thánh cư phạm thừa Phật lực, nhi dẫn chí
 Văn kim triệu thỉnh, lai phú linh diên
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:

Tiền đường hậu vô lưu lưu
 Nhi phát đồ kỳ hình
 Đông xá tây lang, tịch tịch phát văn kỳ hương
 Túng hữu gia hào mỹ soạn
 Hà tăng cử khuyến nhi xan
 Tiếp phách truy hồn tam sứ giả
 Đông Tây thủ mạng, nhị vị thần quang
 linh tiền chiêm bái tam nhiệt danh hương
 tam thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vì vong chi chi linh,
 lai phú linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, thọ tư tiến bạt.

Duy Na: Duy nguyện:

Nhứt văn pháp ngữ, nhị vãng Lạc bang
 Tam văn thuyết pháp chi ân, tứ chứng Bồ Đề chi quả.
 Văn kim triệu thỉnh, lai phú linh diên
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Chủ lễ: Nhứt tâm triệu thỉnh:

Đông thẳng tây một, nãi nhứt nguyệt chi dinh khuy
 Triều tôn tịch vong, thán tử sanh chi hữu hạn
 Linh tiền triệu thỉnh phục vì.....thỉnh lai đảo linh sàng,
 thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Lạc quốc.

Duy Na: Duy nguyện:

Tâm không tức Phật, liễu ngộ vô sanh
 Xuất nam kha giác mộng chi hương
 Nhập Tây phương bảo nghiêm chi cảnh
 Văn kim triệu thỉnh lai đảo linh diên
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Đến đây chủ lễ và mọi người cùng tụng theo nhịp mõ.
 Tam thỉnh hương linh dĩ lai lâm
 Thọ hưởng hương hoa phổ cúng dường
 Y linh trụ tọa thính kinh văn
 Diển kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nếu có đọc điệp để cúng vong thì tuyên như sau:

Âm dương vô nhị lý
 Sanh tử hữu thù đồ
 Hữu điệp tiến vong linh
 tuyên đọc

Sau khi tuyên điệp xong, **chủ lễ xướng:**

- Tang (trai) chư hiền thành trà châm sơ tuần, lễ hương linh
 nhị bái (2 lạy)

Tán:

Sơ hiến mộng hoàn lương
 Yên ba trái vị thường
 Nhứt triều thương hải biến
 Như điệp thượng ngưng sương
 Như điệp thượng ngưng sương

Tang (trai) chủ kiến thành trà châm nhị tuần, lễ hương
linh nhị bái (2 lạy)

Tán:

Tam hiến mộng nam kha
Phù sinh đẳng kỷ hà
Hồng nhan tạo bạc phận
Thiên tải nhứt tư ta
Thiên tải nhứt tư ta

Tang (trai) chủ kiến thành trà châm tam tuần, lễ
hương linh nhị bái (2 lạy)

Chủ lễ: Sở hữu biến thực biến thủy chơn ngôn cần dương
trì tụng:

Nam mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lồ chi đế, án tam bặt ra,
tam bặt ra hồng (3 lần)

Nam mô tô bà đa, đất tha nga đa da, đất diệt tha, án tô rô tô
rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha (3 lần)

Án nga nga nẳng tam bà phạ phiệt nhứt ra hồng (3 lần)

Tán:

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị
Lượng đẳng tu di vô quá thượng
Sắc hương mỹ vị biến hư không
Duy nguyện từ bi (hương linh) ai nạp thọ
Nam mô mỹ hương trai Bồ Tát (3 lần)

Xướng:

Bích hải giang trung thủy
Thanh sơn đánh thượng trà
Vong linh tam âm liễu
Tảo sanh pháp vương gia.

Tang (trai) chủ kiến thành trà châm chung tuần, lễ hương
linh tứ bái (4 lạy)

Sau đó tụng Tâm Kinh và chú Vãng Sanh, cuối cùng tán

Nguyện Sanh:

Nguyện sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu
 Linh tự tại Bồ Tát ma ha tát.
 Đồng tụng: Tiêu điều chơn thế giới
 Khoái lạc bảo liên đài
 Hiệp chường thể tôn tiền
 Như Lai thân thọ ký.



Nghi thức Cúng Vong

(Loại đơn giản)

Chủ lễ xướng: Tang chủ tỵ vị, bình thân quì, phàn hương -- thượng hương. Khởi thân lễ nhị bái (2 lạy) – (Lạy xong tang chủ đồng quì xuống)

Chủ lễ xướng:

Sắc không không sắc bốn đồng viên

Sanh tử na thời một bạn biên

Khuyên linh đạp trước Bồ Đề địa

Cử túc siêng đăng Bát Nhã thiên

(tụng) Nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật (3 lần)

Tán:

Kim nhật (dạ) đạo tràng pháp diên khai

Hội nhiên lai triệu thỉnh

Hương linh lai phú hội

Hương linh văn triệu, văn triệu thỉnh lai lâm

Duy Na xướng: Chuyên thân triệu thỉnh, ngung vọng lai lâm, tang (trai) chủ thành tâm cần đương bái thỉnh. Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoathỉnh.

Chủ lễ xướng:

Nam mô nhứt tâm triệu thỉnh

Thư kinh phan cái, thân quải hoa mang

Độ chúng sanh qui Cực Lạc chi bang

Tiếp vong hồn phó đạo tràng chi hội

U minh lộ thượng dẫn hồn vương Bồ Tát

tiếp triệu phục vì vong . . . thỉnh lai đáo linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Lạc quốc.

Duy Na xướng: Duy nguyện; Bồ Đề lộ thượng, bất tao hiểm nạn chi nguy, sanh tử hải trung, tứ hữu siêu thắng chi lộ. Văn kim triệu thỉnh, lai phú linh diên, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Chủ lễ xướng:

Tang (trai) chủ kiền thành trà châm sơ tuần - - lễ hương linh nhị bách (2 lạy)

Chủ lễ xướng:

Phụ mẫu tình thâm chung hữu biệt
Phu thê (ân tình) nghĩa trọng giả phân ly
Sanh hà tử thị tổng qui không
Phật dữ chúng sanh (âm phủ dương gian) nhưt lý đồng
Sự đại vô thường na tấn tốc
Địa Tạng từ tôn tiếp độ hương hồn

Cùng tụng: Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần)

Chủ lễ xướng: Tang (trai) chủ kiền thành trà châm nhị tuần - lễ hương linh nhị bách (2 lạy).

Chủ lễ xướng:

Sơn trung tự hữu thiên niên thọ
Thế thượng, nan lưu bá tuế nhơn
Bạch ngọc giai tuyền văn diệu pháp
Huỳnh kim điện thượng lễ hương linh
Cùng tụng: Tam thỉnh hương linh di lai lâm
Thọ thử hương hoa phổ cúng dường
Y linh tự tọa thánh kinh văn
Diễn kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Biến thực biến thủy chơn ngôn cần đương trì tụng:

Nam mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lô chi đế. Án tam bạt ra, tam bạt ra hồng (3 lần)

Nam mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha. Án tô rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha (3 lần)
 Án nga nga nằng tam bà pha, phiệt nhựt ra hồng (3 lần)

Chủ lễ xướng:

Bích hải giang trung thủy
 Thanh sơn đánh thượng trà
 Hương linh tam ẩm liêu
 Tảo sanh pháp vương gia

Chủ lễ xướng: Chúc thực kiền thành trà châm tam tuần - -
 lễ hương linh nhị bái (2 lạy)

Cùng tụng: Ba đời mười phương Phật
 A Di Đà bậc nhất
 Chín phẩm độ chúng sanh
 Oai đức không cùng cực
 Con nay vị hương linh
 Sám hối ba nghiệp tội
 Phàm được bao phước thiện
 Chí tâm nguyện hồi hướng
 Nguyện cùng người niệm Phật
 Vãng sanh nước Cực Lạc
 Thấy Phật ngộ pháp tánh
 Phát tâm đại Bồ Đề
 Đoạn vô biên phiền não
 Tu vô lượng pháp môn
 Thề nguyện độ chúng sanh
 Đều tròn thành Phật đạo

Cùng tụng: Vãng sanh quyết định chơn ngôn:

Nam mô A di đà bà dạ, đa tha già đa dạ, đa địa dạ tha.

A di rị đô bà tỳ, A di rị đá tất đam bà tỳ. A di rị đá tỳ ca lan đế, A di rị đá tỳ ca lan đa. Già đi nị, già già na, chi đa ca lệ ta bà ha (3 lần)

Chủ lễ xướng: Nhứt nhơn tác phước thiên nhơn hưởng
 Độc thọ hoa khai vạn thọ hương
 Tang (trai) chủ kiển thành trà châm chung tuần - - lễ
 tạ hương linh tứ bái (4 lạy).

Cùng tụng: Nguyên sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ tát vi bạn lữ
 Nguyên dĩ thử công đức
 Phổ cập ư nhứt thiết
 Ngã đẳng dữ chúng sanh
 Giai cộng thành Phật đạo

Tiêu diêu chơn thể giới
 Khoái lạc bảo liên đài
 Hiệp chường Thế Tôn tiền
 Như Lai thân thọ ký.

Nam mô A Di Đà Phật
 (lễ thành)

Nghi thức cúng vong đến đây đã hoàn mãn. Có nhiều nơi vì hương linh mới mất, nếu có thì giờ cũng nên tụng bài “Cuộc hồng trần” trong lúc đi đưa linh hoặc lúc làm tuần tất tại chùa hoặc tại nhà.

Cuộc hồng trần

Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán
 Kiếp phù sanh tụ tán mấy lâm hồi
 Người đời có biết chẳng ôi!
 Thân người tuy có, có rồi hoàn không
 Chiêm bao khéo thấy lạ lùng
 Mơ màng trong một giấc nồng mà chi,

làm cho buồn bã thế ni
 Hôm qua mới đó bữa nay đâu rồi?
 Khi nào đứng đứng, ngồi ngồi,
 bây giờ thiêm thiếp như chồi cây khô
 Khi nào du lịch giang hồ
 bây giờ nhắm mắt, mà vô quan tài
 Khi nào lược giắt trâm cài
 Bây giờ gởi xác ra ngoài gò hoang!
 Khi nào trau ngọc chuốt vàng,
 bây giờ một nắm xương tàn lạnh tanh
 Khi nào mắt đẹp màu thanh,
 bây giờ thấy dạng thấy hình là đâu?
 Khi nào lên các xuống lầu,
 bây giờ một nắm cỏ sâu xanh xanh
 Khi nào liệt liệt oanh oanh,
 bây giờ một trận tan tành gió mưa.
 Khi nào ngựa lọc xe lừa,
 bây giờ mây rước trăng đưa mơ màng.
 Khi nào ra trưởng vào màn,
 bây giờ nhà cửa xóm làng cách xa.
 Khi nào mẹ mẹ cha cha,
 bây giờ bóng núi cách xa nghìn trùng
 Khi nào vợ vợ chồng chồng,
 bây giờ trăng khuyết còn mong chi tròn.
 Khi nào cháu cháu con con,
 bây giờ hai ngã nước non xa vời.
 Khi nào cốt nhục vẹn mười,
 bây giờ lá héo nhành tươi vui gì.
 Khi nào bạn hữu sum vầy,
 bây giờ chén rượu cuộc kỳ vắng thiêu.
 Cái thân như tác bóng chiều,
 như chim bọt nước phập phều ngoài khơi;
 Xưa ông Bành Tổ sống đời,
 tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu!
 Sang mà đến bậc công hầu,

giàu mà đến bậc bảy lâu Thạch Sùng.
 Nghèo mà đói khát lạnh lùng,
 khổ mà tóc cháy da phỏng trần ai
 phù du sớm tối một mai
 giàu sang cũng thể xạc xài cũng vong.
 Thông minh tài trí anh hùng,
 si mê đại đột cũng chung một gò.
 Biển trần nhiều nỗi gay go,
 mau mau nhẹ gót qua đò sông mê.
 Sự đời nên chán nên chê,
 tìm nơi giải thoát mà về mới khôn.
 Vong hồn ơi! Hồi vong hồn
 cuộc đời nay biến mai còn tỉnh chưa?
 Tỉnh rồi một giấc say sưa
 Hãy xin niệm Phật mà đưa hồn về,
 hồn về Cực Lạc nước kia,
 cho xa hang quỷ mà lìa kiếp ma
 Nhờ ơn đức Phật Di Đà
 Phóng ra một ngọn chói lòà hào quang.
 Trong khi tiếp dẫn rõ ràng,
 dắt hồn ra khỏi sáu đàng nghiệp nhơn
 Quan Âm Bồ Tát vui mừng,
 Tay cầm nhánh liễu, tay bưng kim đài
 với cùng Thế chí các Ngài,
 cũng đều khuyến thỉnh lên ngai sen vàng,
 có bảo cái, có tràng phan
 có mùi hương lạ có đàn ngọc xây,
 có trời các cõi truy tùy,
 có đờn có trống rước đi một đường;
 rước về đến cảnh Tây phương,
 có ao thất bảo, có hương ngũ phần.
 Lưu ly có đất sáng ngàn,
 Ma Ni có nước trong tần chảy quanh.
 Thất trân có bảy lớp thành,
 bảy hàng cây báu, bảy vành lưới châu:

có ngân các, có kim lâu,
 có chim nói pháp diệu màu dễ nghe;
 nghe rồi tỏ đạo Bồ Đề,
 bao nhiêu nghiệp chướng hôn mê dứt liền.
 Đã sanh về chín phẩm sen,
 mấy tai cũng xảy, mấy duyên cũng tròn.
 Phật như thể mẹ tìm con,
 Con mà gặp mẹ lại còn lo chi,
 Lâu vàng đai các thiếu gì,
 Ăn thì cơm ngọc, mặc thì áo châu.
 Không ơn, không oán, không sầu,
 không già, không chết, có đâu luân hồi.
 Tánh xưa nay đã tỏ rồi,
 gương xưa nay đã lau chùi trần ô.
 Tu hành phải đợi kiếp mô ?
 Nguồn tình bể ái đã khô bao giờ !
 Lựa là phải đợi thiên cơ
 Mà đèn trí tuệ để lờ đi đâu ?
 Mấy lời hộ niệm trước sau
 nguyện cho thành Phật mau mau nữa mà
 phân thân ra khỏi ta bà;
 từ bi tiếp độ những là chúng sanh.

Sau đây là nghi Chấn Tế Cô Hồn; nghi cúng chỉ dành cho
 chư Tăng. Vị sám chủ phải là vị tuổi cao, trường trai thanh tịnh và
 đức độ, ngôi vai trò này mới có thể siêu độ được chư vị cô hồn,
 oan hồn uồn tử.

Nghi chấn tế này Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa cũng đã có
 soạn trong quyển “Cốt tủy nghi lễ Phật Giáo”, nhưng chúng tôi
 nhận thấy có một vài phần hơi khác, nên soạn ra phần này để chư
 tôn tùy nghi xử dụng.

9. Nghi Chẩn Tế Cô Hồn

(Chỉ phần đầu)

(Vị chủ sám và chư vị hộ đàn đến trước bàn thờ Tổ để niệm hương) như sau:

Hương yển kiết thể
 Thông xuất tam giới
 Ngũ uẩn thanh tịnh
 Tam độc liễu nhiên

Án phóng ba tra tóa ha (3 lần)
 Giới hương định hương dừ huệ hương
 Giải thoát, giải thoát, tri kiến hương
 Quang minh vân đài biến pháp giới
 Đệ tử tấn hương phổ đồng cúng dường

Nam mô độ nhơn sư Bồ Tát (3 lần)

Tấu vì: Việt Nam quốc tỉnh quận kim trai
 chủ đăng tức nhựt niêm hương bái can.

Nam mô Tây Thiên Đông Độ lịch đọi chư vị Tổ Sư Bồ Tát
 (3 lần) nguyện giám chứng minh.

Tuếniên nguyệt nhựt, đệ tử hỷ
 khấu bái.

(Sau đó vị chủ lễ dẫn tự Phật tiên, và đọc bài kệ sau):
 Nhược đắc kiến Phật, đương nguyện chúng sanh
 đắc vô ngại nhãn, kiến nhứt thiết Phật
 Án, a mật lật đế hồng phân tra.

Niệm:

Tâm niệm chơn hương, ngư đầu phúc ác
 Hương triện yên vân liêu nhiễu, ư thúu lãnh sơn trung, phàn
 hương tùy gia thất nội, kiết tường vân ư tán cái.

Ngư thoai khí dĩ vi đài, lục thù khả oán thiên kim; nhứt
 chú năng huân tam thế. Hiến cúng Thích Ca Điều Ngự, thứ cúng
 Tịnh Độ Bồ Sư, Linh Sơn hội thượng Thánh Hiền. Cực Lạc Tịnh
 Bang triết chúng, thừa thứ bảo hương, chứng minh Phật sự.

Việt Nam quốc phụng Phật thượng hương thiết cúng
 kỳ siêu kim trai chủ đẳng, tức nhứt bái cúng.

Nam mô thập phương thường trụ tam bảo tác đại chứng
 minh.

Nam mô ta bà giáo chủ Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Tam
 thừa tứ thánh, tứ phủ vọng linh, hộ pháp già lam chơn tế, nhứt
 thiết thiện thần, đồng thủy chứng giám.

Tuế thứ niên nguyệt nhựt, Tỳ kheo
 khấu bái.

(cắm hương lên lư)

Đảnh lễ Tam Bảo (Tất cả đồng lạy 3 lạy)

Triển cụ kệ vân

Ngọa cụ Ni Sư đàn, trưởng dưỡng tâm miêu tánh

Triển khai đăng Thánh địa, phụng trì Như Lai mạng

Án, đàn ba đàn ba tá ha (3 lần)

Lễ Phật

Năng lễ sở lễ tánh không tịch

Cảm ứng đạo giao nan tư nghi

Ngã thử đạo tràng như đế châu

Thập phương chư Phật ảnh hiện trung

Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền

Đầu diện tiếp túc qua mạng lễ.

Án phạ nhựt ra hồng (3 lạy)

Tiếp đó tụng chú Đại Bi 21 biến, rồi lạy 3 lạy.

Tưởng tâm niệm hương

Thư ba chữ trên hư không, xong cắm vào thủ lư (thủ lư có hình dáng như con rồng - phía trước có lỗ để cắm nhang. Vị chủ sám cầm thủ lư này mà nguyện hương) mỗi lần mỗi chữ.



Mỗi chữ niệm mỗi kệ hương:

Đệ nhứt biện hương cúng dường Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Đệ nhị biện hương cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát

Đệ tam biện hương cúng dường A Sơ Phật, nguyện giáng chứng minh.

Đảnh lễ tam bái:

Nhứt tâm đảnh lễ, tả Văn Thù Quan Âm Bồ Tát (1 lạy)

Nhứt tâm đảnh lễ, hữu Phổ Hiền Đại Thế Chí Bồ Tát (1 lạy)

Kính trì pháp độ Thích Ca tôn

Đàng đàng thuyết pháp lợi nhơn thiên

Lục đạo tứ sanh tề giải thoát

Nga quĩ cô hồn tận siêu thăng.

Nhứt hạ biến chư thiên, nhị hạ biến cửu tuyền, tam hạ biến hư không giới giáng phú đạo tràng (đảnh lễ Tam Bảo 3 lạy)

Cử tán giới định:

Giới định chơn hương
 Phàn khởi xung thiên thượng
 Điện tử kiền thành
 Nhiệt trai kim lư phóng
 Khoảnh khắc nhơn luân
 Tứ biến mẫn thập phương
 Tịch nhựt gia du
 Miễn nạn tiêu tai chướng
 Nam mô hương Vân cái Bồ Tát (3 lần)

Bạch vân:

Thăng trầm tam giới thiết khả thương
 Luân hồi lục đạo khổ nan đương
 Bốn tự tư tu đẳng thượng phẩm
 Chỉ nhơn trực vọng lạc biên hương
 Hắc hắc minh đồ vô nhựt nguyệt
 Mang mang nghiệp hải thiếu từ hàng
 Dục khai cam lộ vô giá hội
 Đàn nội tiên tu khởi giác hoàng

Cái vân:

Hồng huân tây một u ám sơ hôn
 Mãn thiên tinh đầu thơ quang đại địa
 Hỏa cự phát diêm ô viên thước loại, qui sào huyết
 Tiêu lâu ổ hương đình dương
 thảo giản khô biên thâm thiết
 Cẩm môn cao tòa lễ sãi hồ một, tham quang chánh nãi
 nhơn tàn quỷ xuất chi thời
 đương thị siêu cô bạt ư chi tế.
 Kim thời phụng Phật ngã sa môn

Cung tự án tiền cao thiết nghệ, tọa phóng thí mông sơn.
 Cam lộ pháp thực nhứt diên, sở hữu tam lễ giác hoàng. Ngưỡng
 lao đại chúng, dị khẩu đồng âm tán dương Tam Bảo.

Cử tán Tam Bảo:

Khê thủ quy y Phật,
 Huỳnh kim tử mao thân, nguy nguy trọng lục tướng
 Tam giới hảo năng nhơn, thanh tịnh pháp thân Phật
 Viên mãn báo thân Phật, tam loại hóa thân Phật
 Thích Ca Mâu Ni Phật, thập phương tam thể nhứt thể Phật,
 quy y thường trú Phật đà gia.

Khử thủ quy y pháp
 Hà sa kinh tạng khai, ngũ thiên tứ thập bát quyền
 quyền hữu Như Lai Đạt Ma gia
 Quyền hữu Như Lai, đông phương A Sơ Phật
 Nam phương Bửu Tướng Phật
 Tây phương A Di Đà Phật
 Bắc phương thành tựu Phật
 Trung ương Tỳ Lô Gia Na Phật
 Quy y thường trụ Đạt Ma gia.

Khê thủ quy y Tăng
 Thượng nhiên vô tận đẳng
 Viễn đánh phương bào tướng
 Chiêm lễ phước điền Tăng, Tăng Già gia.
 Chiêm lễ phước điền Tăng
 Văn Thủ Đại Bồ Tát
 Phổ Hiền Đại Bồ Tát
 Quan Thế Âm Bồ Tát
 Đại Thế chí Bồ Tát, chư tôn Bồ Tát Ma Ha Tát
 Quy y thường trụ Tăng Già gia.
 Nam mô chứng minh sư Bồ Tát ma ha tát (3 lần)

Lạy:

Nam mô trung thiên giáo chủ điều ngự Bồn Sư Thích Ca
 Mâu Ni Phật (3 lạy)

Quì xướng sớ:

Huỳnh kim mãn nguyệt tướng
 Tam giới độc xưng tôn

Hàng phục chúng ma vương
 Chư thiên giai cung thủ
 Thế Tôn đức tướng nam tận tán dương, kim hữu kỳ siêu
 hiển cúng sở vân, cung đối Phật tiền, hảo tướng quang trung phủ
 thủy minh chứng:

(Tuyên số xong)
 Đồng tụng: Thất Phật diệt tội chơn ngôn:
 Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha ra đế, tỷ
 lê nê đế, ma ha dà đế, chơn lăng càn đế ta bà ha (3 lần).

Tán:

-Thiên chơn địa thánh
 Thủy triết dương kiên
 Tứ phủ la liệt biên sùng dinh
 Hộ pháp chúng chư thiên
 Đồng phú pháp diên
 Phước thọ quảng vô biên
 Nam mô Hộ Pháp chư thiên Bồ Tát (3 lần)

-Tướng Tỳ Lô Giá Na Phật
 Tướng Tỳ Lư mạo chú
 Tỳ Lư đánh thượng tôn
 Biến mãn hư không giới
 Như pháp lai hộ trì
 Nhơn thiên cộng kỹ duyệt
 Ấn tinh tán huệ tóa ha (3 lần)

Thỉnh niệm:

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
 Thập phương thế giới diệc vô tỷ
 Thế gian sở hữu ngã tận kiến
 Nhứt thiết vô hữu như Phật đã

Nam mô ta bà thế giới, tam giới đạo sư, tứ sanh từ phụ, nhưn thiên giáo chủ, thiên bá ức hóa thân, Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Bồ sư Thích Ca Mâu Ni Phật (niệm nhiều ít tùy ý).

Bạch vân:

Quam Ân Bồ Tát diêu nan thù
Thanh tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu
Thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng
Vạn ban hạnh nguyện, vạn ban tùng
Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát.

Tiến bạt tiên linh tán:

Nguyện sanh Tây phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm Liên Hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu
Nam mô siêu bạt độ Bồ Tát (3 lần)

(Niệm Đại Bi đến bàn Tiêu Diện)

Phụng thỉnh:

Diệm Nhiên Vương Bồ Tát hương hoa thỉnh
(hòa) hương hoa thỉnh.

Nam mô nhưt tâm phụng thỉnh:

Lam thân thị hiện, xuất ngọc tướng dĩ xuất ma quân hám
mục trùng thanh hóa quỷ vương, nhi chiêu ngạ quỷ chúng đẳng
kiến thành, thử dạ chân tế cô hồn, kiến thỉnh Diệm Nhiên Vương
Bồ Tát ma ha tát.

Duy nguyện:

Bồ Đề lộ thượng, bất tạo hiểm nạn chi nguy
Sanh tử hải trung, tư hữu siêu thăng chi lộ
Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh
(Quì xướng sớ -nếu có- Sau đó tụng Tiêu Tai Cát Tường
chú)

Nặng mồ tam mãn đa mẫu đa năm, a bát ra đề hạ đa xá, ta
 nặng năm đất diệt tha. Án khu khu khu hê khu hê, hồng hồng
 nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra,
 đề sắc sá. Sắc trí rì, sắc trí rì, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến đề ca,
 thất rì duệ ta phạ ha (3 lần)

Cử tán:

Phổ đà lạc già thường nhập định
 Tùy duyên phú cảm my bất châu
 Tâm thanh cứu khổ độ quần mê
 Thị tắc danh vi quan tự tại
 Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ Tát

(Niệm Đại Bi đến bàn thất châu)

Lễ thỉnh:

Đông phương A Sơ Phật
 Thanh sắc thanh quang liên ba tọa
 Thủ ấn chấp trì kim cang xử
 Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
 Đông phương thế giới A Sơ Phật (3 lần)

Lễ thỉnh:

Nam phương Bửu tướng Phật
 Xích sắc xích quang liên ba tọa
 Thủ ấn chấp trì ma ni bảo
 Duy nguyện từ bi ai nạp thọ
 Nam phương thế giới Bửu Tướng Phật (3 lần)

Lễ thỉnh:

Tây phương Di Đà Phật
 Bạch sách bạch quang liên ba tọa
 Thủ ấn chấp trì diệu liên hoa
 Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
 Tây phương thế giới A Di Đà Phật (3 lần)

Lễ thỉnh:

Bắc phương Thành Tụ Phật
 Hắc sắc hắc quang liên ba tọa
 Thủ ấn chấp trì luân tương giao
 Duy nguyện từ bi ai nạp thọ
 Bắc phương thế giới Thành Tụ Phật (3 lần)

Lễ thỉnh:

Trung ương Tỳ Lô Phật
 Huỳnh sắc huỳnh quang liên ba tọa
 Thủ ấn chấp trì thiên bức luân
 Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
 Trung ương thế giới Tỳ Lô Phật (3 lần)
 Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
 Thập phương thế giới diệc vô tỷ
 Thế gian sở hữu ngã tận kiến
 Nhứt thiết vô hữu như Phật đã
 Nam mô Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
 Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát
 Nam mô Khải Giáo A Nan Đà Tôn giả
 (Niệm Đại Bi đến Địa Tạng vị)

Địa Tạng:

Chưởng ọc minh châu quang bất muội
 Thủ trì kim tích nạp thiện duyên
 Tam đồ ngục nội bố từ vân
 Ngũ thú ba trung trình cao trạo
 Nam mô đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát

Tụ tứ sanh vị

Tứ sanh đẳng ư bảo địa thượng
 Tam hữu thoát hóa liên trì hội
 Hà sa ngã quý chứng tam hiền
 Vạn loại hữu tình đẳng thập địa
 Nam mô lâm pháp hội Bồ Tát (3 lần)

(Niệm Đại Bi chú đến kim đài vị)

Tán Tam Bảo:

Thiên bá ức hóa thân trung thiên giáo chủ,
Thích Ca Phật. Vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng
sanh tướng.

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật

Liên Trì hải hội Phật, Tây phương giáo chủ, A Di Đà Phật.

An dưỡng quốc Cực Lạc, Di Đà hải hội.

Nam mô Tây phương A Di Đà

Long Hoa tam hội Phật, Đương Lai giáo chủ Di Lạc Phật.

Vô thượng thừa, vô trung thừa, vô tối thượng thừa.

Nam mô đương lai hạ sanh Di Lạc Phật.

Nam mô chứng minh sư Bồ Tát (3 lần)

Tán Tam Bảo:

Phật tại Kỳ Cô viên, Cô Viên thuyết pháp
thuyết pháp lợi nhơn thiên

Nam mô chơn như Phật Đà gia.

Pháp bảo lý long cung

long cung khai bảo tạng

bảo tạng phúng long hàm

Nam mô pháp bảo Đạt Ma gia.

Tăng tâm tợ thủy thanh

Thủy thanh thu nguyệt hiem

Nguyệt hiem nhật luân minh

Nam mô phước điền Tăng Già gia.

Nam mô chứng minh sư Bồ Tát (3 lần)

Thỉnh sư:

Tả bạch kệ:

Bảo tọa cao cao vô ngại

Thượng hữu thiên thủy bảo cái

Thỉnh sư na bộ đẳng đài

Đại vị cô hồn thuyết giới (pháp)

Sư đáp:

Viên minh nhứt điểm tổng phi không
 Liễu chứng vô vi hướng thượng tôn
 Tam thể chư Phật Na nhứt bộ
 Quyền lưu bảo tọa thỉnh ngô đăng
 Vũ xích nhứt dạ

Thị giả đáp:

Đả cô tam thông đăng bảo tọa
 Phật tử cô hồn tận siêu thăng
 tận siêu thăng
 tận siêu thăng

Một số nghi lễ quan trọng trong Thiên môn cho cả hai giới xuất gia và tại gia, chúng tôi đã cố gắng viết và suru tầm lại để có một số tài liệu về việc bảo tồn văn hóa Phật giáo tại xứ người. Chắc rằng có nhiều vị cho là quá phức tạp và cầu kỳ, xưa quá và cũng giống như „Thầy Cúng“ vậy. Theo chúng tôi hiểu và luôn luôn chủ trương: Nếu không có xưa thì nay không có. Chúng ta có quyền duy tân cái xưa để đổi thành cái mới ngày nay chứ không thể chỉ chọn cái này mà bỏ cái xưa được và như vậy cũng giống như người chỉ chú trọng đến cảnh là mà không chăm sóc tới gốc rễ. Vì thế nếu quý vị nào cảm thấy cầu kỳ không thích hợp, chỉ xin thực hiện hoặc chú trọng tới phần lễ nghi đơn giản thôi. Còn vị nào thấy cần tham khảo thêm, thì đây là một tập tài liệu về lễ nhạc của Phật giáo có thể đáp ứng cho việc nghiên tầm và khảo cứu vậy. Vì thiên nghi thế, chúng tôi mới sao lục lại một số nghi lễ có tính cách hơi „rườm rà“ một chút để quý vị am tường.



10. Nghi Đề Phan

(Phan có hình thức giống lá Phướn)

Chính giữa thân phan dùng để viết tên của các vị Phật, các vị Bồ Tát để tiếp dẫn hương linh. Bên trên đầu phan có hình hoa sen hoặc một „Bảo Cái“, bên dưới thân phan có hình đuôi phan. Hình thức của phan, màu mè giống như lá cờ Phật giáo vậy.

Vị sám chủ và đại chúng đến trước bàn thờ khấn bái rồi đến trước bàn Phật lễ Phật, sau đó chia ra làm hai đứng hai bên.

Tả chức xướng	:	Chủ tự vị
Hữu chức xướng	:	Lễ tam bái
Quì	:	Tam niệm thượng hương
Sám chủ	:	Lễ tam bái

Cử tán

Chiên đàn hải ngân
 Lư nhiệt danh hương
 Da Du tử mẫu lưỡng vô uơn
 Hỏa nội đắc thanh lương
 Chí tâm kim tương
 Nhứt chú biến thập phương
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Thiết dĩ:

Phản hương bảo lục, kinh động ngọc lâu
 Cung trần phúc ức chi yên, thủy khí nhưn quân chi lộ
 Tuyền trần phi lễ ngưỡng đạt thành tâm
 Càn cần khản khản dĩ lai lâm
 Trạc trạc dương dương nhi hữu cảm
 Trai chủ thành tâm phụng hương bảo tọa.

Niệm Phật dẫn đến trước bàn vong:

Tả chúc xương: Trai chủ tự vị

Tam niệm thượng hương

Hữu chúc xương: Khởi thân lễ tứ bái

Tả chúc xương: Định tâm chấp bát. Sám chủ từ từ bước ra ngoài chấp bát. Khẩu thượng thư chúc vân:

Sắc thân bất linh linh, thơ tả tánh danh
 Tam hồn yếu yếu thất cữu phách u minh
 Hồn thăng thiên giới, phách giáng địa đình
 Nội qui bất nhập, ngoại qui tộc hành
 Lai lâm đàn sở, thỉnh pháp văn kinh
 Vong hồn siêu sinh Tịnh Độ
 Trai chủ phúc thọ khương ninh.

(Sám chủ cầm bút và cầm ấn hương Phật tiền cúi đầu và hô):

Phù bút giả, quảng khai phương tiện tịnh kỳ viên
 lợi lạc tồn vong kỹ thiện duyên
 Trai chủ thành tâm thông tam giới
 cử bút đề phan thấu cửu thiên.
 Địa Tạng từ bi lai tiếp dẫn
 linh hồn thừa thử nghệ phan tiền
 vong hồn siêu sanh Tịnh Độ
 Trai chủ phúc thọ khương ninh
 Nam mô dẫn hương hồn Bồ Tát (3 lần)

Trịnh bút

Nhứt trịnh bút giáng chư Phật chứng minh
 Nhị trịnh bút giáng vong giả siêu sinh
 Tam trịnh bút giáng trai chủ khương ninh
 (Mỗi trịnh bút hạ bút tận thân phan)

Sám chủ định tâm tay bắt ấn phóng quang, thư 3 chữ Án Di Hồng, tâm tưởng thành, chữ màu hồng sắc, tiếp vong linh, nhập vu phan trượng.

Bạch vân

Ái hà thiên xích lãng
Khổ hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Tảo cấp niệm Di Đà
Nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật
(đề chữ vào)

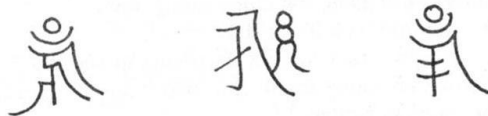
Tán vân

Nam mô A Di Đà Phật
Đệ nhứt điện tồn quảng minh vương, xi trừ vong hồn vô biên tội, dẫn nhập Long Hoa hội, nguyện tương phùng.
(Cũng bài tán trên, nhưng tán tiếp cho tới đệ thập điện như sau):

Đệ nhứt	:	Tồn Quảng
Đệ nhị	:	Sơ Giáng
Đệ tam	:	Tổng Đế
Đệ tứ	:	Ngũ Quang
Đệ ngũ	:	
Đệ lục	:	Biển Thành
Đệ thất	:	Thái Sơn
Đệ bát	:	Bình Thánh
Đệ cửu	:	Độ Thị
Đệ thập	:	Chuyển luân

Phương thức:

Thư ba chữ như sau:



三尺花幡迎魄至

觀音接引琉璃殿

三魂俱赴

神魂

乳飛人佛教放毫光接引

男澄矢速奉行

女澀疾

一雙童子引魂來

勢至迎掃琉璃門

七魄拘來

Hô

Hô ba câu, mỗi câu quyết mỗi chữ:

Câu nhứt bấm tại Tý

Câu nhị bấm tại Sửu

Câu tam bấm tại Dần

Nhất điểm am tâm tại (TÝ)

Nhị điểm hồn phách an ninh (SỬU)

Tam điểm vong linh an tọa (DẦN)

Nhứt điểm linh phan tử nhiều u ám

Nhị điểm hoa phan các đoạn tiền khiên

Tam điểm chơn quang quy Tam Bảo

Kiệt Tam Bảo ấn**Xướng vãn:**

Sanh hà tử thị tổng qui không

Âm phủ, dương gian nhứt lý đồng

Sự đại can khôn nhi tán tót

Vong hồn thừa thử phụ phan hình

Địa Tạng thù từ năng tiếp dẫn

Quan Âm Bồ Tát bảo linh phan

Phụ mẫu sinh thành thâm chí nan

Tam niên nhũ bộ cực tân toan

Cốt nhục cù lao tư vị báo

Hiếu nam, ái nữ thọ bảo phan.

(Sư chủ, tang quyển bông phan lên xuống 3 lần rồi để hoàn trở lại)

Niệm:

Nam mô A Di Đà Phật (3 lần)

Hai tay kiết ấn Chuẩn Đề, dùng khăn ấn phủ lên trên, ấn điểm 3 nơi.

ĐỊNH - TÂM - THẦN

Hô phước

Nhứt phước phan liễu minh chơn tánh
 Nhị phước phan cụ túc thành hình
 Tam phước phan cụ túc lai minh

Kiết phan

Nhứt kiết phan an định tâm hồn
 Nhị kiết phan an thất cửu phách
 Tam kiết phan an thành chơn tánh
 Ân cấp cấp tóa ha

Hô kệ:

Sắc thần bút linh linh hô triệu tánh danh
 Tam hồn yếu yếu (thất cửu) phách minh minh
 Thần nhãn, thần nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý
 Tam hồn (thất cửu) phách lai phú hoa phan
 Vi ảnh tùy hình, lai lâm đàn sở, thính pháp văn kinh
 Vong hồn siêu sinh Tịnh Độ
 Hoa phan dẫn nhập chứng giám phân minh
 Nam mô định tâm vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)
 (Sư chủ tiếp bông phan linh, gắn lên trên Bảo Cái)

Niệm vân:

Tiếp dẫn linh hồn

Niệm:

Nam mô A Di Đà Phật
 Sư chủ cầm phan đến trước bàn Địa Tạng cúi đầu lễ.

Thỉnh Địa Tạng

Phụng thỉnh Địa Tạng Vương Bồ Tát
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh: thủ kinh phan cái, thân quả
 hoa mang độ chúng sanh qui Cực Lạc chi bang dẫn hương hồn
 phó đạo tràng chi hội

U minh lộ thượng dẫn hồn vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

Duy nguyện:

Tam xích hoa phan nghinh phách chí
 Nhứt sa đồng tử dẫn lai hồn
 Văn kim triệu thỉnh lai phú hoa phan
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh
 Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh
 U minh giáo chủ, cứu khổ bản tôn
 Chấn kim tích nhi địa ngục môn
 Khai chương bửu châu, nhi thiên đường lộ thâu
 Đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ
 bốn tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát
 Tiếp dẫn phục vì vong chi linh hồn, lai phú linh diên,
 thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Tịnh Độ.

Duy nguyện:

Bồ Đề lộ thượng, bất tạo hiểm nạn chi nguy
 Sanh tử hải trung, tư hữu siêu thăng chi lộ
 Văn kim triệu thỉnh, lai phú hoa phan
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh
 Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh
 Tả giám linh thư mạng thần quang
 Hữu giám linh thủ mạng thần quang
 Tiếp dẫn phục vì vong chi linh
 lai phú hoa phan, thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Tịnh Độ.

Duy nguyện:

Tại thiên, tại địa, văn triệu thỉnh dĩ lai lâm
 Cư thánh, cư phạm, thừa Phật lực, nhi dẫn chí
 Văn kim triệu thỉnh, lai phú hoa (viên) phan
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Tán Khê Thủ

Khê thủ quy y Phật, pháp, Tăng Tam Bảo

Tam Bảo từ tôn cấp cô trưởng giả
 Xã Kỳ Viên bố mãn kim tiền
 Thiện tài đồng tử ngũ nhập tam sam
 Siêu sanh tử độ vong linh tảo đấc sanh thiên
 Nhược nhơn nhược nhơn quy y Phật pháp tăng
 Tam Bảo bất đọa tam đồ
 Nam mô chứng minh sư Bồ Tát Ma Ha Tát
 (Tiếp phan thỉnh về bàn vong linh; thỉnh vong linh)
 Sám chủ đứng trước Địa Tạng vị

Bạch vân:

Bạch rồi đưa linh phan dẫn về bàn hương linh
 Tam giới luân hồi chúng khổ thiên
 Đa sanh phụ mẫu, lục thân tiền
 Ngưỡng bằng Tam Bảo oai thần lực
 Siêu thoát u đồ vãng lạc thiên

Ái hà thiên xích lãg
 Khổ hải vạn trùng ba
 Dục thoát luân hồi khổ
 Tảo cấp niệm Di Đà

Ngưỡng bạch:

Địa Tạng Vương tiếp độ linh hồn.

Tán dẫn vong

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát
 (Niệm Địa Tạng dẫn linh về tại linh sàng)

Thỉnh linh

Tả chúc xướng: Trai chủ tỵ vị
 Hữu chúc xướng: Lễ tứ bái

Sám chủ cử tán

Thu vô ngô đồng diệp lạc thời dạ thê thê

Triệu thỉnh vong linh lai phú hội
 Ngàn tin lâu tin lâu, cổ giáo tất hô ngân
 tất lý tất xã tả năng, duệ hế duệ hế; tất lý hoa, mẫu đà nẫm
 de tỏa ha.

Vong linh văn triệu thỉnh lai lâm (tiếp xướng):
 Chuyên thân triệu thỉnh:
 Ngưng vọng lai lâm, trai chủ thành tâm cần đương bá
 thỉnh, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Nhứt tâm triệu thỉnh:
 Nhứt linh chơn tánh bản vô khứ diệt vô lai
 Tứ đại huyền thân ký hữu sanh nhi hữu diệt
 Linh tiền chiêm bá sơ nhiệt danh hương
 Sơ thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vì vong lai tự
 linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, siêu sanh Tịnh Độ.

Duy nguyện:
 Lai thừa diệu điển, khứ bộ kim liên
 Lai thừa diệu điển lễ kim liên
 Nhứt bộ kim liên sanh Phật quốc
 Văn kim sơ thỉnh lai phú linh diên
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Nhứt tâm triệu thỉnh:
 Tiền đường hậu vô lê liêu, nhi phát đồ kỳ hình
 Đông xá tây lang, tịch tịch nhi phát văn kỳ hướng
 Tung hữu gia hào mỹ soạn, hà tăng cử khuyến nhi chung
 Tiếp phách truy hồn tam sứ giả
 Đông tây thủ mạng nhi vị thân quang
 Linh tiền chiêm bá, tái nhiệt danh hương
 Tái thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vì vong chi linh
 hồn, lai phú linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, thọ tư tiến bạc.

Duy nguyện:
 Tại thiên tại địa, văn kim triệu thỉnh dĩ lai lâm

Cư Thánh cư phạm thừa Phật lực, văn kim triệu thỉnh
lai phó linh diên, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Nhứt tâm triệu thỉnh

Đông thăng tây một, nãi nhứt nguyệt chi dinh khuy
Triêu tôn tịch vong, thán tử sanh chi hữu hạn
Linh tiền chiêm bái, tam nhiệt danh hương
tam thân triệu thỉnh, triệu thỉnh phục vì vong chi linh
hồn lai phú linh sàng, thỉnh pháp văn kinh, thọ tư tiền bạt.

Duy nguyện

Nhứt văn pháp ngữ, nhị vang lạc bang
tam văn thuyết pháp chi ân, tứ chứng Bồ Đề chi quả
Văn kim triệu thỉnh, lai phú linh diên
hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Tam thỉnh vong linh dĩ lai lâm
Thọ thử hương hoa phổ cúng dường
Y linh tự tọa thỉnh kinh văn
Diễn kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Xướng điệp

Sở hữu điệp văn hiệp thành tuyên đọc,
duy nguyện vong linh mặc nhiên Tịnh Độ
(tuyên điệp xong)
Sám chủ cử hiến
Triệu khán thanh sơn vân âm âm
Mộ văn cổ giếng thủy sẵn sẵn
Thanh sơ thường tại, thủy thường lưu
Vị phẩm vong linh qui hà xứ
Hiếu chủ kiến thành trà châm sơ hiến
(châm trà và lễ 2 lạy)

Tán

Sơ hiến mộng hoàn lương
 Yên ba trái vị thường
 Nhứt tâm thương hải biến
 Như điệp thượng ngưng sương
 Như điệp thượng ngưng sương

Cử hiến

Hoa khai mẫn thọ hồng
 Hoa lạc thọ hoàn không
 Linh tiền bài hiến soạn
 Bất kiến cự âm dương
 Hiếu chủ kiên thành trà châm tái hiến
 (hiến trà lần thứ 2, lễ 2 lạy)

Tán

Tái hiến mộng trần châu
 Tiểu nghiêu tiện bán thân
 Cổ kim đa thiểu sự
 Thệ thủy hướng đông lưu

Cử hiến

Đả tỉnh chỉ văn tam lô cổ
 Hiến lai sạ thính ngũ canh chung
 Tư lương thế thượng vinh, khổ sự
 Cáp tợ nam kha nhứt mộng trung
 Hiếu chủ kiên thành trà châm tam hiến
 (Hiến trà lần thứ 3, lễ 2 lạy)

Tán

Tam hiến mộng nam kha
 Phù sanh năng kỹ hà
 Hồng nhan tạo bạc phận
 Thiên tải nhứt tư ta

Hựu tán

Hoa Nghiêm áo điện
 Lầu các môn khai
 Tam hiền hòa la phạn
 Vong linh quá khứ lai
 Vong linh quá khứ lai
 Sở hữu biến thực biến thủy chơn ngôn cần đương trì tụng:
 Nam mô tát phạ đất tha, nga da phạ lồ chi đến, án tam bạt
 ra, tam bạt ra hồng (3 lần)
 Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Án tô rô
 tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha (3 lần)
 Án nga nga năng tam bà phật nhựt ra hồng (3 lần)

Tán

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị
 Lượng đẳng tu di vô quá thượng
 Sắc hương mỹ vị biến hư không
 Phổ xứ hương linh giai bảo mãn
 Nam mô mỹ hương trai Bồ Tát (3 lần)

Xướng trà

Bích hải giang trung thủy
 Thanh sơn đánh thượng trà
 Vong linh tam ẩm liễu
 Tảo sanh pháp vương gia (hiến trà)

Xướng phàn điệp

Thượng lai văn điệp độc dĩ, cu phú phu tuyên
 điệp tại linh tiền, trượng bằng hỏa hóa.
 (Tụng Tâm Kinh hoặc Vãng Sanh)

Tán

Nguyên sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh

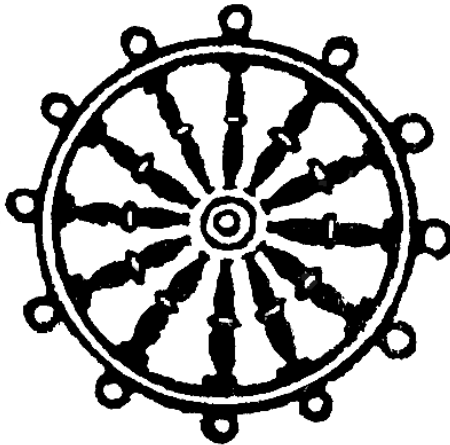
Bất thối Bồ Tát vì bạn hữu
Vãng Tây phương Bồ Tát (3 lần)

(Thỉnh linh về Phật tiền)

Quy y

Vong linh lai nghệ Phật tiền
Hiếu chủ đánh lễ tam bái
Linh hồn quy y Phật, Pháp, Tăng
Linh hồn quy y Phật bất đọa địa ngục
Linh hồn quy y Pháp bất đọa ngạ quỷ
Linh hồn quy y Tăng bất đọa bàng sanh.
Linh hồn quy y Phật cảnh
Linh hồn quy y Pháp cảnh
Linh hồn quy y Tăng cảnh

Linh hồn sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thí tham, sân, si
Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh
Nhứt thiết linh hồn giai sám hối
Nam mô cầu sám hối Bồ Tát (3 lần)



11. Nghi Nhương Tinh Hội

(Cúng Sao)

Tại quốc nội cũng như hải ngoại ngày nay, nhiều chùa Việt vẫn còn cúng cầu an giải hạn - Nói tắt là cúng sao - Vì người đời quan niệm rằng: Mỗi người trong mỗi năm đều có mỗi ngôi sao chiếu mạng. Do đó cúng sao là cúng cầu bổn mạng của mình cho được bình an.

Sau đây là hình thức cắm đèn cây và cách làm bài vị để cúng những vì sao của đương sự trong năm đó.

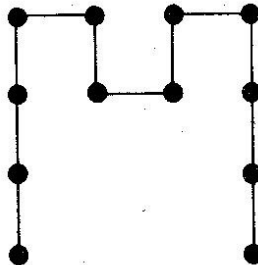
SAO THÁI DƯƠNG

Mỗi tháng ngày 27 hạ giới, dùng giấy vàng viết bài vị:

Nhật cung Thái Dương

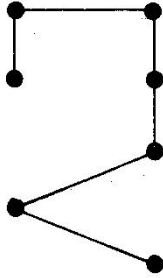
Thiên tử tinh quân

12 cây đèn, hướng về phía Đông để cúng.

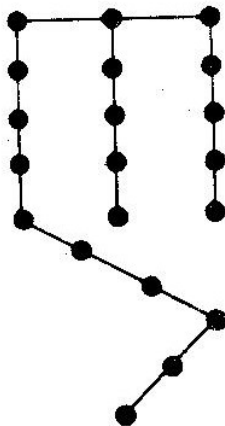


SAO THÁI ÂM

Mỗi tháng ngày 26 hạ giới, dùng giấy vàng viết bài vị:
 Nguyệt cung Thái Âm
 Hoàng Hậu tinh quân
 7 cây đèn, hướng về phía Tây để cúng.

**SAO MỘC TINH (MỘC ĐỨC)**

Mỗi tháng ngày 25 hạ giới, dùng giấy xanh viết bài vị:
 Đông phương Giáp Ất
 Mộc Đức tinh quân
 20 cây đèn, hướng về phía Đông để cúng.



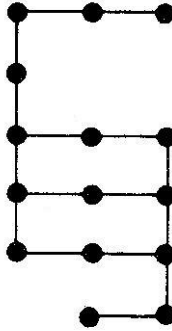
SAO HỎA TINH (VÂN HÓN)

Mỗi tháng ngày 29 hạ giới, dùng giấy hồng viết bài vị:

Nam phương Bính Đinh

Hỏa Đức tinh quân

15 cây đèn, hướng về phía Nam để cúng.

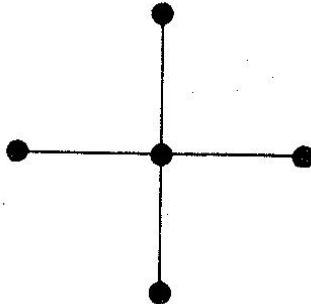
**SAO THỎ TINH (THỎ TÚ)**

Mỗi tháng ngày 19 hạ giới, dùng giấy vàng viết bài vị:

Trung ương Mậu Kỷ

Thỏ Đức tinh quân

5 cây đèn, hướng về phía Tây để cúng.



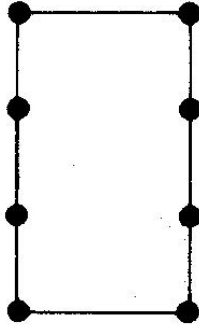
SAO KIM TINH (THÁI BẠCH)

Mỗi tháng ngày 15 hạ giới, dùng giấy trắng viết bài vị:

Tây phương Canh Tân

Kim Đức tinh quân

8 cây đèn, hướng về phía Tây để cúng.

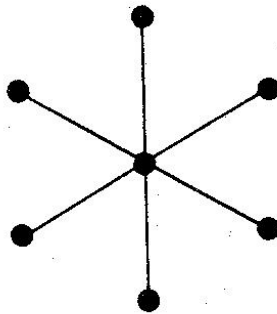
**SAO THỦY TINH (THỦY DIỆU)**

Mỗi tháng ngày 21 hạ giới, dùng giấy đen viết bài vị:

Bắc phương Nhâm Quý

Thủy Đức tinh quân

7 cây đèn, hướng về phía Bắc để cúng.



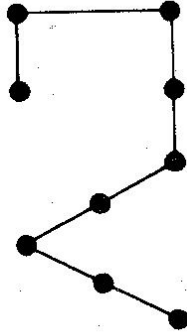
SAO LA HẦU

Mỗi tháng ngày mùng 8 hạ giới, dùng giấy vàng viết bài vị:

Thiên cung Thần Thủ

La Hầu tinh quân

9 cây đèn, hướng về phía Bắc để cúng.

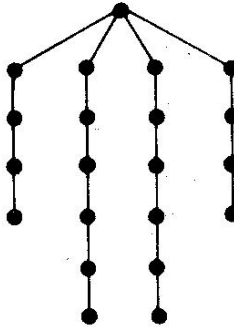
**SAO KẾ ĐÔ**

Mỗi tháng ngày 18 hạ giới, dùng giấy vàng viết bài vị:

Thiên cung Thần vị

Kế Đô tinh quân

21 cây đèn, hướng về phía Tây để cúng.



Đàn Ông

Sao Thái Dương		Sao Thái Âm		Sao Mộc Đức	
14	23	17	26	18	27
32	41	35	44	36	45
50	59	53	62	54	63
68	77	71	80	72	81
86	95	89	98	90	99
Sao Vân Hớn		Sao Thổ Tú		Sao Thái Bạch	
15	24	11	20	13	22
33	42	29	38	31	40
51	60	47	56	49	58
69	78	65	74	67	76
87	96	83	92	85	94
Sao Thủy Diệu		Sao La Hầu		Sao Kế Đô	
12	21	19	28	16	25
30	39	37	46	34	43
48	57	55	64	52	61
66	75	73	82	70	79
84	93	91	100	88	97

Đàn Bà

Sao Thái Dương		Sao Vân Hớn		Sao Thủy Diệu	
16	25	11	20	18	27
34	43	29	38	36	45
52	61	47	56	54	63
70	79	65	74	72	81
88	97	83	92	90	99
Sao Thái Âm		Sao Thổ Tú		Sao La Hầu	
13	22	14	23	15	24
31	40	32	41	33	42
49	58	50	59	51	60
67	76	68	77	69	78
85	94	86	95	87	96
Sao Mộc Đức		Sao Thái Bạch		Sao Kế Đô	
12	21	17	26	19	28
30	39	35	44	37	46
48	57	53	62	55	64
66	75	71	80	73	82
84	93	89	98	91	100

Trên đây là bảng tra các sao và tuổi tác để quý vị có thể y cứ vào đó mà cúng hằng tháng tại chùa hoặc tại nhà.

Nghi thức

Tín chủ tự vị, lễ tứ bái niệm

Tán

Đế Thích thiên tào vọng giám tri
Phản hương khởi thỉnh hương kim thời
Bất vi bốn thệ lâm đàn nội
Quang giáng hương diêm hạ tử vi
Nam mô lâm pháp hội Bồ Tát (3 lần)

Thiết dĩ hương phản kim lư chi nội, biến bố tam thiên
Điển đăng ngọc trần chi trung, quang lưu vạn cảnh
Chúng đẳng kiền thành, thượng hương nghinh thỉnh
Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh:

Thiên thượng thất tinh quang ảnh, thường chiếu mạng cung.
Nhơn gian cử khúc ba lang, lưu thiên phúc hải.

Đại Bi Đại Nguyên, đại thánh đại từ, Phật quang chủ chiếu,
bổn mạng thượng cung, trung cung, hạ cung.

Duy nguyện:

Phật từ quảng đại mẫn niệm hữu tình, thử dạ kim thời, lai
lâm pháp hội, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Chuyên thân triệu thỉnh, ngưng vọng lai lâm, tín chủ thành
tâm, cẩn đương bái thỉnh. Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa
thỉnh.

Nam mô nhứt tâm phụng thỉnh, trung thiên tinh chủ, bắc
kiệt tứ vi, đại đế tinh quân, Nam Tào Bắc Đẩu, tả hữu chủ bộ,
thiện ác thần quang. Chua sanh trước tử, chiếu mạng thần quang,
thỉnh giáng pháp diên, chứng minh tọa vị.

Nhứt tâm phụng thỉnh, nhị thập bát tú tinh quân

Giác Càng Đẻ Phòng, tâm vĩ Cơ Đầu, ngũ nữ hư nguy, thất
bích huê lâm vị. Mão tất chủy sám tỉnh quỉ, liễu trịch trượng dục
chấn thần quang, thỉnh giảng pháp diên, chứng minh tọa vị.

Duy nguyện

Thừa Tam Bảo lực, trọng bí mật ngôn, thử dạ kim thời
quang lâm pháp hội, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Châu thiên thất thập nhị cung thần
Nhị thập bát tú liệt phương ngung
Cửu diệu thất tinh chư Thánh chúng
Đại Bi Đại nguyện, đại thánh đại từ
Phật quang chư chiếu, bốn mạng nguơn thân
Đại hạn, tiểu hạn tinh quân
Đại vận, tiểu vận tôn thần
La Kế Nguyệt Bội bàng lâm chư chiếu
Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ đức tinh quân
Nguyện tiêu tai chướng, nguyện giảng kiết tường
Tiêu tai xí thanh quang vương Phật.

Tán:

Ngũ hành lục giáp bất cung đồng
Bốn mạng can chi tuế nguyệt thông
Cửu diệu thất tinh chư các hạn
Tam đa ngũ phước tại kỳ trung
Nam mô tăng diên thọ Bồ Tát (3 lần)

Tụng:

Ấn xỉ lâm kiêm tra, tăng kiêm tra, ngô dị nhữ giải kiêm tra,
chung bất dị nhữ kiết kiêm tra. Ấn cường trung cường kiết trung
kiết. Ba la thù lý hữu thù lợi, nhứt thiết oan gia ly ngã thân. Ma
Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Tán:

Giải kiết giải kiết giải oan kiết
Giải liễu tiền sanh oan hà nghiệp

Tẩy tâm thanh tịnh thể kiền tâm
 Cung đối Thánh tiền cầu giải kiết
 Nhứt tâm phụng thỉnh thất tinh cửu diệu thần quang
 La Hầu, Thổ Tú, Thủy Diệu, Thái Bạch, Thái Dương, Văn
 Hớn, Kế Đô, Thái Âm, Mộc Đức thần quang
 Kim trị tam tai mộc ách, kim lâu, kim lâu, nhập mộ, huỳnh
 tuyền, toán tận, bạch hổ, đại hạn, tiểu hạn, thần quang.
 Thỉnh giảng pháp diên chứng minh tọa vị.

Duy nguyện

Thừa Tam Bảo lực, thánh đức phò trì, thử dạ kim thời lai
 lâm pháp hội. Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.
 Tam thỉnh tinh quân dĩ lai lâm
 Thọ thử hương hoa phổ cúng dường
 Tinh quân trụ tọa thỉnh kinh văn
 Diển kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Xướng sớ:

Nam Bắc Đông Tây Trung ngũ đầu
 Châu thiên thất thập nhị hung thần
 Nhị thập bát tú liệt phương ngưng
 Cửu diệu thất tinh chư Thánh chúng
 Tur hữu tín chủ thiết cúng nhượng tinh, giải hạn, kỳ an
 thiết cúng sớ văn, cung đối thánh tiền, phủ thủy minh chứng.

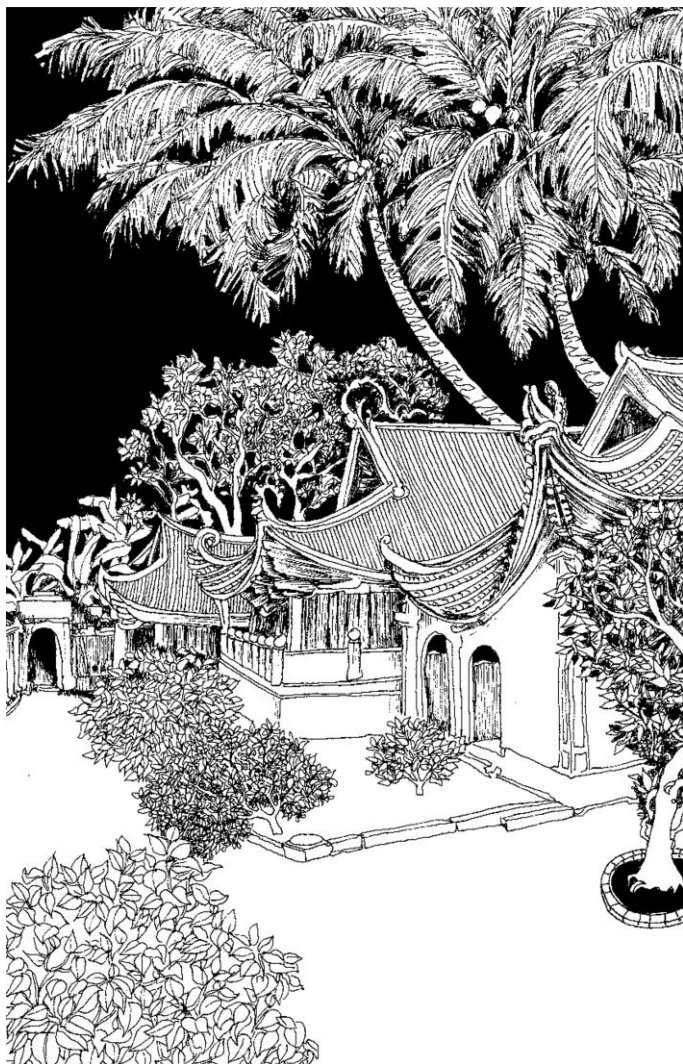
(tuyên sớ xong tụng):

Chí tâm quy mạng lễ
 Nam Bắc Đông Tây Trung ngũ đầu
 Dược Sư phù, Dược Sư phù
 Tiêu tai xí thanh quang vương phù

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
 Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu
 Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
 Thế thế thường hành Bồ Tát đạo
 Nam mô giảng kiết tường Bồ Tát (3 lần)

Thượng lai

Thiết cúng nương tình giải hạn kỳ an
Sự dĩ hoàn thành phổ triêm sa giới
Hòa nam - - - Thánh chúng.



12. Nghi Thành Phục

(Phát Tang)

Tang chế là một vấn đề quan trọng trong các xã hội Á Đông. Khi cha mẹ còn sống, con cháu lo hiếu để dưỡng nuôi, lúc cha mẹ hoặc họ hàng bà con thân thuộc ra người thiên cổ, việc để tang là một trong việc thực hiện chữ hiếu vậy.

Ngày xưa khi còn ở Việt Nam, nghi thức thọ tang khá rườm rà, và ngày nay người Việt tại hải ngoại, đương nhiên không thể nào thực hiện hết những nghi lễ như ngày trước ở Việt Nam được. Giản đơn không có nghĩa là quên đi chữ Hiếu đối với cha mẹ hoặc bà con quyến thuộc. Do đó có nhiều lễ phát tang rất đơn giản (chỉ cần khăn tang, không cần áo quần, giày mũ gậy, nón tang chỉ cả) được cử hành tại chùa hoặc tư gia, nhưng rất trang nghiêm và trọng thể.

Ngày nay mỗi ngôi chùa Việt Nam tại ngoại quốc là một nơi gìn giữ, nơi phát huy văn hóa của Phật giáo nước nhà. Do đó, vị trí của một ngôi chùa trong lòng người Phật tử Việt Nam tha hương thật hết sức quan trọng. Đối với người Phật tử Việt Nam, ngôi chùa là chất liệu dưỡng sinh cho đời sống tâm linh của họ. Chùa cũng là nơi cử hành các lễ có tính cách văn hóa và dân tộc tính như đám cưới, ma chay, giỗ Tết v. v.... Đây cũng là cơ hội để bà con họ hàng gần gũi nhau, chung vui với nhau mỗi khi có việc hiếu hỷ hoặc gặp việc buồn.

Xướng:

Tang quyền tợ các linh tiên

Ngũ phục chi nhơn, các thọ kỳ phục

(Tang quyền đều bịt khăn và mặc đồ tang)

Tự vị

Phân hương thượng hương, khởi thân lễ - - - tam bái.

Kệ

Lão tử song chí tuyệt khứ lai
 Tùng tư vĩnh xuất thoát luân hồi
 Sum la vạn tượng phiên xuất đầu
 Khổ tập tiêu dung Tịnh Độ Khai
 Nam mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Như Lai (3 lần)

Cử tán

Dĩ thử chân linh thân triệu thỉnh
 Vong linh bất muội diệu văn tri
 Trọng thừa Tam Bảo lực gia trì
 Thử nhứt kim thời lai phú hội
 Vong linh, vong linh văn triệu văn triệu thỉnh lai lâm.
 Chuyên thân triệu thỉnh ngung vọng lai lâm, tang chủ thành
 tâm cần đương bái thỉnh.
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

Nam mô nhứt tâm triệu thỉnh, thủ kinh phan cái, thân quả
 hoa mang. Độ chúng sanh qui Cực Lạc chi bang,

Dẫn hương hồn phó đạo tràng chi hội. U minh lộ thượng
 dẫn hồn vương Bồ Tát, tiếp dẫn phục vì vong, chánh độ cố linh
 chi linh lai nghệ linh sàng, thánh pháp văn kinh siêu sanh
 Tịnh Độ.

Duy nguyện

Bồ Đề lộ thượng bất tảo hiểm nạn chi nguy
 Sanh tử hải trung, tứ hữu siêu sanh chi lộ
 Văn kim triệu thỉnh lai phú linh diên
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh

Nam mô nhứt tâm triệu thỉnh, âm dương nhị giới dẫn hồn
vương, linh thông sứ giả tiếp dẫn phục vì vong, chánh độ cố linh
..... hồn lai phú linh tòa thọ tư hiền tạo.

Duy nguyện

Nhứt tâm linh bất muội lục dục đón không
Thoát nhơn gian sanh tử căn trần
Nhập Như Lai bảo minh không hải
Văn kim triệu thỉnh, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa
thỉnh.

Tam thỉnh vong linh dĩ lai lâm
Thọ thử hương hoa phổ cúng dường
Y linh tự tọa thỉnh kinh văn
Diễn kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát

Xướng :

Sơ hiến trà, lễ nhị bái

Kệ

Huyền đường trung tịch tịch
Linh sàng thượng thể thể
Sổ dinh bồi chúc, thiên tải nhứt phân kỳ
(Bình thân quì)

Xướng điệp

Âm dương vô nhị lý, sanh tử hữu thù đồ. Hữu điệp tiến
vong linh, đôi tiên tuyên đọc (Đọc điệp)

Tái hiến trà, lễ nhị bái

Kệ thán

Sầu trường thời cửu khúc
Lụy mạc sải song hàng
Nhứt đán ta thất hò
Thiên tải liệt u quang

Tam hiến trà, lễ nhị --- bá.

Kệ thán

Phụ mẫu hệ tương hà thệ
 Tứ giả tương hà hoài
 Vạn lý tuyên đài viễn
 Nhứt triều ký phân kỳ

Xướng hiến trà

Bích hải giang trung thủy
 Thanh sơn đánh thượng trà
 Vong linh tam ẩm liễu
 Tảo sanh pháp vương gia (Điểm trà)

Xướng điệp

Thượng lai văn điệp, dĩ cụ phu tuyên, điệp tại linh tiền,
 trưng bằng hỏa hóa.
 (Tụng Bát Nhã hoặc Vãng Sanh)

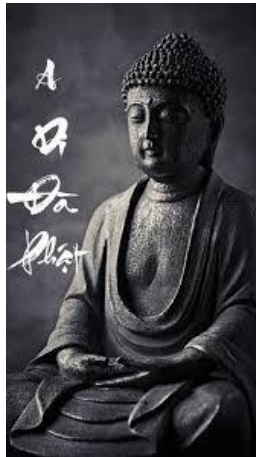
Cử tán

Tiêu diêu chơn thể giới, khoái lạc bảo liên đài
 Hiệp chương Thế Tôn tiền, Như Lai thân thọ ký
 (Nếu còn thì giờ tán tiếp):
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ
 Đại từ Di Đà Phật, Đại Bi Bồ Tát Tăng
 tiếp dẫn vong linh thượng phẩm thượng sanh, bất thối Bồ
 Tát vi bạn lữ.

Nghi lễ phục tang đến đây chấm dứt. Có nhiều gia đình đề tang ba năm ngắn hai năm dài, có gia đình đề chỉ một năm, 100 ngày hoặc 49 ngày. Cũng có nhiều gia đình vì sợ dễ khó trong nhà hoặc có việc cưới hỏi cần phải thực hiện gấp, nên sau khi chôn cất hương linh xong, làm lễ xả tang ngay.

Thông thường con trai, cháu nội và dâu để tang đến hai năm dài. Con gái, rể và cháu ngoại cũng như bà con xa chỉ để tang một năm. Lúc làm tuần được kể từ ngày chết. Trong khi mở cửa mả (3 ngày) tính từ ngày chôn. Tuần đầu gọi là sơ thất, kế đến nhị thất, tam thất, tứ thất, ngũ thất, lục thất và chung thất (49 ngày). Tiếp theo là tuần bách nhật (100 ngày). Tuần một năm gọi là tiêu tường, hai năm là đại tường hay mãn khó. Sau đó cứ mỗi năm đến ngày giỗ, con cháu họp nhau lại làm lễ húy kỵ để nhớ ơn người quá cố đã sinh thành dưỡng dục ra mình.

Người Tây phương quan niệm chết là hết. Không có kiếp sau và không có luân hồi sinh tử, vì thế ngày chết không được coi trọng bằng ngày sinh. Do đó người Âu Châu chỉ ăn sinh nhật; còn ngày kỵ, ngày giỗ ít ai quan tâm đến. Trong khi đó người Á Đông quan niệm rằng: chết chưa phải là hết mà chỉ là bắt đầu trở lại một kiếp sống khác. Ngày tử, vì thế họ coi trọng hơn hoặc ít nữa cũng ngang hàng với ngày sinh. Bởi lẽ, nếu như trong kiếp này họ gây nhân xấu, không tránh khỏi trong kiếp sau sẽ gặp phải quả xấu. Việc cầu nguyện cho người thân lúc lâm chung cũng thật cần thiết, vì có ý mong cho kiếp sau của người quá vãng sẽ nương vào tha lực của đức Phật A Di Đà và tự lực của chính mình, để được sanh về thế giới Cực Lạc.



13. Nghi Thỉnh Tiên Tổ

(Cúng Kỳ)

Do quan niệm: Chết chưa phải là hết, nên người Việt Nam trong lúc gia đình có người thân mất, hằng năm cứ đến ngày ấy gia đình hội họp con cháu lại để cúng bái. Cúng như vậy cho đến khi nào không còn nhớ được nữa hay lâu đời quá mới thôi. Có nhiều gia đình cúng tổ tiên từ hết đời này qua đời khác vẫn còn tiếp tục cho đến 4 hay 5 thế đời như thế.

Đó là việc Hiếu nghĩa của người Á Đông xưa nay như thế. Do đó, các nghi lễ dùng để cúng riêng cho những người đã quá vãng lâu đời mới được đặt ra. Cha mẹ, ông bà trong bảy đời và bà con quyến thuộc trong nhiều đời.

Cái văn:

Thân thể phát phu thọ chi phụ mẫu
 Xuất nhập hành tàng giai lại Tổ Tiên
 Tức kiềm khởi đạo tràng, kỳ siêu pháp sư
 Nhập đàn vi thi, âm dương phổ phước
 Lợi cập hiển u, phụng tiến Tiên Tổ
 Lưỡng môn tư siêu thân thích, kim đương triệu thỉnh
 Tổ nãi tiên vong hậu đệ, trai chủ kiên thành tấn hương tứ bái
 (lạy 4 lạy)

Tán văn

Dĩ thử chân linh thân triệu thỉnh
 Vong linh bất muội diệu văn tri
 Trọng thừa Tam Bảo lực gia trì
 Thử nhứt (đạ) kim thời lai phú hội
 Tiên linh, tiên linh, văn triệu văn triệu lai lâm
 Chuyên thân triệu thỉnh, ngưng vọng lai lâm
 Trai chủ thành tâm, cần đương bái thỉnh

Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

*** Nhứt tâm triệu thỉnh:**

Lục nga thi vịnh phong mộc tải ca
 Ngưỡng đồ thiên cao, tướng âm dung chi mạc báo
 Phụ tô địa hậu, tư trở dẫu chi nan thù
 Phục vọng tiên linh lai tư tự tiến.

Duy nguyện

Trượng lục hòa tăng thân triệu thỉnh
 Thừa Tam Bảo lục dĩ lai lâm
 Văn kim sơ thỉnh, lai phú từ đường
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

*** Nhứt tâm triệu thỉnh:**

Phụng vì bốn ân đường thượng, khứ thế tiên linh
 Thượng chí truy tự chi đức, hạ cập huyền viễn chi tôn
 Tái nhiệt danh hương đạt cửu tuyên chi địa hạ
 Nhứt âm pháp ngữ, cảm nội ngoại chư tiên linh
 Phục vọng tiên linh lai tư tự tiến.

Duy nguyện

Diêu Trì vạn nhẫn niêm phong động nhi liên sanh
 Bảo cát thiên tăng châu liêm quyện vân trung kiến Phật
 Văn kim tái thỉnh lai phú từ đường thánh pháp văn kinh
 Hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa thỉnh.

*** Nhứt tâm triệu thỉnh:**

Yên sanh phụ mẫu, lịch đọi tôn thân
 Nhứt thiết bàng hồn, thượng trung hạ tọa
 Hữu danh vô vị, hữu vị vô danh
 Bá thúc, huynh đệ, cô di tử muội;
 nội ngoại môn trung, tiên viễn đẳng phái tiên linh
 Phục vọng tiên linh lai lâm tư tự tiến.

Duy nguyện

Tam mộc tam huân tam triệu thỉnh
 Nhứt hành nhứt bộ đáo từ đường
 thỉnh pháp văn kinh, hương hoa thỉnh (hòa) hương hoa
 thỉnh.

Tam thỉnh hương linh dĩ lai lâm
 Thọ thử hương hoa phổ cúng đường
 Y linh trụ tọa thỉnh kinh văn
 Diển kinh văn Bồ Tát Ma Ha Tát

Bình thân quì

Âm dương vô nhị lý, sanh tử hữu thù đồ
 Sở hữu điệp thỉnh tiên linh
 Duy nguyện tiên linh, mặc nhiên đế thính
 (Tuyên điệp xong)

Xướng:

Khởi thân lễ tứ bái
 Ái hà lãng huyệt, khổ hải di thâm
 Lai đáo Bồ Đề chi bỉ ngạn,
 tiêu tùng phiền não kiếp lai trung
 nhược phát thính pháp văn kinh, hà nãi siêu sanh thoát tử.
 Kính y tam thừa giáo, xưng tụng thất Như Lai
 Tiên linh thừa tiền trạo, thoát hóa bảo liên đài
 Sở hữu chơn ngôn căn đương trì tụng.

Nam mô Đa Bảo Như Lai
 Nam mô Bảo Thắng Như Lai
 Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai
 Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai
 Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai
 Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai
 Nam mô A Di Đà Như Lai

Nam mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lò chi đế. Ấn tam bạt ra,
tam bạt ra hồng (3 lần)

Nam mô tô rô bà da, đất tha nga da da, đất diệt tha. Ấn tô rô
tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha (3 lần)

Ấn nga nga năng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng (3 lần)

Tán

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị
Lượng đẳng Tu Di vô quá thượng
Sắc hương mỹ vị biến hư không
Duy nguyện từ bi ai nập thọ
Thuyền duyệt tạng Bồ Tát (3 lần)

Thượng lai văn điệp dĩ cụ phu tuyên,
điệp đọc linh tiên, trượng bằng hòa hóa.

Hựu tán

Đại từ Di Đà Phật, đại bi Bồ Tát Tăng
Tiếp dẫn vong linh thượng phẩm thượng sanh
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thời Bồ Tát vi bạn lữ.



14. Nghi Chúc Thánh

Chúc Thánh ở đây có nghĩa là cầu chúc cho Thánh Thượng được khương ninh; chuyên hành nhưn vương hộ quốc như một vị Bồ Tát. Người đi tu mặc dù cắt ái từ thân, xả phú cầu bần xả thân cầu đạo, nhưng đối với “Tứ trọng ân” không thể nào quên được. Đó là:

- 1) Ôn quốc gia, quốc vương
- 2) Ôn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ
- 3) Ôn thầy tổ đã dạy dỗ ta nên người
- 4) Ôn xã hội.

Trong 4 ơn trên, ơn quốc gia đứng đầu. Đất nước có yên bình thịnh trị, người dân mới có cơ hội giúp nước và dựng nước. Người Phật tử được an ổn xây đạo và dựng đạo. Đất nước được yên bình đều nhờ vào sự cai trị sáng suốt của minh vương (ngày xưa; nhưng theo các chính thể hiện nay là Tổng Thống hay Thủ Tướng). Do đó việc cầu nguyện cho các bậc hộ quốc an dân cũng là việc cần thiết trong sinh hoạt Thiền Môn vậy.

Tán

Bửu đánh nhiệt danh hương
 Phổ biến thập phương
 Kiền thành phụng hiến pháp trung vương
 Đoan vi toàn quốc
 Chúc Thánh thọ, địa cử thiên trường
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Trì tụng Thánh Vô Lượng Thọ quyết định Quang Minh vương Đà La Ni:

Ấn, nại ma ba cát ngòa đế, a ba ra mật đập, a ưu rị a nạp, tô tất nễ thiệt chất đập, điệp tòa ra tể dã, đất tháp cả đạt dã, a ra ha đế, tam được tam bát đạt dã, đất nễ dã tháp. Ấn tất rị ba, tang tư cát rị, bát rị thuật đập, đạt ra mã đế, cả cả nại tang mã ngọt cả đế, tòa ba ngòa tỷ thuật đế, mã hắc nại dã, bát rị ngòa rị tá hát (3 lần).

Dược Sư: Như Lai

Chứng minh ----- Công đức (chúng hòa)

Đại viên mãn giác, ứng thích Tây càn, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, ngưỡng khẩu hồng từ, phủ thủy minh chứng :

Việt Nam quốc tại tư trụ trì Tỳ Kheo kim tuế thứ niên nguyệt đán chi thần, vân tập Tăng chúng đẳng lâm bửu điện, phúng diễn bí chương, xưng dương gia hiệu, sở tập hồng nhơn, đoan vi chúc diên.

Kim thượng quốc dân, thánh thọ vạn an.

Phục nguyện:

Kim luân vĩnh chấn, ngọc chúc thường điều. Bát huyền ân liễu đạo chi trường; tứ hải lục vô vi chi quá.

Hiện tiền đại chúng đồng niệm Kim Cang Vô Lượng thọ nhơn vương Bồ Tát Ma Ha Tát Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Tụng tựa chú Lăng Nghiêm

Diệu trạm tổng trì bất động tôn

Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu

Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng

Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân

Nguyện kim đắc quả thành bảo vương

Hoàn độ như thị hằng sa chúng

Tương thử thâm tâm phụng trần sát

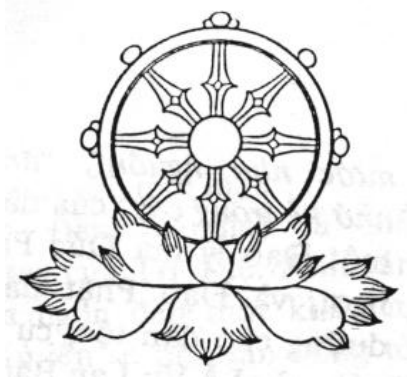
Thị tắc danh vi báo Phật ân

Phục thính Thế Tôn vị chứng minh
 Ngũ trước ác thế đệ tiên nhập
 Như nhứt chúng sanh vị thành Phật
 Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn

Đại hùng đại lực đại từ bi
 Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc
 Linh ngã tạo đẳng vô thượng giác
 Ư thập phương giới tọa đạo tràng
 Thuần nhĩ đa tánh khả tiêu vong
 Thước ca ra tâm vô động chuyển

Nam mô thường trụ thập phương Phật
 Nam mô thường trụ thập phương Pháp
 Nam mô thường trụ thập phương Tăng

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.



15. Nghi Chúc Vi Đà

Vi Đà là tên chung của các vị hộ pháp. Hộ Pháp là những vị có công làm cho giáo pháp của đức Phật được trường cửu và truyền bá sâu rộng trong nhân gian. Các vị Hộ Pháp có thể là Chư Thiên, người hoặc các loài Thiên Long Bát Bộ.

Trong chùa thường hay thờ Ông Thiện, Ông Ác hoặc tôn tượng ngài Hộ Pháp Vi Đà. Ông Thiện chuyên giúp đỡ những người hiền, ủng hộ chánh pháp. Ông Ác có đầy đủ quyền lực trừng trị những người làm sai chánh pháp.

Tụng

Thiện Thiên nữ chú

Nam mô Phật Đà, Nam mô Đạt Ma, Nam mô Tăng Già

Nam mô thất ly, ma ha đế tỷ da, đất nễ dã tha, ba ly phú lâu na giá ly, tam mạn đà, đạt xá ni. Ma ha tỳ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỷ ni dà đế; ma ha ca rị dã, ba nễ ba ra, ba nễ tất rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lệ đế, phú lệ na, a rị na, đạt mạ đế. Ma ha tỳ cô tất đế, ma ha Di Lạc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỷ tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni (3 lần).

Nam mô tam châu cảm ứng Hộ Pháp Vi Đà tôn thiên Bồ Tát (3 lần).

Chúc vãn:

Thần công phủ trắc, mật hạnh nan tư
thị đồng kiện ư, thiên luân tồ tà phụ chánh
Thọ chúc ư đại giác Hộ Pháp an Tăng
ngưỡng khởi thiên từ, phủ thù minh chứng.

Việt Nam quốc, tại tự, trụ trì Tỳ Kheo hiệp hội tự Tăng chúng đẳng, ư kim tuế thứ niên chi thân, vân tập Tăng chúng, cung nghê từ hạ, phúng diễn bí chương, xưng dương gia hiệu. Sở tập công đức, chuyên thân kỳ đảo.

Nam mô tam châu cảm ứng Hộ Pháp Vi Đà tôn thiên Bồ Tát, thị tùng thiện đẳng, phục niệm mật pháp, tăng hành đạo lực suy vi, chướng duyên biên xứ duy kỳ. Bồ Tát thần lực minh tư, sử pháp luân chuyển xứ. Nội chướng, ngoại chướng dĩ tiệt tiêu, tăng hải hòa thời, ác hữu ác ma nhi vĩnh ly. Nhon nhon ngộ Tỳ Lô tánh hải. Các các nhập Phổ Hiền hạnh môn, cung phụng đàn na, quân triêm thắng ích.

Cử tán

Vi Đà thiên tướng, Bồ Tát hóa thân
 Ủng hộ Phật Pháp thế hoàng thân
 Bảo xử trần ma quân, công đức nan luân
 Kỳ đảo phó quần tâm
 Nam mô Phổ Nhân Bồ Tát (3 lần)



16. Nghi Chúc Già Lam

Đất trong vườn chùa gọi là đất Già Lam. Chúc Già Lam tức là cầu nguyện cho chùa chiến được yên tịnh, Tăng chúng được an hòa hầu tấn tu đạo nghiệp.

Tụng chú Đại Bi

Nam mô đại bi hội thượng Phật Bồ Tát (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại Bi tâm đà ra ni.

Nam mô hắc ra đất na đá ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô kiết đế thước bác ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da, bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn đả sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đá, na ma bà già, ma phục đạt đậu đất diệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế ca ra đế, di hê rị. Ma ha Bồ Đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, đồ lô đồ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da. Hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra tất lị tất lị, tô rô tô rô. Bồ Đề dạ Bồ Đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, rị đế rị dạ. Na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ ta bà ha. Na ra cần trì ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khư da ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ ta bà ha. Ma bà lị thắng kiết ra dạ ta bà ha.

Nam mô hắc ra đất na, đá ra dạ da

Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bàn ra dạ ta bà ha.

Ấn tất điện đô, mạng đa ra, bạt đà dạ ta bà ha.
 Nam mô Già Lam Thánh Chúng Bồ Tát (3 lần)

Chúc Vân

Thần oai hiển hách, nguyện lực duy thâm
 Tể nhứt tư chi quyền hành; tác chúng
 tác chúng Tăng chi bảo chương.

Ngưỡng khởi thần minh, phủ thùy chiếu giám:

Việt Nam quốc tỉnh tại tự, trụ trì Tỳ
 Kheo hiệp nội tự Tăng chúng đẳng, ư kim tuế thứ
 niên chi thời, vân tập Tăng chúng, cung nghê từ hạ, phúng
 diễn bí chương, xưng dương gia hiệu. Sở tập công đức chuyên
 thân kỳ đảo

Nam mô thủ hộ Già Lam chi thần đương sơn thổ địa, nhứt
 thiết chơn tế.

Phục nguyện

Sơn môn trấn tịnh, hải chúng an hòa
 Hộ pháp hoá dĩ hưng long, vệ đảng tràng nhi kiết khánh.
 Như tu kỳ dáo tất vọng minh gia
 Nam mô Hộ Pháp Tạng Bồ Tát (3 lần).



17. Nghi Chúc Tổ Sư

Trong các Tổ đình hay các chùa lớn tại Việt Nam cũng như tại hải ngoại, ngoài việc thờ Phật, còn thiết lập thờ chư vị Tổ Sư có công đem truyền bá Phật giáo vào Việt Nam, cũng như các vị khai sơn ngôi Tổ đình của những dòng như Lâm Tế, Liễu Quán v.v... Có một số chùa Tổ đình còn qui định một ngày đó thông lệ trong năm để chư Tăng vân tập về làm lễ kỵ Tổ. Do đó nghi lễ chúc Tổ Sư được đặt ra để phụng tiến giác linh chư Tổ viên tịch.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh

Quán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử diệc, vô lão tử tận, vô khổ, tập diệc, đạo, vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố. Bồ Đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố. Tâm vô quái ngại vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn. Tam Thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã Ba La Mật đa, thị đại thần chú

Thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:

„Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng, yết đế Bồ Đề tát bà ha (3 lần)

Bạt nhứt thiết nghiệp chương căn bản đắc sanh Tịnh Độ Đà
La Ni:

Nam mô a di đà bà già, đà tha già đà dạ, đà địa dạ tha. A di
rị đô bà tỳ, a di rị đá tất đam bà tỳ, a di rị đá tỳ ca lan đế, a di rị đá
tỳ ca lan đá. Già di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha (3 lần)

Chúc

Nhứt ba hiện thoại, ngũ điệp lưu phương
Phú pháp tạng ư tây cang
Bá tâm tôn ư đông chấn.
Ngưỡng khởi thần, phủ thùy chiếu giám

Việt Nam quốc tỉnh quận tại
..... tự, Trụ trì Tỳ Kheo hiệp nội tự Tăng chúng,
cung nghê từ hạ, phúng diễn bí chương xưng dương gia hiệu. Sở
tập công đức chuyên thân kỳ đảo.

Nam mô Tây Thiên Đông Độ lịch đọi Tổ Sư Bồ Tát, bốn tự
khai sơn Hòa Thượng chư vị giác linh.

Phục nguyện :

Tôn phong vĩnh chấn, Tổ ấn trùng quang
Giác ba hương biến ư thiên lâm, pháp võ quân triêm ư ư học
địa như tư kỳ đảo, tất vọng minh gia.

Tán

Niêm ba ngộ chỉ
Tổ đạo sơ hung
Niên diên tứ thất viễn chơn thừa
Lục đọi vĩnh truyền đăng dịch điệp
Trượng thừa chánh pháp vĩnh xương minh
Nam mô độ nhơn sư Bồ Tát (3 lần)

18. Nghi Chúc Giám Trai

Trong các chùa Tổ đình hoặc tại những ngôi chùa lớn, nơi đây nhà phía đông có thờ một vị tượng mình đen, mặc áo đỏ, một tay cầm búa và một tay cầm tràng hạt trong tư thế ngồi, một chân bõ lên theo lối bán già; chân kia duỗi xuống đất, đó là vị Giám Trai sứ giả. Ý nói người lo cơm nước và bữa củi, giã gạo cho Tăng chúng. Hình tôn tượng có nhiều thuyết khác nhau, có thể là hình của Lục tổ Huệ Năng, vì Ngài là con lai, có hình thù đen đúa. Khi gặp ngũ tổ Hoằng Nhẫn, Ngài đã bị quở như thế! Sau khi vô chùa, Ngài Huệ Năng chỉ có mỗi một công việc giúp Tăng chúng bữa củi, giã gạo mà thôi; còn theo thuyết khác cho rằng: Giám Trai sứ giả là bậc Đại Thánh Khẩn Na La Vương, chẳng biết thiệt hư như thế nào, vì sử liệu Phật Giáo ít thấy nói về việc trên.

Việc tu hành không những chỉ tôn trọng những bậc có trí tuệ siêu phàm mà ngay cả những vị làm những công việc thông thường nhất cũng được Tăng chúng nghĩ tới nơi Già Lam. Mỗi ngày tại chùa thường hay cúng vị Giám Trai để tưởng nhớ đến công ơn của Ngài.

Phật Mẫu Chuẩn Đề thần chú

Khê thủ quy y Tô Tất Đế, đầu diện đánh lễ thất cu chi,
Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề, duy nguyện từ bi thù gia
hộ

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam Bồ Đề, cu chi nẫm, đất
diệt tha.

Án chiết lệ chủ lệ Chuẩn Đề ta bà ha (3 lần)

Nam mô Đại Thánh Khẩn Na La Vương Bồ Tát (3 lần)

Chúc vãn:

Công ty đánh nại chức nhậm tư thành
 Viễn thừa hương tích chi phong
 Vĩnh tác vãn tri chi chủ

Khương khởi thần minh, phủ thủy chiếu giám:

Việt Nam quốc ư tự, trụ trì Tỳ Kheo
 hiệp nội tự Tăng chúng đấng, ư kim tuế thứ..... niên chi
 thời, vân tập Tăng chúng, cung nghệ từ hạ, phúng diễn bí chương
 xưng dương gia hiệu, sở tập công đức chuyên thân kỳ đảo.

Nam mô Giám Trai sứ giả Đại Thánh Khẩn Na La Vương
 Bồ Tát chi thân.

Phục nguyện:

Nhĩ thời vô phạp
 Lục vị thường dinh
 Chưởng thủy hỏa dĩ bình an
 Cúng Phật Tăng nhi phong bị
 Như tư kỳ đảo tất vọng minh gia

Cử tán

Giám Trai sứ giả, hỏa bộ oai thần
 Điều hòa bá vi tiến di linh
 Tai họa vĩnh vô xâm, hộ mạng tư thân;
 Thánh chúng vĩnh mong ân.

Nam mô Diệu Huệ Địa Bồ Tát (3 lần)



19. Nghi Cúng Giác Linh

Người thể gian khi qua đời gọi là mất, chết, thệ thể, tử vong, quá vãng v.v... và khi nhớ đến người chết chúng ta hay gọi là hương linh hoặc vong linh.

Còn đối với người xuất gia khi qua đời, nhất là những bậc đạo cao đức trọng - để tỏ lòng cung kính - trong chùa ít gọi là chết hay thệ thể mà gọi là viên tịch - trở về với cõi yên lặng tròn đầy - Ý nói hạnh nguyện độ sanh đã viên mãn và trở về cảnh yên lặng. Để tưởng niệm sự ra đi vĩnh viễn của quý vị xuất trần, đến ngày giỗ kỵ hay tiến bạt, môn đồ, đệ tử thường hay gọi “Giác linh” thay vì Hương linh như chúng ta thường hay gọi đối với người thể gian. Giác linh là một tâm linh, một linh hồn đã được giác ngộ và liễu đạo.

Vậy cúng giác linh tức là cúng những vị xuất gia đã viên tịch. Thường thường tại các chùa, ngoài bàn thờ Phật ra, còn có bàn thờ Tổ, bàn thờ chư Giác linh và các Hương linh quá cố khác.

Chư Tăng khi cúng Tổ hoặc cúng Giác Linh thường hay lạy trước long vị hay tượng, ảnh của chư vị Tổ Sư Hòa Thượng. Nhưng khi cúng vong thì không, ngay cả vong linh đó là cha mẹ của người xuất gia nữa! Vì người xuất gia quan niệm rằng: khi chưa thọ giới Sa Di và giới Tỳ Kheo, họ là con của gia đình, nhưng khi đã thọ giới rồi, là trưởng tử của Như Lai - con của đức Phật - Người xuất gia xem gia đình và cha mẹ cũng như bao nhiêu chúng sanh khác trong sự bình đẳng như nhau. Vì đối với họ đều là những người phải được cứu và mong cứu thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Cử tán

Tâm nhiên ngũ phận

Phổ biến thập phương
 Hương yên đồng tử ngộ chơn thường
 Tỷ quán thiết nan lường
 Thoại ái tường quang
 Kham biện pháp trung vương
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Tụng

Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh

Quán tự tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời,
 chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận, vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn. Tam Thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cổ tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:
 “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha” (3 lần)

Tán

Xương lay hoặc tán theo long vị (3 lay)

Tự Lâm Tế chánh tông thập thế giác linh
 sư Bồ Tát (3 lần)

Xướng số:

Nhứt ba ngũ diệp, ngũ diệp lưu phương
 Phú pháp tạng ư tây càn, bá tâm tôn ư động chấn
 Tư hữu thiết cúng húy nhứt kỳ siêu, hiến cúng số văn, cung
 đối sư tiền phủ thù minh chứng.
 (Tuyên số)

Cúng đường

Nam mô tát phạ đất tha nga đa phạ lồ chi đế. Án tam bạt ra,
 tam bạt ra hồng (3 lần)
 Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất điệt tha. Án tô rô
 tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha (3 lần)
 Án nga nga nẵng tam bà phạ phiệt nhứt ra hồng (3 lần)

Tán

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị
 Lượng đẳng Tu Di vô quá thượng
 Sắc hương mỹ vị biến hư không
 Dục nguyện từ bi ai nập thọ
 Phổ cúng dường Bồ Tát (3 lần)

Xướng trà

Vu mi không tước, thiết châu trà
 Thanh thủy hương Bồ Tát (3 lần)

Tiêu diêu chơn thể giới,
 Khoái lạc bảo liên đài
 Hiệp chường Thế Tôn tiền
 Như Lai thân thọ ký.

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thối Bồ Tát vì bạn hữu.

20. Nghi Chúc Tuyền Tĩnh

(Nghi Chúc suối nước hoặc giếng nước trong chùa)

Ngày trước hoặc ngay cả ngày nay, các ngôi Tổ đình thường tọa lạc trên những khu rừng hoặc đồi núi xa nơi thị tứ. Do đó việc chuyên vận nước từ thành phố không phải là một chuyện đơn giản, nên chùa nào cũng có đào giếng riêng để lấy nước xử dụng hoặc ít nữa, nơi vườn chùa đều có ao, hồ để lấy nước tưới cây kiểng hoặc cây ăn trái và rau cỏ.

Ngày xưa, các chùa ở Việt Nam thường hay noi theo quy cũ Thiền môn của ngài Bách Trượng bên Trung Hoa là: “Nhứt nhứt bất tác, nhứt nhứt bất thực” (một ngày không làm việc, một ngày không ăn). Từ đó, các suối các ao hay giếng nước trong vườn chùa trở nên rất cần thiết, vì có nước mới tưới cây cỏ xanh tươi, nhờ đó Tăng chúng mới có đủ thực phẩm dùng để ổn định đời sống tu hành.

Mặc dù chủ trương như thế, nhưng tục ngữ Việt Nam cũng có câu: “Có thực mới vực được đạo”. Nếu bụng đói, thì việc hành đạo giải thoát không thể nào thực hiện được. Do đó, chúng ta có thể lý luận: muốn được an ổn trong việc tu hành, phải có đời sống vật chất tương đối ổn thỏa; muốn có đời sống vật chất ổn thỏa, Tăng chúng phải tự lực cánh sinh. Nếu tự lực cánh sinh mà thiếu nước ao hay nước suối dùng vào việc tưới hoa mầu, không thể nào được. Nước, một nhu yếu thật quan trọng cho chùa như thế, nên mới có nghi chúc “Tuyền Tĩnh” là như vậy.

Tụng

Án đất diệt tha, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, na xà nẫm, già bà già bà, thi tỷ thi tỷ, thọ phù thọ phù, Phật thần lực cố, đại long vương đăng, tốc lai ư thử. Diêm phù đề nội, giảng chú đại võ, giá ra giá ra, trí rị trí rị, châu lâu châu lâu, ta bà ha.

Nam mô Ta Kiệt La Long Vương Thánh chúng Bồ Tát. (3 lần)

Bạch vân

Nguyện nguyện bất miệt
 Hạo hạo vô cùng
 A nậu trì biên
 Dũng xuất quỳnh tương
 Ngọc điệp ngân ngư
 Khâu lý tả vi
 Tinh phái cam lồ
 Xuyên sơn thấu thạch nhi lai
 Khóa nhạc việt sa dĩ chí
 Vương vương ngao quốc
 Ân ân long vương
 Giáng hạ hoài tuệ
 Thần kỳ xuyên trạch
 Huyền tuyền chủ tể
 Ngưỡng kỳ hường tạo
 Phủ giám kiên thành
 Trượng thử lương nhơn
 Chuyên thân hồi hương

Nam mô Ta Kiệt La Long Vương, ngọc tuyền kim tỉnh,
 thủy triết chơn quang, Thánh chúng Bồ Tát.

Phục nguyện

Từ phong đảng đảng
 Pháp võ phi phi
 Sái trích trích chi cam lồ
 Đảng bang bang chi cầu uest
 Như tư kỳ đảo, tất vọng minh gia

Cử tán

Long Vương Thánh chúng
 Công đức nan lường

Ngũ hồ tứ hải, tán huỳnh tương
 Nhứt trích sái thanh lương
 Âm giả trừ ương
 Duy nguyện giáng kiết tường
 Nam mô cam lồ vương Bồ Tát (3 lần)

Tụng

Thất Phật diệt tội chơn ngôn:
 Ly bà ly bà đế, câu ha câu ha đế, đà la ni đế, ni ha ra đế, tỳ
 lê nễ đế, ma ha già đế, chơn lăng cànđế ta bà ha (3 lần).

Cử tán

Thiên chơn địa thánh
 Thủy triết dương kiên
 Tứ phủ la liệt biên sùng dinh
 Hộ pháp chúng chư thiên
 Đồng phú pháp diên
 Phước thọ quảng vô biên
 Nam mô Hộ Pháp chư thiên Bồ Tát (3 lần)



21. Nghi Thức Cúng Ngọ

(toàn diện)

Chúng ta đã thấy ở phần thứ 3 của sách này có đề cập tới nghi thức cúng đơn giản. Nhưng nhận thấy chưa cung ứng đủ cho nhu cầu cần thiết, chúng tôi xin chép lại “Nghi thức cúng Ngọ toàn diện” để chư Tăng có thể cử hành trong các đại trai đàn.

Tán

Chiên đàn hải ngạn
 Lư nhiệt danh hương
 Đa Du từ mẫu lưỡng vô ương
 Hỏa nội đắc thanh lương
 Chí tâm kiên tương
 Nhứt chú biến thập phương
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Tán

Tào Khê thủy, nhứt phái hướng đông lưu
 Quan Âm bình nội trừ tai cửu
 Đề Hồ quán đánh địch trần cấu
 Dương chi sái xứ nhuận tiêu khô
 Yết hầu trung cam lồ
 Tư hữu huỳnh tương thấu
 Hương vân cái Bồ Tát (3 lần)

Tụng tâm kinh

Nam mô Thánh Quan tự tại Bồ Tát (3 lần)

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh. Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc, vô vô minh tận. Nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận, vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư. Cố thuyết Bát Nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha (3 lần).

Tán

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
Thập phương thế giới diệc vô tỷ
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhứt thiết vô hữu như Phật giả

Lạy tam thế

Nam mô trung thiên giáo chủ điều ngự Bồn Sư Thích Ca
Mâu Ni Phật

Nam mô Tây phương giáo chủ tiếp dẫn đạo sư A Di Đà
Phật
Nam mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh Di Lặc tôn
Phật

Xướng sớ

Tứ bát đoan nghiêm vi diệu tướng
Tăng kỳ quả mãn kiếp tu lai
Diện như mãn nguyệt, mục như liên
Thiên thượng nhơn gian hàm cung thủ
Thế Tôn đức tướng
Nan tận tán dương
Kim hữu trai chủ thiết cúng thượng cúng sớ văn, cung
đổi Phật tiền, phủ thù minh chứng:

(Tuyên sớ)

Tụng cúng dường

Nam mô thường trụ thập phương Phật
Nam mô thường trụ thập phương Pháp
Nam mô thường trụ thập phương Tăng
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật
Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật
Nam mô đương lai hạ sanh Di Lặc tôn Phật
Nam mô thập phương tam thế nhứt thể chư Phật
Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát
Nam mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát
Nam mô Hộ Pháp chư thiên Bồ Tát
Nam mô Già Lam Thánh chúng Bồ Tát
Nam mô lịch đọi Tổ Sư Bồ Tát
Nam mô Giám Trai sứ giả Bồ Tát
Nam mô thập điện Minh Vương Bồ Tát

Nam mô La Hán chư thiên Bồ Tát
 Nam mô đạo tràng hội thượng Phật Bồ Tát

Nam mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lồ chi đế. Ấn tam bạt ra, tam bạt ra hồng.

Nam mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Ấn tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha.

Thử thực sắc hương vị
 Thượng cúng thập phương Phật
 Trung phụng chư hiền thánh
 Hạ cập lục đạo phẩm
 Đẳng thí vô sai biệt
 tùy nguyện giai bảo mãn
 Linh kim thí giả đắc,
 vô lượng Ba La Mật.
 Tam đức lục vị, cúng Phật cập Tăng
 pháp giới hữu tình, phổ đồng cúng dường
 Ấn nga nga nằng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng (3 lần)

Tán

Ngã kim phụng hiến cam lồ vị
 Lượng đẳng Tu Di vô quá thượng
 Sắc hương mỹ vị biến hư không
 Duy nguyện từ bi ai nập thọ
 Nam mô phổ cúng dường Bồ Tát (3 lần)

Thiên chơn địa thánh, thủy triết dương kiên
 Tứ phủ la liệt biển sùng dinh
 Hộ pháp chúng chư thiên
 đồng phú pháp diên, phước thọ quảng vô biên.
 Nam mô hộ pháp chư thiên Bồ Tát (3 lần)

**Tự Hộ Pháp vị
cử tán**

Kim giáp oai quang triệt sắc thu
Linh sơn phú chúc cảm tam châu
Bắc cu lư thuyết qui lai nhứt, nhứt
xử hàn ma nhập Phật lưu

Nam mô tam châu cảm ứng Hộ Pháp Vi đà tôn thiên Bồ Tát
(3 lần)

Xướng số:

Thần công quả trác, mật hạnh nan tư v.v...
(Tuyên số xong)

Tụng

Thiện thiên nữ chú:

Nam mô Phật Đà

Nam mô Đạt Ma

Nam mô Tăng già

Nam mô thất lý, ma ha đế tỷ da, đất nễ dã tha, ba lý phú lâu
na giá lý, tam mạn đà, đạt xá ni. Ma ha tỷ ha ra dà đế, tam mạn
đà, tỷ ni dà đế, ma ha ca rị dã, ba nễ ba ra, ba nễ tát rị phạ lật tha,
tam mạn đà, tu bác lệ đế, phú lệ na, a rị na, đạt mạ đế. Ma ha tỷ cố
tất đế, ma ha Di Lặc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỷ, tăng kỳ hê
đế, tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni.

**Tự Địa Tạng vị
Tán**

Chưởng ốc minh châu quang bất muội

Thủ trì kim tích nạp thiện diên

Tam đồ ngục nội bố từ vân

Ngũ thú ba trung trình cao trạo

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát (3 lần)

Tán

Thần thông du lý, hóa độ vô duyên
 Từ bi phổ tế bạt thâm yên
 Giác để quảng hoàng tuyên
 Diệu dụng chiêu nhiên
 Đốn chứng lễ kiêm tiên
 Khổ hải nghịch lưu truyền
 Nam mô đại thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát

Xướng số

Khê thủ từ bi đại giáo chủ
 Địa ngôn kim hậu quảng hàm tàng
 Nam phương thế giới dưng hương vân
 Hương vũ hoa vân cập hoa vũ
 Kim hữu trai chủ thiết cúng, v.v...
 (Tuyên số xong)

Tụng**Chú Vãng Sanh**

Nam mô a di đà bà dạ, đa tha già đa dạ, đa địa dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đá tất đam bà tỳ, a di rị đá tỳ ca lan đế, a di rị đá tỳ ca lan đá. Đà di nị, dà dà na chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lần)

Tự Tiêu Điện vị**Tán**

Phổ Đà lạc già thường nhập định
 Tùy duyên phú cảm my bất châu
 Tầm tinh cứu khổ độ quần mê
 Thị tắc danh vi quan tự tại
 Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ Tát

Xướng số

Tử trúc lâm trung trình, tướng ốc tiêu sơn, hạ hiện chơn hình v v (tuyên số xong)

Tụng

Phật Mẫu Chuẩn Đề thần chú
 Khê thủ quy y Tô Tất Đế, đầu diện đánh lễ thất cu chi
 Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề, duy nguyện từ bi thù gia
 hộ.

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam Bồ Đề, cu chi nẫm, đất
 diệt tha. Ân chiết lệ, chủ lệ Chuẩn Đề ta bà ha.

Tự bốn mạng**Tán**

Đế Thích thiên tào vọng giám tri
 Phàn hương khởi thỉnh hướng kim thi
 Bất vi bản thệ vi đàn nội
 Đồng khởi oai quang hạ tứ vi
 Nam mô lâm pháp hội Bồ Tát (3 lần)

Xướng số:

Nam, Bắc, Đông, Tây Trung ngũ đẩu
 Châu thiên thất thập nhị cung thần
 Nhị thập bát tú liệt phương ngưng
 Cửu diệu thất tinh chư thánh chúng
 Tư hữu v.v (tuyên số xong)

Tụng

Chí tâm quy mạng lễ v.v
 Ân xỉ lâm kim tra, tăng kim tra
 Ngô kim vị nhữ giải kim tra
 Chung bất vị nhữ kiết kim tra.
 Ân cường trung cường, kiết trung kiết
 Ma Ha Bát Nhã ba la mật.

Tán

Giải kiết giải kiết, giải oan kiết
 Giải liễu tiền sanh oan hà nghiệp
 Tẩy tâm thanh tịnh thể kiền tâm
 Cung đối thánh tiền cầu giải kiết
 Được Sư Phật (3 lần)
 Tiêu tai xí thanh quang vương phù
 Nguyên tiêu tam chương trừ phiền não
 Nguyên đặc trí tuệ chơn minh liễu
 Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
 Thế thể thường hành Bồ Tát đạo

Tự tứ sanh

Tứ sanh đẳng ư bảo địa
 Thượng tam hữu thoát hóa liên đài hội
 Hà sa ngã quỷ chứng tam hiền
 Vạn loại hữu tình đẳng thập địa
 Nam mô lâm pháp hội Bồ Tát (3 lần)

Nguyện sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 Cứu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 Bất thời Bồ Tát vi bạn hữu
 Nam mô siêu lạc độ Bồ Tát (3 lần)

Tụng chú Vãng Sanh

Nam mô a di đà bà dạ, đà tha dà đà dạ, đà địa dạ tha. A di rị
 đô bà tỳ, a di rị đá tất đam bà tỳ, a di rị đá tỳ ca lan đế, a di rị đá
 tỳ ca lan đá. Già di nị, dà dà na, chi đa ca lệ ta bà ha (3 lần)

Tán

Niệm Phật „Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát,, dẫn hồi điện
 Phật.

Vũ xích nhứt hạ

Thượng cúng dĩ ngật
Đương nguyện chúng sanh
Sở tác giai biện
Cụ chư Phật Pháp

Phục nguyện:

Nay nhờ công đức cả thiên liêng huệ cố
Độ cứu huyền thất tổ siêu thăng
Đương sanh lộc vị cao Tăng
Tai qua, nạn khỏi phước tăng thọ trường

Đồng niệm Phật

Nam mô A Di Đà Phật
(Lạy rồi lui ra)



Lời cuối

Qua 21 chương hầu như tạm đầy đủ lễ và nhạc của hàng Phật tử tại gia cũng như cho cả giới xuất gia, chúng tôi đoán chắc vẫn chưa được hoàn bị, vì còn thiếu sót. Tuy nhiên, nếu viết nhiều thêm vào nữa e sẽ quá rườm rà và phức tạp, và cũng khó cho người học Phật trong việc tra tìm. Riêng trong chương 21 này, nói đủ cũng chưa phải đủ. Vì lẽ, chúng tôi chỉ trình bày tổng quát, không dựa vào chi tiết. Chúng tôi quan niệm rằng, vị thầy cả nào trong một đàn tràng đều phải biết các chi tiết của một buổi lễ hay ít ra vị Công Văn cũng am tường (Công Văn: người lo số giấy). Do đó, chúng tôi tự nghĩ đưa các chi tiết của một buổi lễ vào phần này nữa, không còn cần thiết. Vả lại, về cách tán tụng, dầu theo cách tang 3 mõ 4 hay tang 2 mõ 1 hoặc tán xóc đi chẳng nữa, nếu đã nắm vững được nguyên tắc, tất cả các bài khác đều có thể thực hành được dễ dàng.

Mặc dầu Phật Giáo đã truyền vào Việt Nam gần 20 thế kỷ qua, nhưng vì đất nước phải trải qua biết bao cảnh binh biến do giặc ngoại xâm và nội thù. Do đó lòng người cũng không được thống nhất. Rồi cũng chính từ chỗ không thống nhất đó, mỗi địa phương mới có một lối tán tụng riêng, cho dù cũng tụng và tán chung bài tán ấy. Vì thế chúng tôi không dám bắt buộc quý vị phải theo hẳn một khuôn mẫu nào hoặc theo ai. Vì ai cũng có thể đúng mà cũng có thể sai. Đúng tức hợp theo giáo lý của Phật Giáo, còn sai là theo từng địa phương có mỗi đặc tánh riêng nên khó có thể hòa đồng.

Ngày nay mặc dầu người Việt Nam 50 triệu nói cùng một ngôn ngữ, nhưng trong đó có rất nhiều thổ ngữ và cũng chưa ai biết được đích xác về cách phát âm tiếng Việt của người miền nào đúng nhất trong 3 miền: Bắc – Trung – Nam. Mãi cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có được một Hàn Lâm Viện cho việc định

được vị trí của ngôn ngữ này. Vì thế, chúng tôi ước mong đây chỉ là một tập tài liệu về lễ và nhạc của Phật Giáo Việt Nam nói chung và của một vài địa phương nói riêng trong việc hành trì và tán tụng.

Việc ghi thành nốt nhạc để cho dễ tụng và tán, chúng tôi đã cố gắng thực hiện, nhưng xin thưa rằng, đó cũng chỉ là cách ghi chú đặc biệt về cách tán tụng của riêng Quảng Nam mà thôi. Còn tại những địa phương khác, chúng tôi không dám bàn đến. Vì những lý do như đã nêu trên. Ngay như những bài tán tụng tại địa phương xứ Quảng, chúng tôi cũng chưa dám phán quyết đã ghi được đúng hoàn toàn. Vậy kính mong các bậc tôn túc, các vị trưởng thượng chỉ giáo thêm, xin thâm tạ quý vị trước.

Chắc không tránh khỏi có nhiều vị xem quyền sách này sẽ bảo rằng, tại sao những phần tán tụng không dịch hẳn ra tiếng Việt cho dễ hiểu hơn mà vẫn cứ giữ nguyên chữ Hán?

Xin thưa: Phật Giáo là một tôn giáo gồm tất cả các môn triết học, khoa học, xã hội, lễ nhạc, luân lý, đạo đức v.v Nếu bỏ ra cả đời người chưa chắc đã nghiên cứu hết, huống gì chỉ học có mỗi một môn – môn đó nằm trong chữ Hán – chúng ta đã vội cho là khó? Nếu muốn hiểu, chúng ta cần phải học, học đương nhiên sẽ hiểu - việc đơn giản chỉ có thể thôi – Còn người chưa học, chưa nghiên cứu làm sao mong hiểu được hết. Hơn nữa trên thế gian này chưa có môn học nào dễ đến như thế, huống gì là môn triết học xuất thế gian như của Phật giáo? Và lại âm chữ Hán và âm chữ Việt nhiều lúc khác nhau, chứ không phải lúc nào cũng giống nhau. Do đó, nếu dịch các kinh hẳn sang tiếng Việt, việc tán tụng lại trở nên rắc rối hơn nữa. Thông thường những bài tán có 6 câu, hai câu đầu 4 chữ, câu thứ ba 7 chữ, câu thứ tư 5 chữ, câu thứ năm 4 chữ và câu thứ sáu 5 chữ. Cũng có những bài 4 câu, mỗi câu 7 chữ. Đặc biệt loại này, các vị Tổ Sư hay làm theo lối thơ Đường luật, có thể dịch sang tiếng Việt dễ dàng và giữ theo đúng qui luật được, nhưng về âm điệu không vững vàng như

trong âm chữ Hán. Có lẽ vì thế mà các bậc tiền bối giữ lại nguyên thể chữ Hán mà mãi cho đến ngày nay vẫn còn giữ nguyên vẹn như thế chẳng?

Ví dụ bài tán:

Bồ Tát liễu đầu cam lồ thủy
 Năng linh nhứt đích biến thập phương
 Tinh chuyên cầu uế tận quyền trừ
 Linh thử đạo tràng tất thanh tịnh

Nếu cố gắng dịch cho đúng âm và nghĩa bài này, chúng ta có thể tạm dịch được như sau:

Nhànht dương Bồ Tát nước cam lồ
 Một giọt hay mang đến mười phương
 Trừ khử tâm nhơ thành trong sạch
 Nơi này thanh tịnh đạo tràng.

Dịch như thế cũng gần sát nghĩa, nhưng hơi có phần nào gượng ép, và nhất là khi cất lên giọng tán, chúng tôi đoán chắc sẽ không thực hiện được. Và lại, những bài tán xưa nay được lưu truyền trong chốn Thiền môn tại Việt Nam và hầu như chư Tăng đều thuộc nằm lòng. Nếu bây giờ đem dịch sang tiếng Việt để học và tán tụng, thử hỏi bài dịch nào đúng nhất và âm điệu nào chúng ta có thể theo được? Đó là câu hỏi mà có lẽ chưa có câu trả lời nào xứng đáng cả. Vì thế, chúng tôi mong rằng những vị đi sau, nhất là hàng trưởng tử của Như Lai, nên cố gắng học nghĩa riêng và lúc tán tụng nên giữ nguyên chữ Hán, nhưng đọc âm theo tiếng Việt vẫn hay hơn.

Các khóa tán tụng, các nghi lễ của đại trai đàn, cũng như các nghi thức thông thường được cử hành trong các buổi lễ tại các chùa, nhất là nơi các Tổ đình xưa nay, không rõ đã bắt đầu từ lúc nào và do ai sáng chế ra. Sử liệu Phật giáo không đề cập tới vấn đề này một cách chính thức. Chúng ta cũng chỉ biết được rằng những nghi lễ đã có từ lâu đời mà thôi. Có một điều chúng tôi

dám xác quyết rằng khoa tán tụng phần lớn đều được du nhập từ Trung Quốc, nhưng khi truyền vào đến Việt Nam, các vị Tổ Sư người Việt thêm vào ít nhiều cho phù hợp với dân tộc tính của Việt Nam trong việc truyền bá giáo pháp của đạo Phật trong nhân gian.

Đứng trên căn bản giáo lý Tiểu Thừa hoặc Phật giáo Nguyên Thủy, nghi lễ đều sai với giáo lý chơn truyền. Vì trong tam tạng kinh của Tiểu Thừa Phật giáo không thấy đề cập đến vấn đề nghi lễ. Ngay cả các đại hồng chung, trống, mõ, linh, tang, khánh, trống cơm v.v.... bên các chùa của Tiểu Thừa như không có. Tại các chùa của Tiểu Thừa chỉ có một cái chuông duy nhất, dùng vào việc báo hiệu khi có người dâng hương cúng Phật và trong các buổi lễ mà thôi. Ngoài ra tuyệt nhiên không có một loại nhạc cụ, nhạc khí nào khác xen vào trong các buổi lễ cả.

Lại một điểm khác lạ nữa, trong các chùa Tiểu Thừa chỉ thờ độc tôn đức Bổn Sư Thích Ca hoặc nhiều lắm là các Đại Đệ tử của Ngài như ngài A Nan, Ca Diếp v.v

Trong khi đó tại các chùa của Đại Thừa Phật giáo thờ rất nhiều hình tượng mà hầu hết các hình tượng của chư Phật, các vị Bồ Tát được tôn thờ đều không có lịch sử trong thế giới này. Như các đức Phật: A Di Đà, đức Phật Dược Sư, đức Phật Di Lặc; các vị Bồ Tát như: Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát v.v....

Thế thì Đại Thừa Phật giáo căn cứ vào đâu để làm những việc trên? Ngay như trong hai chữ Đại Thừa cũng đã hàm chứa ý nghĩa là “số nhiều” rồi. Cái gì thuộc về số nhiều thì đương nhiên phải có sự khác biệt. Trong đó có người chủ trương đổi mới và cũng có kẻ muốn giữ nguyên như thế. Chữ Đại Thừa còn mang nhiều ý nghĩa thâm thúy hơn, nhưng trong phạm vi của bài này, chúng tôi chỉ trình bày sơ lược như thế.

Trong thời kỳ đức Phật còn tại thế, mỗi lần Ngài thuyết pháp, chư Thiên thường hay rải hoa cúng dường, ca ngợi tán dương, cũng như thường trỗi lên những âm nhạc tuyệt vời để cúng dường đáng Điều Ngự. Có lẽ do từ nguyên nhân này mà Phật giáo tại các nước theo Đại Thừa như Trung Hoa, Tây Tạng, Mông Cổ, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam v.v.... đều biến chế ra cách tán tụng để cúng dường đức Bổn Sư? Nếu quả đúng, đó cũng là một hình thức đổi mới, so với Tiểu Thừa Phật giáo.

Còn các hình tượng Phật và Bồ Tát? Trong các kinh điển Đại Thừa và Tiểu Thừa cũng đều có nhắc đến. Nhưng bên Tiểu Thừa không thờ những hình tượng nào không có trong thế giới này. Riêng Đại Thừa rất đa dạng trong việc thờ tự. Như vậy phải tôn thờ tượng Phật nào mới đúng? Lấy gì và y cứ vào đâu để biết rằng đức Phật A Di Đà của Trung Hoa và Nhật Bản mới đúng và đẹp hơn đức Phật A Di Đà của Việt Nam và Đại Hàn? Có lẽ chưa có một ai thấy rõ ràng hình tượng của các đức Phật và các vị Bồ Tát ở các thế giới khác, ngoại trừ đức Phật Thích Ca đã giới thiệu trong các kinh điển cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà này, cũng như có nhiều người vãng sanh được diện kiến chư Phật ở các thế giới khác, vì thế việc tạc nên những hình tượng kia, chúng ta khó có thể biết được nơi nào đúng nhất. Nhưng chúng tôi đoán chắc rằng, người Việt Nam phải thấy đức Phật Di Đà có hình tướng nhỏ, đẹp như người Việt Nam họ mới chịu. Người Trung Hoa phải thấy đức Quan Thế Âm Bồ Tát mặc áo thật lộng lẫy, trên đầu cài trâm và trang sức như một phụ nữ Trung Hoa họ mới hài lòng. Và người Nhật cũng thế, họ chỉ đồng ý lạy Phật và các vị Bồ Tát nào có hình dạng giống như người dân tộc họ mới chịu lễ bái.

Đó là cái nhìn của người Phật tử Đại Thừa Phật giáo và những sự phức tạp trong việc tín ngưỡng. Vì thế, ngày nay đạo Phật được truyền sang Âu Mỹ, cả hai phái Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có sự khác nhau về màu sắc và hình tượng. Sự khác nhau giữa Thiền Phật giáo Tây Tạng với Nhật Bản, cũng như sự lễ bái của người Phật tử Việt Nam với người Đại Hàn thật là phức

tạp và đa dạng! Do đó người Tây phương chẳng biết tin vào ai được – Ai đúng và ai sai? Nếu cho rằng đúng thì dựa vào đâu để nói đúng; còn sai thử hỏi tại đâu sai? Và sai ở những điểm nào? Từ đó có nhiều người Phật tử Đức qua tận Tích Lan hoặc Thái Lan để học đạo và có nhiều người đã xuất gia ngay tại các xứ đó. Dù vậy, họ vẫn chưa giải được mối hoài nghi. Nếu chỉ có Tiểu Thừa đúng, tại sao ngày nay các nước theo Phật giáo Đại Thừa vẫn bành trướng mạnh tại phương Bắc Á Châu; còn riêng tại Mỹ và Âu Châu vẫn có nhiều người tin theo? Riêng Tiểu Thừa cũng chưa hẳn chỉ có một phái, vì Phật giáo đã bị biến đổi và thăng trầm qua nhiều thời đại cũng như trải qua nhiều thế hệ khác nhau. Do đó việc giữ nguyên chữ “Nguyên Thủy” cũng chưa hẳn còn theo đúng nguyên thủy hoàn toàn. Nhưng xét cho cùng, người Tây phương khi muốn tin một điều gì, họ phải tìm hiểu cho đến tận gốc rễ của vấn đề rồi từ đó họ mới có thể hiểu thêm về sự phát triển của Đại Thừa cũng như Kim Cang thừa hoặc các thừa khác có lẽ dễ dàng hơn. Nếu đi tìm chỗ phát sinh Phật giáo tại Ấn Độ, ngày nay không còn nữa, vì đã trải qua bao cuộc chiến tranh tôn giáo giữa Ấn giáo và Hồi giáo, cũng như Hồi giáo muốn tiêu diệt Phật giáo hoặc Bà La Môn giáo, nên Phật giáo nguyên thủy phát sinh từ Ấn Độ cũng không còn giữ được nguyên vẹn tính chất nguyên thủy nữa. Phật giáo tại Ấn Độ, sau khi đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn độ 300 năm (khoảng thế kỷ thứ 3 trước Thiên Chúa), ngài Ma Lin Đa con của vua Asoka (A Dục Vương) đã mang Phật giáo nguyên thủy thời Chánh Pháp ấy từ Ấn Độ sang Tích Lan để truyền bá. Tích Lan là một hòn đảo biệt lập và không chịu ảnh hưởng bởi các cuộc chiến tranh với các láng quốc, nên chúng ta có thể tin tưởng rằng, Phật giáo Tích Lan phần nào còn giữ đúng theo nguyên thủy và đáng tin cậy hơn các nơi khác. Trong khi đó tam tạng kinh điển Đại Thừa bằng tiếng Sanscrit được phiên dịch sang tiếng Hán và tiếng Tây Tạng, nhưng sau đó bản dịch Sanscrit nguyên thủy đã bị thất truyền, vì bị chiến tranh Hồi giáo làm thiêu hủy. Sau này các vị cao Tăng mới dịch lại kinh điển từ tiếng Hán sang tiếng Sanscrit. Điều này cho ta có quyền kết luận: Tam Tạng kinh điển Đại Thừa không còn được nguyên vẹn,

vì bị biến thể qua nhiều lần dịch thuật. Rồi từ đó việc dịch sang các tiếng Việt, Đại Hàn, Nhật đương nhiên lại còn nhiều sửa đổi, thiếu sót hoặc thêm hoặc bớt nhiều nơi.

Ngày nay Phật giáo hay ngay cả các tôn giáo khác tại Việt Nam cũng đều không được truyền đạo và hành đạo một cách tự do dưới chính quyền thuộc Đảng Cộng Sản. Do đó việc trước tác, sưu tập các tài liệu về Phật giáo Việt Nam, ấn tống các kinh sách đã được xuất bản trước đây tại hải ngoại, thiết tưởng là một điều đáng làm và nên làm. Biết đâu sau này người Phật tử Việt Nam lại mang đạo Phật từ hải ngoại về truyền lại cho quê hương mình; vì sau bao nhiêu năm tháng không còn có được sự tự do tôn giáo, cũng như người Ấn Độ đã dịch lại Tam Tạng kinh điển tiếng Sanscrit từ chữ Hán. Nếu quả chúng ta làm được điều đó, thật là vinh hạnh cho Phật giáo Việt Nam! Việc dịch kinh điển từ tiếng này sang tiếng khác phải tốn hao nhiều công sức mà người khác còn làm nổi; còn như trường hợp của chúng ta, tiếng Việt thuần túy, việc dịch thuật hẳn đỡ đi được biết bao nhiêu nhân lực và tài lực cho tiền đồ Phật giáo nước nhà.

Ngày nay ở ngoại quốc, chúng ta có nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi hơn. Việc bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo cũng như văn hóa dân tộc không lấy gì làm khó khăn cho lắm. Chỉ có một điều đáng ngại, chúng ta không đủ sức và sự kiên nhẫn lâu dài để hoàn thành được nhiệm vụ cao cả đó thôi. Đặc biệt tại nước Đức, chính phủ và nhân dân Đức đã tận tình giúp đỡ người tỵ nạn Việt Nam chúng ta trong thập niên 70 và 80 rất nhiều. Nhưng chính quyền cũng không quên giúp đỡ đồng bào Phật tử Việt Nam tại đây bảo tồn những gì đã bị mất mát tại quê hương của chúng ta. Nhờ đó chúng ta còn được cơ may phát huy nền đạo giáo cổ truyền tại xứ này. Đây quả thật là một điều đáng tán thán biết bao!

Ngày xưa tại Ấn Độ có vua Asoka (A Dục), tại Nhật Bản có Shotoku Taishi (Thánh Đức Thái Tử), Việt Nam có các vua triều

Lý - Trần (1010-1400) và Trung Hoa có các vua nhà Lương, nhà Đường (đầu thế kỷ thứ 6 đến cuối thế kỷ thứ 8 sau Tây lịch) đã ra sức xiển dương Phật giáo một cách oai hùng trong lịch sử của các dân tộc nêu trên. Ngày nay tại các nước Tây phương, chúng ta vẫn tiếp nhận được sự giúp đỡ tận tình của các chính phủ, cũng như nhân dân các nước tự do trên thế giới. Mặc dù họ có một truyền thống lâu đời với tín ngưỡng theo Tin Lành hoặc Thiên Chúa. Việc làm cao đẹp ấy thật đáng quý và đáng ca tụng!

Hôm nay bút giả thành tựu được tác phẩm nhỏ này là nhờ vào sự gia hộ của chư Phật, chư ân sư Thầy Tổ đã dày công huấn dục nên người; ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ và ơn đối với các bậc thiện hữu tri thức, cũng như của tất cả mọi người. Xin hồi hướng tất cả công đức này đến các bậc cha mẹ trong bảy đời quá vãng và lục thân quyến thuộc được trực vãng Tây phương.

Thành tâm cầu nguyện phụ mẫu hiện tiền, cùng thân bằng quyến thuộc được tăng thêm phước huệ. Đồng thời cầu nguyện cho tất cả nhân loại được sống yên ổn trong ánh sáng từ bi trí giác của đức Phật và cầu cho tất cả chúng sanh chóng xa lìa phiền não, mau đạt đến giải thoát đạo vô thượng chánh chân.

Thời gian dù có trôi qua, không gian dù có đổi dời, xin nguyện với mười phương chư Phật, con luôn luôn giữ vững niềm tin và cố gắng làm được những việc phước lành nào cũng đều hồi hướng đến mọi người và mọi loài để đáp đền ân đức Tam Bảo trong muôn một.

Quyển sách nhỏ này được chấm dứt nơi đây. Kính mong chư Tôn Sư Thầy Tổ và các bậc Thiện Hữu Tri Thức chỉ giáo, bổ túc thêm những chỗ còn sơ sót, để nếu có cơ duyên tái bản, chúng tôi sẽ sửa đổi cho tập tài liệu hoàn chỉnh. Ước mong được như thế, bút giả cũng được nhờ và những người chung quanh đều được hưởng phần lợi lạc.

Viết xong ngày 28 tháng 6 năm 1984
Viên Giác tự - mùa an cư năm Giáp Tý

